

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM
LỚP 8
Môn : NGỮ VĂN
PHẦN THẨM ĐỊNH

CÀ MAU NĂM 2022

BÀI 1: NHỮNG GƯƠNG MẶT THÂN YÊU
(Thơ sáu chữ, bảy chữ)

MA TRẬN ĐỀ

TT	Nội dung kiến thức (theo Chương/bài/chủ đề)	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng số câu
1	Ngữ liệu 1: Trong lời mẹ hát	8	7	2	17
2	Ngữ liệu 2: Nếu mai em về Chiêm hóa	8	6	2	16
3	Ngữ liệu 3: Chái bếp	10	4	2	16
Tổng		26	17	6	49

Ngữ liệu 1

TRONG LỜI MẸ HÁT

*Tuổi thơ chở đầy cố tích
Dòng sông lời mẹ ngọt ngào
Đưa con đi cùng đất nước
Chòng chành nhịp võng ca dao.*

*Con gặp trong lời mẹ hát
Cánh cò trắng, dải đồng xanh
Con yêu màu vàng hoa mướp
“Con gà cục tác lá chanh”.*

*Khóm trúc, lùm tre huyền thoại
Lời ru vấn vít dây trầu,
Vầng trăng mẹ thời con gái,
Vẫn còn thơm ngát hương cau.*

*Con nghe thập thình tiếng cối,
Mẹ ngồi giã gạo ru con,
Lạy trời đừng giông đừng bão,
Cho nôi cơm mẹ đầy hơn.*

*Con nghe dập dờn sóng lúa
Lời ru hóa hạt gạo rồi
Thương mẹ một đời khốn khó
Vẫn giàu những tiếng ru nôi.*

Áo mẹ bạc phơ bạc phếch
Vải nâu bục mỗi chỉ sờn
Thương mẹ một đời cay đắng
Sao lời mẹ vẫn thảo thơm.

Thời gian chạy qua tóc mẹ
Một màu trắng đến nôn nao
Lưng mẹ cứ còng dần xuống
Cho con ngày một thêm cao.

Mẹ ơi, trong lời mẹ hát
Có cả cuộc đời hiện ra
Lời ru chắp con đôi cánh
Lớn rồi con sẽ bay xa.

(Sgk Ngữ văn 8 tập 1 - Chân trời sáng tạo)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 1: Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

- A. Thơ sáu chữ.
- B. Thơ lục bát.
- C. Thơ năm chữ.
- D. Thơ tự do.

Câu 2: Trong lời hát ru của mẹ, người con thấy những hình ảnh nào?

- A. Cánh cò trắng, dải đồng xanh, hoa mướp vàng, con gà cục tác, khóm trúc, lùm tre.
- B. Hoa mướp vàng, con gà cục tác, hoa lục bình, khóm trúc, lùm tre.
- C. Khóm trúc, lùm tre, hoa mướp vàng, con kênh xanh, hoa lục bình.
- D. Hoa bưởi, khóm trúc, lùm tre, hoa mướp vàng, con gà cục tác, hoa lục bình.

Câu 3: Chi tiết nào dưới đây miêu tả hình ảnh người mẹ trong bài thơ?

- A. Lưng mẹ còng dần xuống.
- B. Khuôn mặt mẹ tròn trĩnh
- C. Nước da mẹ bánh mật
- D. Mái tóc mẹ đen

Câu 4: Khổ thơ thứ nhất đã sử dụng vần nào và đó là loại vần gì?

- A. Vần “ao” - vần cách
- B. Vần “ai” - vần cách
- C. Vần “ao” - vần liền
- D. Vần “ai” - vần liền

Câu 5: Trong lời mẹ hát ru, người con nghe thấy những âm thanh nào?

A. Tiếng cối thập thành, sóng lúa đập dồn.

B. Tiếng suối chảy, tiếng gà gáy.

C. Tiếng cối thập thành, tiếng gà gáy.

D. Sóng lúa đập dồn, tiếng suối chảy.

Câu 6: Tìm từ láy tượng hình trong khổ thơ sau:

*“Tuổi thơ chờ đầy cổ tích
Dòng sông lời mẹ ngọt ngào
Đưa con đi cùng đất nước
Chòng chành nhịp võng ca dao.”*

A. Chòng chành

B. Dòng sông

C. Ngọt ngào

D. Chờ đầy

Câu 7: Tìm từ tượng thanh trong khổ thơ sau:

*“Con nghe thập thành tiếng cối,
Mẹ ngồi giã gạo ru con,
Lạy trời đừng giông đừng bão,
Cho nôi cơm mẹ đầy hơn.”*

A. Thập thành

B. Giã gạo

C. Giông bão

D. Nôi cơm.

Câu 8: Trong hai câu thơ “Thời gian chạy qua tóc mẹ/ Một màu trắng đến nôn nao” sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. Nhân hóa

B. So sánh

C. Ẩn dụ

D. Hoán dụ

b) Thông hiểu:

Câu 9: Những hình ảnh hiện lên qua lời hát ru của mẹ trong khổ thơ thứ 2 là những hình ảnh như thế nào?

A. Bình dị, quen thuộc ở làng quê.

B. Xa lạ, không có ở làng quê.

C. Là những hình ảnh không có thật.

D. Do tác giả tưởng tượng ra.

Câu 10: Hình ảnh người mẹ trong bài thơ hiện lên như thế nào?

A. Người mẹ gần bó, gần gũi với cuộc sống làng quê; người mẹ tần tảo, chịu thương chịu khó; người mẹ luôn muốn mang đến cho con những điều tốt đẹp nhất.

B. Người mẹ tần tảo, chịu thương chịu khó; người mẹ luôn muốn mang đến cho con những điều tốt đẹp nhất.

C. Người mẹ luôn muốn mang đến cho con những điều tốt đẹp nhất; người mẹ mong muốn con mình trưởng thành hơn.

D. Người mẹ luôn muốn mang đến cho con những điều tốt đẹp nhất; người mẹ mong muốn con mình trưởng thành hơn; mong con có cuộc sống giàu sang.

Câu 11: Nét đặc sắc trong hình ảnh “*Chòng chành nhịp võng ca dao*” là gì?

A. Gọi tả hình ảnh mẹ đưa võng ru con, đồng thời gọi tả âm điệu bổng trầm của những câu ca dao mẹ ru con.

B. Gọi tả âm điệu bổng trầm của những câu ca dao mẹ ru con.

C. Gọi tả hình ảnh mẹ đưa võng ru con và âm điệu của cuộc sống.

D. Gọi tả hình ảnh của cuộc sống xung quanh nhà thơ.

Câu 12: Hai câu thơ nào sau đây thể hiện rõ nét giá trị, ý nghĩa lời ru của mẹ?

A. *Lời ru chắp con đôi cánh/ Lớn rồi con sẽ bay xa.*

B. *Thời gian chạy qua tóc mẹ/ Một màu trắng đến nôn nao.*

C. *Tuổi thơ chở đầy cổ tích/ Dòng sông lời mẹ ngọt ngào.*

D. *Thương mẹ một đời khốn khó/ Vẫn giàu những tiếng ru nô.*

Câu 13: Nét độc đáo trong cách khắc họa hình ảnh mẹ trong bài thơ là gì?

A. Hình ảnh mẹ được khắc họa hoà lẫn vào lời ru, hình ảnh mẹ trong từng khổ thơ hiện lên song hành với tình cảm của con với mẹ.

B. Hình ảnh mẹ được khắc họa hoà lẫn vào lời ru thể hiện tình cảm của mẹ với con và của con với mẹ.

C. Hình ảnh mẹ được khắc họa hoà lẫn vào lời ru thể hiện tình cảm của mẹ với con và mong muốn của mẹ.

D. Hình ảnh mẹ được khắc họa hoà lẫn vào lời ru thể hiện tình cảm của mẹ.

Câu 14: Ý nào sau đây khái quát nội dung chính của bài thơ?

A. Bài thơ thể hiện ý nghĩa lời ru của mẹ, bộc lộ lòng biết ơn của nhà thơ đối với mẹ.

B. Bài thơ miêu tả hình ảnh người mẹ gắn với tuổi thơ và lời ru ngọt ngào.

C. Bài thơ khắc họa những năm tháng tuổi thơ của tác giả bên cạnh mẹ của mình.

D. Bài thơ kể lại nội dung lời hát ru của mẹ.

Câu 15: Nhận xét nào sau đây nói đúng nhất về cảm hứng chủ đạo của bài thơ ?

A. Những hi sinh của đời mẹ và những giá trị tốt đẹp mà mẹ đã truyền dạy cho con qua lời ru.

B. Nỗi nhớ mẹ của tác giả khi đi xa.

C. Tình yêu thương, lòng biết ơn của người con với mẹ.

D. Nỗi buồn bã, đau xót khi thấy mẹ ngày một già đi.

c) Vận dụng:

Câu 16: Thông điệp mà bài thơ muốn gửi gắm là gì?

A. **Hãy luôn yêu thương và trân trọng khi còn có mẹ; hãy luôn khắc ghi công ơn nuôi dưỡng và dạy dỗ của mẹ; hát ru là một nét văn hóa đẹp cần được giữ gìn và phát huy.**

B. Hãy luôn khắc ghi công ơn nuôi dưỡng và dạy dỗ của mẹ; Hát ru là một nét văn hóa đẹp cần được giữ gìn và phát huy.

C. Hát ru là một nét văn hóa đẹp mà địa phương nào cũng có nên tất cả chúng ta cần phải giữ gìn và phát huy.

D. Là con phải luôn cố gắng học tập tốt để đền đáp công ơn của cha mẹ - người đã sinh thành ra mình.

Câu 17: Em sẽ làm gì để trở thành người con hiếu thảo với mẹ ?

A. **Yêu thương, chăm sóc, ngoan ngoãn, vâng lời mẹ, cố gắng học tốt để mẹ được vui lòng.**

B. Không quan tâm nhiều đến việc học, dành nhiều thời gian đi làm thêm để kiếm thật nhiều tiền về cho mẹ.

C. Bỏ học ở nhà phụ giúp mẹ làm công việc gia đình.

D. Chỉ chăm sóc, phụng dưỡng khi cha mẹ già yếu

Ngữ liệu 2

NẾU MAI EM VỀ CHIÊM HOÁ

Mai Liễu

*Nếu mai em về Chiêm Hóa
Cho ta gửi nỗi nhớ cùng
Tháng giêng mưa tơ rét lộc
Em về vừa kịp mùa măng.*

*Sông Gâm đôi bờ trắng cát
Đá ngòi dưới bến trông nhau
Non Thần hình như trẻ lại
Xanh lên ngút ngát một màu.*

*Phố đông cứ mãi tìm nhau
Cô gái Dao nào cũng đẹp
Vòng bạc rung rinh cổ tay
Ngủ hoa mơn mớn ngực đầy.*

*Con gái bản Tày duyên quá
Sắc chàm như cũng pha hương
Chỉ riêng nụ cười môi mọng
Mùa xuân e cũng lạc đường.*

Nếu mai em về Chiêm Hóa

Đầu xuân đi hội “lùng tùng”
Quả còn chạm vai thì nhạt
Ngày lành duyên tốt mừng nhau.
(Sgk Ngữ văn 8, tập 1- Cánh diều)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 18: Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

- A. Thơ sáu chữ.
- B. Thơ lục bát.
- C. Thơ năm chữ.
- D. Thơ tự do.

Câu 19: Thời gian trong bài thơ là khi nào?

- A. Mùa xuân
- B. Mùa hạ
- C. Mùa thu
- D. Mùa đông

Câu 20: Dòng thơ nào được điệp lại trong khổ thơ cuối?

- A. Nếu mai em về Chiêm Hoá
- B. Đầu xuân đi hội “lùng tùng”
- C. Quả còn chạm vai thì nhạt
- D. Ngày lành duyên tốt mừng nhau

Câu 21: Hai câu thơ nào miêu tả rõ nhất bức tranh thiên nhiên mùa xuân trong khổ 1 và 2 của bài thơ?

- A. Tháng Giêng mưa tơ rét lộc/ Non thần hình như trẻ lại.
- B. Tháng Giêng mưa tơ rét lộc/ Em về vừa kịp mùa măng.
- C. Non thần hình như trẻ lại/ Em về vừa kịp mùa măng .
- D. Đá ngội dưới bến trông nhau/ Em về vừa kịp mùa măng

Câu 22: Từ tượng thanh trong khổ thơ sau là?

Phố đông cứ mãi tìm nhau
Cô gái Dao nào cũng đẹp
Vòng bạc rung rinh cổ tay
Ngủ hoa mơn mớn ngược đây.

- A. Rung rinh
- B. Mơn mớn
- C. Cũng đẹp
- D. Cổ tay

Câu 23: Tìm từ tượng hình trong khổ thơ sau:

Nếu mai em về Chiêm Hóa
Đầu xuân đi hội “lùng tùng”
Quả còn chạm vai thì nhạt

Ngày lành duyên tốt mừng nhau.

- A. Lùng tung
- B. Chiêm Hóa
- C. Ngày lành
- D. Duyên tốt

Câu 24: Biện pháp tu từ nào nổi bật được sử dụng trong khổ thơ sau:

*Sông Gâm đôi bờ trắng cát
Đá ngòi dưới bến trông nhau
Non Thần hình như trẻ lại
Xanh lên ngút ngát một màu.*

- A. Nhân hóa.
- B. So sánh.
- C. Ẩn dụ.
- D. Hoán dụ.

Câu 25: Chiêm Hoá là một địa danh ở đâu:

- A. Một huyện ở Tuyên Quang
- B. Một xã ở Cao Bằng
- C. Một huyện ở Đắk Lắk
- D. Một thành phố ở Điện Biên Phủ

b) Thông hiểu:

Câu 26: Tìm từ đồng nghĩa với từ “về” trong dòng thơ “*Nếu mai em về Chiêm Hoá*”?

- A. Hồi, trở lại
- B. Qua
- C. Tiến
- D. Đến.

Câu 27: Biện pháp tu từ nhân hóa được sử dụng trong hai câu thơ sau có tác dụng gì?

*“Đá ngòi dưới bến trông nhau
Non Thần hình như trẻ lại”.*

- A. Khắc họa lên bức tranh thiên nhiên mùa xuân hấp dẫn sinh động, gần gũi.
- B. Khắc họa tình yêu và nỗi nhớ quê hương của nhà thơ.
- C. Khắc họa vẻ đẹp thiên nhiên, vẻ đẹp con người Chiêm Hóa
- D. Khắc họa vẻ đẹp ngây thơ, hồn nhiên của cô gái Chiêm Hóa

Câu 28: Câu thơ “Cho ta gửi nỗi nhớ cùng” thể hiện điều gì về nhân vật trữ tình?

- A. Là một người yêu quê hương.
- B. Là một người chỉ biết nhớ và, không tự làm.
- C. Là một người mơ mộng viễn vông vì nỗi nhớ không thể nào gửi đi được.
- D. Là một người con xa quê.

Câu 29: Em hiểu được gì về thiên nhiên của Chiêm Hoá qua bài thơ?

- A. Một vùng núi non sông nước đang tươi đẹp, tràn đầy sức sống.

B. Một vùng núi non sông nước huyền ảo vô cùng vô tận.
C. Thiên nhiên có những thứ đẹp như những ngọn đồi xanh, cây đào hồng thắm.

D. Một vùng núi non thiên nhiên bị tàn phá bởi ô nhiễm môi trường.

Câu 30: Nghĩa của câu thơ “Ngày lành duyên tốt mừng nhau” là gì?

A. Ngày tốt lành, mừng duyên đôi lứa.

B. Mong ước về những chuyện tình đôi lứa đẹp đẽ.

C. Cuộc sống nơi đây toàn là chuyện vui.

D. Một ngày đẹp trời trong năm.

Câu 31: Đây là mạch cảm xúc của bài thơ?

A. Đi từ vẻ đẹp thiên nhiên, vẻ đẹp con người đến mong ước thành đôi.

B. Đi từ vẻ đẹp con người, vẻ đẹp thiên nhiên đến mong ước thành đôi.

C. Đi từ khuôn khổ xã hội đến vẻ đẹp riêng tư, ngọt ngào của con người.

D. Đi từ vẻ đẹp riêng tư, ngọt ngào của con người đến những trăn trở về cuộc sống.

c) Vận dụng:

Câu 32: Bài thơ đã khơi gợi trong em tình cảm cảm xúc gì?

A. Tình yêu và nỗi nhớ khi ở xa quê hương .

B. Sự chán ghét một vùng quê lụi tàn

C. Tình yêu thương nhưng có tính vụ lợi, không chân thành.

D. Sự xót xa của người con xa quê.

Câu 33: Thông điệp tác giả muốn gửi gắm qua bài thơ là gì?

A. Dù đi đâu chúng ta cũng phải yêu quê hương và luôn nhớ về cội nguồn.

B. Khung cảnh thiên nhiên gần gũi, giản đơn nhưng có hồn tạo nên một mùa xuân tràn đầy sức sống.

C. Lời nhắn nhủ của nhà thơ về tình yêu quê hương.

D. Tình yêu quê hương da diết, đầy gắn bó của nhà thơ.

Ngữ liệu 3

CHÁI BẾP

Cho tôi về chái bếp nhà tôi
Ngọn khói cong ngủ rồi chưa dậy
Nồi cơm bao năm mẹ đun dở
Chái bếp nằm nghe nặng nặng đêm

Chái bếp vườn nhà cha gọi tên
Cho cánh nỏ cong hình lưỡi hái
Cho tuổi mình là hoa là trái
Chái bếp thông mình xịch xịch mưa

Cho tôi về trái bếp của tôi
Nhà ba gian quá giang một chái
Có thần bếp ngụ trong than củi
Có một người dợm nắng dợm sương

Có tiếng cười tiếng khóc trên nôi
Hồn người chờ thuyền về quê cũ
Chái nhà tôi bao lần vàng cọ
Nước đầu nguồn về máng rong chơi

Cho tôi về chái bếp nhà tôi
Củ lửa non đêm đầy sương giá
Tiếng ngô giòn tiếng mẹ giòn hơn
Cho tôi về chái bếp nhà tôi...

(Sgk Ngữ văn 8 tập 1 - Chân trời sáng tạo)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 34: Bài thơ *Chái bếp* do ai sáng tác?

- A. Lý Hữu Lương.
- B. Tố Hữu.
- C. Bằng Việt.
- D. Y Phương.

Câu 35: Bài thơ *Chái bếp* được viết bằng thể thơ nào?

- A. Thơ bảy chữ.
- B. Thơ sáu chữ.
- C. Thơ tự do.
- D. Thơ năm chữ.

Câu 36: Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là gì?

- A. Biểu cảm
- B. Miêu tả
- C. Tự sự
- D. Thuyết minh.

Câu 37: Câu thơ nào được điệp lại nhiều nhất trong bài thơ?

- A. Cho tôi về chái bếp nhà tôi.
- B. Chái bếp vườn nhà cha gọi tên.
- C. Chái nhà tôi bao lần vàng cọ.
- D. Nhà ba gian quá giang một chái.

Câu 38: Trong chái bếp gia đình nhân vật “tôi” có những gì?

- A. Nồi cám của mẹ, thần bếp, tiếng cười tiếng khóc, củi lửa.
- B. Những bông cỏ dại.

- C. Những bông hoa rừng.
- D. Nồi cơm.

Câu 39: Câu thơ “*Ngon khói conng ngũ rồi chưa dậy*” sử dụng biện pháp tu từ gì?

- A. Nhân hóa.
- B. Ẩn dụ.
- C. So sánh.
- D. Hoán dụ.

Câu 40: Khổ thơ sau sử dụng vần gì?

*“Chái bếp vườn nhà cha gọi tên
Cho cánh nở cong hình lưỡi hái
Cho tuổi mình là hoa là trái
Chái bếp thõng mình xịch mưa”*

- A. Vần “ai” - liền
- B. Vần “ưa” - liền
- C. Vần “ơi” - cách
- D. Vần “oa” – cách

Câu 41: Thơ bảy chữ là thể thơ gì?

A. Là thể thơ mỗi dòng thơ gồm 7 chữ, mỗi bài gồm nhiều khổ, mỗi khổ có 4 câu.

- B. Là thể thơ có 7 câu.
- C. Là thể thơ có 7 câu, mỗi câu gồm 7 chữ.
- D. Là thể thơ có 7 câu, mỗi câu gồm 4 chữ.

Câu 42: Bố cục của bài thơ *Chái bếp* gồm mấy phần, ranh giới của các phần là gì?

- A. Ba phần: phần 1- khổ 1; phần 2 - khổ 2,3,4; phần 3 - khổ 5
- B. Bốn phần: phần 1- khổ 1; phần 2 - khổ 2,3; phần 3 - khổ 4; phần 4 - khổ 5
- C. Một phần
- D. Hai phần: phần 1- khổ ,21; phần 2 - khổ 3,4,5

Câu 43: Bài thơ *Chái bếp* là viết về dân tộc nào?

- A. Dân tộc Dao.
- B. Dân tộc Thái.
- C. Dân tộc Chăm.
- D. Dân tộc Tày.

b) Thông hiểu:

Câu 44: Câu thơ *Có mặt người dợm nắng dợm sương* có thể là chỉ ai?

- A. Người mẹ, người cha.
- B. Người cha.
- C. Người mẹ.
- D. Đứa con

Câu 45: Từ *dợm nắng dợm sương* trong câu thơ: “*Có một người dợm nắng dợm sương.*” gợi tả ý nghĩa gì?

- A. Sự vất vả in hằn trên gương mặt con người.

- B. Sự trải nghiệm sương nắng của con người.
- C. Con người hàng ngày phải chịu cảnh nắng sương.
- D. Nắng sương không làm cho con người thay đổi.

Câu 46: Câu thơ *Cho tôi về chái bếp nhà tôi* được điệp lại nhiều lần có tác dụng gì?

- A. Tạo điệp khúc nổi nhớ quê hương, gia đình da diết của tác giả.
- B. Niềm khát khao có được một gian chái bếp.
- C. Tình yêu với chái bếp gia đình - nơi đây ấp những kỉ niệm.
- D. Nhấn mạnh đặc điểm gia đình của dân tộc Dao.

Câu 47: Tác dụng của việc sử dụng điệp từ “*cho*” trong bài thơ là gì?

A. Mong ước được trở về căn nhà, nơi có cha mẹ yêu thương, nơi lưu giữ bao tập tục văn hoá, cuộc sống lao động của người Dao.

- A. Nhấn mạnh tình yêu, khát khao, nổi nhớ của tác giả về quê hương.
- B. Tạo nhịp điệu da diết cho bài thơ.
- C. Mong ước được trở về căn nhà, nơi có cha mẹ yêu thương.

c) Vận dụng:

Câu 48: Bài thơ đã khơi gợi trong em những tình cảm gì?

- A. Tình cảm nhớ nhung, yêu thương đối với ký ức tuổi thơ của mình
- B. Tình yêu con người ở quê hương
- C. Tình yêu dân tộc mình.
- D. Tình yêu văn hóa, con người

Câu 49: Những hình ảnh và âm thanh trong bài thơ đã khiến em nhớ lại điều gì?

- A. Những kỉ niệm bên gia đình, người thân yêu và căn nhà của mình.
- B. Những kỉ niệm đến trường đi học cùng bạn bè.
- C. Những kỉ niệm ngồi trên lưng trâu thả diều thổi sáo
- D. Những kỉ niệm với bà con hàng xóm.

BÀI 2: NHỮNG BÍ ẨN CỦA THẾ GIỚI TỰ NHIÊN (Văn bản thông tin)

MA TRẬN ĐỀ

TT	Nội dung kiến thức (theo Chương/bài/chủ đề)	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng số câu
1	Ngữ liệu 1: Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng ?	14	7	2	23
2	Ngữ liệu 2: Lũ là gì? Nguyên nhân và tác hại	9	7	3	19
Tổng		23	14	5	42

Ngữ liệu 1

SAO BĂNG LÀ GÌ VÀ NHỮNG ĐIỀU BẠN CẦN BIẾT VỀ SAO BĂNG?

Nhiều người tin rằng, khi nhìn lên bầu trời và thấy sao băng, nếu nhanh chóng ước một điều gì đó thì điều đó chắc chắn sẽ trở thành sự thật. Một số quan niệm cho rằng, sao băng là một hình tượng đẹp và thường gắn liền với nhiều câu chuyện về tình yêu.

Sao băng là gì?

Sao băng thực chất là đường nhìn thấy của các thiên thạch khi chúng đi vào bầu khí quyển Trái Đất với vận tốc rất lớn (khoảng 100 000 km/h). Lực ma sát của không khí đốt cháy thiên thạch làm nó phát sáng khi di chuyển. Thiên thạch có nguồn gốc là bụi vũ trụ, mảnh vụn từ các sao chổi hoặc các tiểu hành tinh. Hầu hết các thiên thạch bị đốt cháy trước khi chạm vào mặt đất. Tuy nhiên, nếu có kích thước lớn, chúng có thể rơi xuống và tạo nên những hố lòng chảo sâu trên lục địa.

Mưa sao băng là gì?

Mưa sao băng là hiện tượng nhiều sao băng xuất hiện đồng thời hoặc nối tiếp nhau từ chung một điểm xuất phát trên bầu trời.

Khi quan sát những trận mưa sao băng, chúng ta đều có thể dễ dàng nhận thấy các sao băng đều xuất phát hoặc hướng về một khu vực trên bầu trời. Khu vực đó **được gọi là tâm điểm của mưa sao băng**. Tên của các trận mưa sao băng sẽ được đặt theo tên khu vực chòm sao mà tâm điểm của trận mưa sao băng đó hướng tới.

Mỗi trận mưa sao băng thường kéo dài trong nhiều ngày, tuy nhiên khoảng thời gian sao băng xuất hiện nhiều nhất lại khá ngắn và trong khoảng cực điểm ấy, số lượng sao băng quan sát được có thể từ 10 cho đến 100 sao hoặc nhiều hơn nữa. Thỉnh thoảng, có những trận mưa sao băng dày đặc, **mật độ sao quan sát được có thể lên đến hàng nghìn hay thậm chí hàng chục nghìn sao mỗi giờ**. Những cơn mưa sao băng như thế được gọi là **bão sao băng**.

Mỗi năm thường có những trận mưa sao băng nào?

Mỗi năm có rất nhiều trận mưa sao băng. Sau đây là gợi ý cho bạn về một số trận mưa sao băng hằng năm có mật độ sao tương đối cao:

- Mưa sao băng Qua-đờ-ran-tít (Quadrantids): từ 1- 5/01 hằng năm, cực điểm thường vào 3 - 4/01.
- Mưa sao băng En-ta A-qua-rít (Eta Aquarids): 19/4 - 28/5 hằng năm, cực điểm vào 5 - 6/5.
- Mưa sao băng Pơ-sây (Perseids): 17/7 - 24/8 hằng năm, cực điểm vào 12 - 13/8.

- Mưa sao băng Ô-ri-ô-nit (Orionids): 2/10 - 7/11 hằng năm, cực điểm vào 21-22/10.

- Mưa sao băng Lê-ô-nit (Leonids): 10- 23/11 hằng năm, cực điểm vào 16 - 17/11.

- Mưa sao băng Gie-mi-nit (Geminids): 7 - 17/12 hằng năm, cực điểm vào 12 -13/12.

Việc quan sát được sao băng còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như trời mây, độ ô nhiễm không khí của nơi đó hay ánh sáng của Mặt Trăng. Nếu bầu trời nhiều mây thì không thể quan sát được sao băng, hay nơi đó có quá nhiều bụi ô nhiễm hoặc ánh sáng thì việc quan sát sao băng cũng gặp nhiều khó khăn.

Vì sao mưa sao băng lại có chu kì?

Sao băng là sự xuất hiện ngẫu nhiên của các thiên thạch trên bầu trời, vậy tại sao mưa sao băng lại có thể xuất hiện theo chu kì? Bên cạnh bụi vũ trụ thì trên thực tế, nguyên nhân chính làm xuất hiện mưa sao băng chính là các sao chổi. **Sao chổi là những thiên thể quay quanh Mặt Trời với quỹ đạo riêng. [...] Do được cấu tạo bởi băng, bụi và đá nên khi chuyển động gần Mặt Trời, đuôi sao chổi bị sức nóng của Mặt Trời đốt cháy, tạo thành những dải bụi trên quỹ đạo.** Nếu quỹ đạo của Trái Đất cắt ngang quỹ đạo của dải bụi này thì ít nhất mỗi năm vào đúng một thời điểm nhất định, Trái Đất sẽ đi xuyên qua dải bụi đó và hiện tượng mưa sao băng sẽ xảy ra trong thời gian đó. Vì vậy, hầu hết các trận mưa sao băng đều có chu kì là một năm.

(Theo Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng?, <https://voh.com.vn>, ngày 16/3/2022;1001 thắc mắc: Sao băng lao nhanh thế nào, vì sao bốc cháy trên không trung? <https://tienphong.vn>, ngày 16/3/2022)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 50: Văn bản trên gồm mấy đề mục?

- A. 4 đề mục.
- B. 3 đề mục.
- C. 6 đề mục.
- D. 5 đề mục.

Câu 51: Văn bản chủ yếu nói về đối tượng nào?

- A. Sao băng
- B. Sóng thần.
- C. Động đất.
- D. Lốc xoáy.

Câu 52: Theo văn bản, sao băng là gì?

A. Là đường nhìn thấy của các thiên thạch khi chúng đi vào bầu khí quyển Trái Đất với vận tốc rất lớn.

B. Là một hình tượng đẹp và thường gắn liền với nhiều câu chuyện về tình yêu.

C. Là nhìn lên bầu trời thấy sao băng nhanh chóng ước một điều gì đó

D. Các đáp án trên đều sai

Câu 53: Trong văn bản, thiên thạch có nguồn gốc từ đâu?

A. Mảnh vụn từ các sao chổi hoặc các tiểu hành tinh.

B. Là tâm điểm của các trận mưa.

C. Xuất hiện ngẫu nhiên trên bầu trời.

D. Là tên của một ngôi sao.

Câu 54: Văn bản trên thuộc loại nào?

A. Văn bản thuyết minh.

B. Văn bản nghị luận.

C. Văn bản tự sự.

D. Văn bản hành chính.

Câu 55: Mỗi trận mưa sao băng thường kéo dài trong bao lâu?

A. Vài ngày.

B. Vài giờ.

C. Vài phút.

D. Vài tuần.

Câu 56: Việc quan sát sao băng phụ thuộc vào những yếu tố nào?

A. Trời mây, độ ô nhiễm không khí.

B. Khi trời mưa

C. Khi trời nhiều sao

D. Tất cả các yếu tố trên.

Câu 57: Mưa sao băng Perseids thường xuất hiện vào lúc nào?

A. 17/7 - 24/8 hàng năm.

B. 2/10 - 7/11 hàng năm.

C. 19/4 - 28/5 hàng năm.

D. 7 - 17/12 hàng năm.

Câu 58: Khu vực mà mưa sao băng hướng tới gọi là gì?

A. Tâm điểm của mưa sao băng.

B. Trung tâm của mưa sao băng.

C. Diện tích của mưa sao băng.

D. Vòng tròn mưa sao băng.

Câu 59: Những trận mưa sao băng mà mật độ sao lên đến hàng nghìn hay hàng chục nghìn sao mỗi giờ gọi là gì?

A. Bão sao băng.

B. Mưa sao băng lớn.

C. Biển sao băng.

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 60: Tên của các trận mưa sao băng được đặt theo cái gì?

A. Tên khu vực chòm sao mà tâm điểm của trận mưa sao băng đó hướng tới.

B. Tên khu vực chòm sao mà mưa sao băng xuất phát.

C. Tên khu vực đầu tiên mưa sao băng xuất hiện.

D. Tên khu vực cuối cùng mưa sao băng xuất hiện.

Câu 61: Nguyên nhân chính làm xuất hiện mưa sao băng là gì?

A. Các sao chổi.

B. Bụi vũ trụ.

C. Sự va chạm các thiên thạch.

D. Sự va chạm các vì sao.

Câu 62: Mưa sao băng là hiện tượng gì?

A. Là hiện tượng nhiều sao băng xuất hiện đồng thời hoặc nối tiếp nhau từ chung một điểm xuất phát trên bầu trời.

B. Là hiện tượng nhiều sao băng xuất hiện đồng thời từ nhiều điểm xuất phát trên bầu trời.

C. Là hiện tượng nhiều sao băng xuất hiện nối tiếp nhau từ nhiều điểm xuất phát trên bầu trời.

D. Là hiện tượng nhiều sao băng xuất hiện đồng thời hoặc nối tiếp nhau từ nhiều điểm xuất phát trên bầu trời.

Câu 63: Văn bản đã sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ nào?

A. Số liệu.

B. Tên các đề mục.

C. Tên các trận mưa.

D. Khái niệm về mưa sao băng.

b) Thông hiểu:

Câu 64: Tại sao chúng ta nhìn thấy sao băng?

A. Các vì sao xung quanh chiếu sáng vào các thiên thạch.

B. Bản thân các thiên thạch phát sáng.

C. Ánh trăng chiếu sáng vào các thiên thạch.

D. Các thiên thạch bị đốt cháy do lực ma sát với không khí.

Câu 65: Em hãy cho biết mục đích của đoạn văn sau là gì: “Sao băng thực chất là đường nhìn thấy của các thiên thạch khi chúng đi vào bầu khí quyển Trái Đất với vận tốc rất lớn (khoảng 100 000 km/h). Lực ma sát của không khí đốt cháy thiên thạch làm nó phát sáng khi di chuyển. Thiên thạch có nguồn gốc là bụi vũ trụ, mảnh vụn từ các sao chổi hoặc các tiểu hành tinh.”

A. Xác định được thế nào là sao băng và sao băng được hình thành như thế nào.

B. Để được ước điều gì đó khi nhìn thấy sao băng.

C. Biết được chu kì của sao băng.

D. Biết được độ ô nhiễm của không khí khi sao băng xuất hiện.

Câu 66: Xác định thông tin chính trong đoạn văn: “*Mỗi năm có rất nhiều, cực điểm vào 12 - 13 tháng 12*”

A. Giới thiệu một số trận mưa sao băng có mật độ sao cao.

B. Giới thiệu tên gọi, ngày xuất hiện của mưa sao băng.

C. Giới thiệu mưa sao băng Qua-đờ-ran-tít (Quadrantids).

D. Giới thiệu mưa sao băng En-ta A-quarít (Enta Aquarids).

Câu 67: Dựa vào đâu em có thể xác định được những thông tin cơ bản trong văn bản trên?

A. Dựa vào các đề mục của văn bản để xác định những thông tin cơ bản.

B. Dựa vào chu kì của các trận mưa.

C. Dựa vào sự xuất hiện của các thiên thạch

D. Dựa vào khả năng quan sát

Câu 68. Cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu trong đoạn văn “*Sao băng thực chất là đường nhìn thấy của các thiên thạch ...tạo nên những hố lõng chảo sâu trên lục địa*” có tác dụng gì?

A. Giúp người đọc, người nghe hiểu rõ và phân biệt được thế nào là sao băng và nguồn gốc cũng như đặc điểm của nó.

B. Giúp người đọc, người nghe xác định được tên gọi cũng như đối chiếu, phân tích được thời gian, địa điểm và vị trí diễn ra mưa sao băng.

C. Giúp người đọc, người nghe phân tích được sự xuất hiện cũng như xác định được hiện tượng chu kì của mưa sao băng.

D. Giúp người đọc, người nghe phân tích được sự xuất hiện của mưa sao băng và tác dụng của nó.

Câu 69: Cho biết ý nghĩa của việc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản ?

A. Giúp cho người đọc dễ dàng hình dung được hiện tượng muốn nói đến và thể hiện tính xác thực và chính xác hơn.

B. Giúp cho văn bản liên kết mạch lạc chặt chẽ hơn.

C. Giúp cho văn bản trở nên giàu ý nghĩa hơn

D. Giúp cho văn bản trình bày rõ ràng chi tiết hơn.

Câu 70: Vì sao văn bản này lại được coi là văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên?

A. Vì sao băng là một hiện tượng tự nhiên và các thông tin trong bài được trình bày trên cơ sở khoa học để giải thích về hiện tượng này.

B. Vì tính chất chủ quan, duy tâm, duy ý chí của người viết.

C. Vì khi nói về sao băng thì người ta chỉ có thể nói về nó dưới dạng một văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên.

D. Tất cả các đáp án trên.

c) Vận dụng:

Câu 71: Trong cuộc sống hàng ngày, khi nhìn thấy sao băng con người thường làm gì??

- A. Khi nhìn thấy sao băng con người thường ước nguyện.
- B. Khi nhìn thấy sao băng thì điều ước đó sẽ trở thành sự thật.
- C. Khi nhìn thấy sao băng con người sợ tai họa sẽ ập đến.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 72: Nếu có lần thấy sao băng, em sẽ ước nguyện điều gì cho mọi người? Vì sao ?

- A. Em sẽ ước mọi người trên thế giới đều được sống hạnh phúc. Vì em mong muốn ai cũng có hạnh phúc khi được sống trên đời.
- B. Em sẽ ước mình được đến trường đi học. Vì cần phải có kiến thức cho bản thân
- C. Em sẽ ước mình được sống vui vẻ hạnh phúc. Vì lúc nào em cũng buồn.
- D. Cả ba phương án trên

Ngữ liệu 2

LŨ LỤT LÀ GÌ? NGUYÊN NHÂN VÀ TÁC HẠI

Hiện nay, sự khai thác rừng bừa bãi cùng với ô nhiễm môi trường không khí khiến cho Trái Đất nóng lên làm biến đổi khí hậu, gây nên lũ lụt, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. Vậy lũ lụt là gì? Tác hại của lũ lụt như thế nào?

Lũ lụt là gì?

Có rất nhiều người đang hiểu sai về khái niệm lũ lụt. Thực chất đây là một danh từ ghép, được tạo thành bởi hai từ đơn chỉ hai hiện tượng thiên nhiên vô cùng phổ biến là lũ và lụt. Vì thế, để hiểu rõ hơn thì hãy cùng tìm hiểu từng khái niệm một:

- Lũ là hiện tượng ngập lụt, nước chảy xiết có khả năng cuốn trôi nhà cửa, cây cối. Thông thường lũ có tốc độ chảy cao, mang tính bất ngờ và xuất hiện chủ yếu ở các vùng núi cao với địa hình đồi dốc.

Lũ được chia thành các loại khác nhau:

+ Lũ ống là hiện tượng lũ, nước với lưu lượng lớn đổ từ trên cao xuống thấp với địa hình khép kín tại các hang hoặc khe suối nhỏ, thường hẹp và có dạng ống. Do lượng nước đổ về lớn mà đường thoát nước lại khá nhỏ hẹp nên lũ sẽ rất mạnh, có thể cuốn trôi nhà cửa, ruộng vườn trên đường lũ đi qua.

+ Lũ quét là hiện tượng lượng mưa lũ khổng lồ chảy từ trên cao xuống thấp. Lũ quét thường không chảy mạnh như lũ ống nhưng lại gây ra thiệt hại lớn do

đường đi của nó rộng, có thể quét mọi nẻo đường. Sức mạnh của lũ quét phụ thuộc vào độ dốc của địa hình, khối lượng nước và cả hệ thống rừng nữa. Vì thế mà trồng rừng chống xói mòn sẽ hạn chế được tối đa tình trạng lũ quét.

+ Lũ sông là hiện tượng xảy ra do các trận mưa lớn ở đầu nguồn khiến cho lưu vực nước trên sông cao và chảy xiết hơn, làm tràn đê gây nên tình trạng ngập lụt.

- Lụt là hiện tượng nước ngập trong một vùng đất với một khoảng thời gian nhất định. Lụt có thể do lượng nước lũ quá nhiều khiến vỡ đê hay lượng nước lớn, không có chỗ thoát gây nên tình trạng ngập lụt.

Như vậy, lũ lụt được hiểu một cách đơn giản là hiện tượng mực nước trên sông, hồ quá lớn, quá mức quy định dẫn đến tình trạng ngập úng, nước tràn hoặc gây vỡ đê trực tiếp tràn vào khu dân cư.

Nguyên nhân gây ra lũ lụt

Lũ lụt xuất hiện bởi rất nhiều nguyên nhân khác nhau, gây nên những thiệt hại cho người dân cả về sức khỏe lẫn tài sản. Dưới đây là những nguyên nhân chính gây lũ lụt mà bạn nên biết:

Do bão hoặc triều cường

Bão và triều cường xảy ra tạo nên lượng nước lũ lớn, kèm theo đó là hiện tượng sụt lở đất khiến cho đất dâng lên làm tràn ngập nước vùng ven biển. Đó là lí do tại sao ở vùng biển, người ta phải trồng rừng ở phía ngoài đê để hạn chế triều cường, hạn chế tình trạng thiệt hại do lũ lụt gây nên.

Do hiện tượng mưa lớn kéo dài

Mưa lớn kéo dài ở các vùng đồng bằng (như ở các vùng đồng bằng thuộc miền Trung nước ta) khiến cho nước trên các con sông không kịp thoát, gây ra ngập úng. Ngoài ra, mưa lớn kéo dài còn hình thành nên các cơn lũ quét, lũ ống gây ra những thiệt hại nặng nề về người và của.

Do các thảm họa sóng thần, thủy triều

Hiện tượng thủy triều hay sóng thần cũng là một nguyên nhân gây nên tình trạng ngập lụt ở các tỉnh ven biển miền Trung do mực nước tràn về, dâng cao, tràn qua các con đê hay hồ thủy điện gây ngập lụt.

Do sự tác động của con người

Bên cạnh những nguyên nhân khách quan kể trên thì sự tác động của con người cũng là vấn đề gây nên tình trạng lũ lụt hiện nay. Việc chặt phá rừng, khai thác tài nguyên một cách bừa bãi khiến đồi núi bị xói mòn, dễ gây nên tình trạng ngập lụt hay sụt lở đất mỗi khi mùa mưa bão đến.

Hiện nay, mặc dù môi trường vẫn luôn được mọi người quan tâm, chung tay bảo vệ nhưng cũng không tránh khỏi ô nhiễm, khiến Trái Đất nóng lên, băng tan, nước biển dâng, gây nên nhiều thiên tai.

Tác hại của lũ lụt

Lũ lụt tác động trực tiếp đến con người, đến hoạt động sinh hoạt hằng ngày của người dân, để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng:

Gây thiệt hại về vật chất

Mỗi cơn lũ đi qua đều càn quét phá huỷ không biết bao nhiêu nhà dân, nương rẫy, giết hại các loại động vật. Ngoài ra, tình trạng bão lũ kéo dài còn khiến cho việc trồng trọt bị ảnh hưởng, các loại cây lương thực vì bị ngập úng mà chết, nguồn thực phẩm trở nên khan hiếm. Có thể nói lũ lụt gây nhiều thiệt hại trực tiếp về vật chất đối với người dân.

Gây thương vong về con người

Không chỉ gây thiệt hại về vật chất mà lũ lụt còn gây thiệt hại cả về con người, cướp đi sinh mạng của rất nhiều người. Điển hình là lũ lụt sông Dương Tử ở Trung Quốc năm 1911 đã khiến cho 100.000 người chết, hay lũ lụt đồng bằng sông Hồng năm 1971 khiến cho 594 người chết và hơn 100 000 người bị thương nặng. Như vậy, có thể thấy lũ lụt gây thiệt hại nghiêm trọng về người.

Tác động xấu đến môi trường nước

Tình trạng lũ lụt kéo theo những chất thải từ cống rãnh, ao hồ và các khu đổ rác làm ô nhiễm trực tiếp đến nguồn nước công cộng.

Lũ lụt thường xuyên kéo dài sẽ dẫn đến tình trạng khan hiếm nước uống, ảnh hưởng đến sức khỏe của mỗi người.

Là nguyên nhân của nhiều loại mầm bệnh

Việc sinh hoạt trong điều kiện thiếu thốn, xung quanh bị bao phủ bởi nước, rác thải, xác động vật,... sẽ là “mầm mống” cho các loại vi rút tấn công và lây lan bởi vì các loại dịch bệnh lan truyền qua đường nước rất nhanh.

Vì thế, trong điều kiện thiếu thốn, bạn vẫn nên bảo vệ sức khỏe của mình, hạn chế tiếp xúc với nguồn nước ô nhiễm.

Ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế địa phương, đất nước

Việc lũ lụt kéo dài còn ảnh hưởng đến nền kinh tế, làm giảm “tức thời” các hoạt động du lịch. Do tình trạng lũ lụt nên người dân không thể tăng gia sản xuất, đẩy mạnh việc làm, nền kinh tế cũng bị ảnh hưởng nhất định. [...]

(Theo MƠ KIỀU, khbvptr.vn,2-11-2020)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 73: Theo văn bản, em hãy cho biết lũ lụt là gì?

A. Là hiện tượng ngập lụt, nước chảy xiết có khả năng cuốn trôi nhà cửa, cây cối.

B. Là hiện tượng nước ngập trong một vùng đất với một khoảng thời gian nhất định.

C. Là từ để chỉ các hiện tượng tự nhiên mang tính chất tiêu cực, gây hại cho con người như: mưa phùn, nồm ẩm, bão, lốc,...

D. Là chuỗi song biển kéo dài lan truyền với vận tốc lớn.

Câu 74: Lũ ống là gì?

A. Là hiện tượng lũ, nước với lưu lượng lớn đổ từ trên cao xuống thấp với địa hình khép kín tại các hang hoặc khe suối nhỏ, thường hẹp và có dạng ống.

B. Là hiện tượng lũ mạnh làm vỡ các đường ống và khiến cho nước lũ tràn vào đường ống.

C. Là hiện tượng cơn lũ giống với hình cái ống, chảy/đổ xuống ngang dọc khắp mọi nơi, phá huỷ mọi thứ trên đường nó quét qua.

D. Là hiện tượng nước ngập trong một vùng đất.

Câu 75: Văn bản đã nêu lên những loại lũ nào?

A. Lũ ống, lũ quét, lũ sông.

B. Lũ sông, lũ biển, lũ suối.

C. Lũ hồ, lũ suối, lũ biển

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 76: Đâu **không** phải tác hại của lũ lụt?

A. Gây ô nhiễm môi trường không khí.

B. Gây thiệt hại về vật chất.

C. Gây thương vong về con người.

D. Tác động ô nhiễm môi trường nước.

Câu 77: Trận lũ lụt sông Dương Tử ở Trung Quốc năm 1911 đã khiến cho bao nhiêu người chết?

A. 100 000

B. 10 000

C. 1 000 000

D. 10 000 000

Câu 78: Văn bản trên tác giả đưa ra mấy nguyên nhân cơ bản gây ra lũ lụt?

A. 4 nguyên nhân

B. 5 nguyên nhân

C. 6 nguyên nhân

D. 7 nguyên nhân

Câu 79: Chọn đáp án đúng nhất để điền vào chỗ trống trong câu văn sau:

“..... là hiện tượng xảy ra do các trận mưa lớn ở đầu nguồn khiến cho lưu vực nước trên sông cao và chảy xiết hơn, làm tràn đê gây nên tình trạng ngập lụt.”

- A. Lũ sông
- B. Lũ quét
- C. Lũ tràn
- D. Lũ đầu nguồn

Câu 80: Câu nào sau đây **không** đúng về lũ quét?

A. Trồng cây lương thực chống xói mòn sẽ hạn chế được tối đa tình trạng lũ quét.

B. Là hiện tượng lượng mưa lũ khổng lồ chảy từ trên cao xuống thấp.

C. Lũ quét thường không chảy mạnh như lũ ống nhưng lại gây ra thiệt hại lớn do đường đi của nó rộng, có thể quét mọi nẻo đường.

D. Sức mạnh của lũ quét phụ thuộc vào độ dốc của địa hình, khối lượng nước và cả hệ thống rừng.

Câu 81: Đoạn văn sau đây được trình bày theo kiểu cầu trúc nào?

Mỗi cơn lũ đi qua đều tàn phá huỷ không biết bao nhiêu nhà dân, nương rẫy, giết hại các loại động vật. Ngoài ra, tình trạng bão lũ kéo dài còn khiến cho việc trồng trọt bị ảnh hưởng, các loại cây lương thực vì bị ngập úng mà chết, nguồn thực phẩm trở nên khan hiếm. Có thể nói lũ lụt gây nhiều thiệt hại trực tiếp về vật chất đối với người dân.

- A. Quy nạp
- B. Phối hợp
- C. Diễn dịch
- D. Song song

b) Thông hiểu:

Câu 82: Tại sao bão và triều cường có thể gây ra lũ lụt?

A. Vì bão và triều cường xảy ra tạo nên lượng nước lũ lớn, kèm theo đó là hiện tượng sụt lở đất khiến cho đất dâng lên làm tràn ngập nước vùng ven biển.

B. Vì người ta thấy rằng ở vùng biển có cây rừng ở phía ngoài đê nên người ta suy luận ra vậy.

C. Vì bão và triều cường gây ra những áp lực đối với kết cấu đất nên dễ khiến lũ lụt xảy ra.

D. Vì con người chặt phá rừng bờ biển.

Câu 83: Vì sao hiện tượng mưa lớn kéo dài có thể gây ra lũ lụt?

A. Vì nó khiến cho nước trên các con sông không kịp thoát, gây ra ngập úng.

B. Vì nó khiến cho trời thiếu nắng.

C. Vì nó được quy định trong luật pháp Quốc tế.

D. Vì con người muốn trữ nước để tưới cây.

Câu 84: Tại sao hiện tượng thủy triều hay sóng thần có thể gây nên tình trạng ngập lụt ở các tỉnh ven biển miền Trung?

A. Do mực nước tràn về, dâng cao, tràn qua các con đê hay hồ thủy điện gây ngập lụt.

B. Vì các tỉnh ven biển miền Trung nằm trong vành đai khí hậu ôn đới.

- C. Vì người dân ở các tỉnh miền Trung thích có lũ lụt để đánh bắt hải sản.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 85: Nguyên nhân nào gây ra lũ lụt mang tính chủ quan?

- A. Do sự tác động của con người
- B. Do bão hoặc triều cường
- C. Do hiện tượng mưa lớn kéo dài
- D. Do các thảm hoạ sóng thần, thuỷ triều

Câu 86: Câu nào sau đây **không** đúng về tác hại của lũ lụt?

A. Mặc dù lũ gây ra nhiều tác hại nhưng tình trạng bão lũ kéo dài có thể giúp cho việc trồng trọt trở nên dễ dàng hơn.

B. Lũ lụt tác động trực tiếp đến con người, đến hoạt động sinh hoạt hằng ngày của người dân, để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng.

C. Mỗi con lũ đi qua đều càn quét phá huỷ không biết bao nhiêu nhà dân, nương rẫy, giết hại các loại động vật.

D. Tình trạng lũ lụt kéo theo những chất thải từ cống rãnh, ao hồ và các khu đổ rác làm ô nhiễm trực tiếp đến nguồn nước công cộng.

Câu 87: Vì sao lũ lụt là nguyên nhân của nhiều loại mầm bệnh?

A. Vì việc sinh hoạt trong điều kiện thiếu thốn, xung quanh bị bao phủ bởi nước, rác thải, xác động vật,... sẽ là nơi “mầm mống” cho các loại vi rút tấn công và lây lan.

B. Vì trong nước mưa có các chất gây ra các bệnh về vi khuẩn cho cơ thể.

C. Vì người dân hiện tại luôn luôn chủ quan trước tình hình dịch bệnh bị phát tán từ lũ lụt.

D. Vì người dân không thể lao động, sản xuất.

Câu 88: Các nội dung trình bày trong *Lũ lụt là gì - Nguyên nhân và tác hại* đã làm sáng tỏ mục đích của văn bản như thế nào?

A. Giúp người đọc hiểu rõ hơn những thông tin về lũ lụt: khái niệm, nguyên nhân và tác hại.

B. Vì bão và triều cường gây ra những áp lực đối với kết cấu đất nên dễ khiến lũ lụt xảy ra.

C. Giúp người dân biết cách phòng chống lũ.

D. Tình trạng mưa lũ kéo dài làm ô nhiễm trực tiếp đến nguồn nước công cộng.

c) Vận dụng:

Câu 89: Theo em lũ lụt kéo dài sẽ ảnh hưởng thế nào đến nền kinh tế địa phương, làm giảm “tức thời” các hoạt động du lịch?

A. Người dân không thể tăng gia sản xuất và thực hiện hoạt động du lịch.

B. Lũ lụt ở một địa phương có thể làm gián đoạn nền kinh tế toàn cầu.

C. Vì chính phủ không bao giờ có các chương trình hỗ trợ người dân vùng lũ lụt.

D. Gây ô nhiễm môi trường.

Câu 90: Em thấy bản thân mình cần biết thêm thông tin gì nữa về lũ lụt?

A. **Biết thêm thông tin về cách ứng phó khi lũ lụt xảy ra để cố gắng giảm thiệt hại xuống mức thấp nhất.**

B. Làm nhà tránh lũ.

C. Chuyển đến nơi ít có lũ lụt để ở.

D. Cần bảo vệ sức khỏe tốt cho bản thân.

Câu 91: Chúng ta cần làm gì để phòng chống thiên tai, lũ lụt?

A. **Củng cố đê điều, thiết lập an toàn cho các ngư dân**

B. Tập trung xây dựng nhà ở ven biển

C. Xây dựng các nhà máy ở ven biển

D. Phát triển kinh tế biển

BÀI 3: SỰ SỐNG THIÊN LIÊNG (Văn bản nghị luận)

MA TRẬN ĐỀ

TT	Nội dung kiến thức (theo Chương/bài/chủ đề)	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng số câu
1	Ngữ liệu 1: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta	7	6	2	15
2	Ngữ liệu 2: Sự giàu đẹp của tiếng Việt	9	6	3	18
3	Ngữ liệu 3: Bức thư của thủ lĩnh da đỏ	8	5	2	15
Tổng		24	17	7	48

Ngữ liệu 1

TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA

Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.

Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang của thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.

Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng tạm bị chiếm, từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc. Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận

chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc đang tiêu diệt giặc, đến những công chức ở hậu phương nhịn ăn để ủng hộ bộ đội, từ những phụ nữ khuyên chồng con đi tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải, cho đến các bà mẹ chiến sĩ săn sóc yêu thương bộ đội như con đẻ của mình. Từ những nam nữ công nhân và nông dân thi đua tăng gia sản xuất, không quản khó nhọc để giúp một phần vào kháng chiến, cho đến những đồng bào điền chủ quyên đất ruộng cho Chính phủ... Những cử chỉ cao quý đó, tuy khác nhau nơi việc làm, nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước.

Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.

(Hồ Chí Minh, trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 6, NXB Sự thật, Hà Nội, 1986)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 92: Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

- A. Nghị luận
- B. Tự sự
- C. Miêu tả
- D. Biểu cảm

Câu 93: Tác giả cho rằng lòng yêu nước là:

- A. Một truyền thống quý báu của dân ta.
- B. Một khái niệm mới mẻ trong cuộc kháng chiến
- C. Một tinh thần cần có của dân ta
- D. Một loại tình cảm đặc biệt.

Câu 94: Tác giả ví tinh thần yêu nước của dân ta với cái gì?

- A. Các thứ của quý.
- B. Tinh thần yêu nước của nhân dân Liên Xô.
- C. Các động vật quý hiếm.
- D. Tinh thần dân tộc.

Câu 95: Đối tượng nào không xuất hiện trong bài văn *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*?

- A. Tư sản.
- B. Công chức.
- C. Chiến sĩ, công nhân.

D. Nông dân, điền chủ.

Câu 96: Trong bài văn trên, Bác Hồ viết về lòng yêu nước của nhân dân ta trong thời gian nào ?

A. Trong quá khứ và hiện tại

B. Trong quá khứ

C. Trong hiện tại

D. Trong tương lai

Câu 97: Đoạn văn “*Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.*” được trình bày theo kiểu:

A. Đoạn văn diễn dịch

B. Đoạn văn quy nạp

C. Đoạn văn song song

D. Đoạn văn phối hợp

Câu 98: Bằng chứng tác giả đưa ra cho lí lẽ “*Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta*” là gì?

A. Những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Quang Trung,...

B. Cuộc chiến chống quân Mông - Nguyên, đội quân xâm lược rất mạnh.

C. Tinh thần chiến đấu của Quang Trung.

D. Tinh thần chiến đấu của nhân dân ta.

b) Thông hiểu:

Câu 99: Văn bản này bàn về vấn đề gì?

A. Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

B. Truyền thống chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta.

C. Tinh thần đoàn kết trong xây dựng đất nước ta.

D. Truyền thống hiếu học của nhân dân ta.

Câu 100: Nét đặc sắc trong nghệ thuật nghị luận của bài văn này là gì ?

A. Sử dụng biện pháp so sánh và liệt kê theo mô hình “từ ... đến...”

B. Sử dụng biện pháp so sánh

C. Sử dụng biện pháp ẩn dụ

D. Sử dụng biện pháp nhân hoá

Câu 101: Từ “đồng bào” có nghĩa là:

A. Những người cùng một giống nòi, một dân tộc.

B. Những người cùng một nhiệm vụ.

C. Những người cùng một ý tưởng.

D. Những người cùng một sở thích.

Câu 102: Tác dụng của biện pháp liệt kê trong câu “*Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang của thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung...*”

A. Nhấn mạnh truyền thống yêu nước của nhân dân ta qua các thời kỳ lịch sử.

B. Liệt kê tên của các vị anh hùng.

C. Liệt kê tên của các vị vua qua các thời kỳ lịch sử.

D. Giúp câu văn hay hơn.

Câu 103: Ý nghĩa của đoạn văn: “*Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm*” là gì?

A. Dù thể hiện dưới hình thức nào lòng yêu nước cũng vô cùng quý giá.

B. Hai trạng thái của lòng yêu nước.

C. Lòng yêu nước là các thứ của quý.

D. Lòng yêu nước có thể âm thầm kín đáo hoặc biểu lộ rõ ràng, cụ thể.

Câu 104: Tại sao các lí lẽ, bằng chứng được đưa ra có thể làm sáng tỏ mục đích của văn bản?

A. Vì chúng có trong lịch sử, trong hiện thực cuộc kháng chiến của dân tộc và đầy sức thuyết phục, không ai có thể bác bỏ được.

B. Vì chúng sức thuyết phục, không ai có thể bác bỏ được.

C. Vì đây là bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

D. Vì chúng có trong lịch sử.

c) Vận dụng:

Câu 105: Mục đích của văn bản này là gì?

A. Hồ Chủ tịch nêu lên và làm sáng tỏ ý kiến của mình về một vấn đề xã hội: Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước.

B. Hồ Chủ tịch muốn chứng minh cho nhân dân ta thấy rằng cần phải học hỏi cách làm kinh tế của các nước tư bản.

C. Hồ Chủ tịch nêu lên và làm sáng tỏ ý kiến của mình về một vấn đề liên quan đến đạo lí con người: Đã là con người, sống trong một nước, thì phải hết mình vì dân tộc đó.

D. Hồ Chủ tịch muốn chứng minh cho nhân dân ta thấy rằng cần phải phát triển đất nước hùng mạnh.

Câu 106: Qua văn bản này, ta có thể học được gì về cách viết một bài văn nghị luận một vấn đề xã hội?

A. Cần phải lựa chọn vấn đề nghị luận có tính thực tiễn cao. Các lí lẽ, bằng chứng đưa ra cần phải chính xác, có sức thuyết phục mạnh mẽ.

B. Trình bày các ý theo cảm xúc của người viết.

C. Các lí lẽ, bằng chứng đưa ra nhiều để thuyết phục người khác.

D. Cần phải lựa chọn vấn đề nghị luận có tính thực tiễn cao.

Ngữ liệu 2

SỰ GIÀU ĐẸP CỦA TIẾNG VIỆT

Người Việt Nam ngày nay có lí do đầy đủ và vững chắc để tự hào với tiếng nói của mình. Và để tin tưởng hơn nữa vào tương lai của nó.

Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay. Nói thế có nghĩa là nói rằng: tiếng Việt là một thứ tiếng hài hoà về mặt âm hưởng, thanh điệu mà cũng rất tế nhị, uyển chuyển trong cách đặt câu. Nói thế cũng có nghĩa là nói rằng: tiếng Việt có đầy đủ khả năng để diễn đạt tình cảm, tư tưởng của người Việt Nam và để thoả mãn cho yêu cầu của đời sống văn hoá nước nhà qua các thời kỳ lịch sử.

[...] Tiếng Việt, trong cấu tạo của nó, thật sự có những đặc sắc của một thứ tiếng khá đẹp. Nhiều người ngoại quốc sang thăm nước ta và có dịp nghe tiếng nói của quần chúng nhân dân ta, đã có thể nhận xét rằng: tiếng Việt là một thứ tiếng giàu chất nhạc. Họ không hiểu tiếng ta, và đó là một ấn tượng, ấn tượng của người “nghe” và chỉ nghe thôi. Tuy vậy lời bình phẩm của họ có phần chắc không phải chỉ là một lời khen xã giao. Những nhân chứng có đủ thẩm quyền hơn về mặt này cũng không hiếm. Một giáo sĩ nước ngoài (chúng ta biết rằng nhiều nhà truyền đạo Thiên Chúa nước ngoài cũng là những người rất thạo tiếng Việt), đã có thể nói đến tiếng Việt như là một thứ tiếng “đẹp” và “rất rành mạch trong lối nói, rất uyển chuyển trong câu kéo, rất ngon lành trong những câu tục ngữ”. Tiếng Việt chúng ta gồm có một hệ thống nguyên âm và phụ âm khá phong phú. Tiếng ta lại giàu về thanh điệu. Giọng nói của người Việt Nam, ngoài hai thanh bằng (âm bình và dương bình) còn có bốn thanh trắc. Do đó, tiếng Việt có thể kể vào những thứ tiếng giàu hình tượng ngữ âm như những âm giai trong bản nhạc trầm bổng. [...] Giá trị của một tiếng nói cố nhiên không phải chỉ là câu chuyện chất nhạc. Là một phương tiện trao đổi tình cảm ý nghĩ giữa người với người, một thứ tiếng hay trước hết phải thoả mãn được nhu cầu ấy của xã hội. Về phương diện này, tiếng Việt có những khả năng dồi dào về phần cấu tạo từ ngữ cũng như về hình thức diễn đạt. Từ vựng tiếng Việt qua các thời kỳ diễn biến của nó tăng lên mỗi ngày một nhiều. Ngữ pháp cũng dần dần trở nên uyển chuyển hơn, chính xác hơn. Dựa vào đặc tính ngữ âm của bản thân mình, tiếng Việt đã không ngừng đặt ra những từ mới, những cách nói mới hoặc Việt hoá những từ và những cách nói của các dân tộc anh em và các dân tộc láng giềng, để biểu hiện những khái niệm mới, để thoả mãn yêu cầu của đời sống văn hoá ngày một phức tạp về mọi mặt kinh tế, chính trị, khoa học, kĩ thuật, văn nghệ...

Chúng ta có thể khẳng định rằng: cấu tạo của tiếng Việt, với khả năng thích ứng với hoàn cảnh lịch sử như chúng ta vừa nói trên đây, là một chứng cứ khá rõ về sức sống của nó.

(Đặng Thai Mai, *Tiếng Việt, một biểu hiện hùng hồn của sức sống dân tộc*, trong *Tuyển tập Đặng Thai Mai*, tập II, NXB Văn học, Hà nội, 1984)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 107: Phương thức biểu đạt chính của văn bản này là gì?

A. Nghị luận

B. Tự sự

C. Miêu tả

D. Biểu cảm

Câu 108: Tác giả đã chứng minh sự giàu có và khả năng phong phú của tiếng Việt về những mặt nào ?

A. Ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp.

B. Sự phong phú về từ vựng.

C. Sự đa dạng về ngữ pháp.

D. Sự phong phú, đa dạng về từ vựng và ngữ pháp.

Câu 109: Theo văn bản, người ngoại quốc đã nhận xét về tiếng Việt như thế nào?

A. Tiếng Việt là một thứ tiếng giàu chất nhạc.

B. Tiếng Việt là một thứ tiếng giàu chất thơ.

C. Tiếng Việt là một thứ tiếng giàu cảm xúc.

D. Tiếng Việt là một thứ tiếng giàu chất trữ tình.

Câu 110: Chứng cứ nào **không** được tác giả dùng để chứng minh “cái hay” của tiếng Việt?

A. Một thứ tiếng giàu chất nhạc.

B. Dồi dào về phần cấu tạo từ ngữ và hình thức diễn đạt.

C. Ngữ pháp uyển chuyển, chính xác.

D. Thoả mãn nhu cầu trao đổi tình cảm, ý nghĩ giữa người với người.

Câu 111: Chứng cứ nào **không** được tác giả dùng để nói lên “cái đẹp” của tiếng Việt?

A. Dồi dào về phần cấu tạo từ ngữ và hình thức diễn đạt.

B. Một thứ tiếng giàu chất nhạc.

C. Rành mạch trong lối nói.

D. Hệ thống nguyên âm và phụ âm phong phú.

Câu 112: Kết luận của tác giả khi chứng minh sự giàu đẹp của tiếng Việt là gì?

A. Cấu tạo và khả năng thích ứng với hoàn cảnh lịch sử là một biểu hiện về sức sống dồi dào của tiếng Việt.

B. Tiếng Việt là thứ tiếng giàu đẹp nhất trong các thứ tiếng trên thế giới.

C. Tiếng Việt là ngôn ngữ tốt nhất dùng để giao tiếp trong đời sống của người Việt Nam.

D. Tiếng Việt có cơ sở để phát triển mạnh mẽ trong tương lai.

Câu 113: Trong ngôn ngữ tiếng Việt, chiếm một tỷ lệ khá lớn trong lớp từ mượn, đó là từ gì?

A. Từ Hán việt

B. Từ Anh

C. Từ Pháp

D. Từ Nga

Câu 114: Để chứng minh sự giàu có và khả năng phong phú của tiếng Việt, trong bài văn của mình, Đặng Thai Mai đã sử dụng kiểu lập luận gì ?

A. Kết hợp chứng minh, giải thích và bình luận vấn đề

B. Chứng minh

C. Giải thích

D. Kết hợp phân tích và chứng minh vấn đề.

Câu 115: Đoạn đầu của bài văn (từ đầu đến qua các thời kì lịch sử), sau khi nêu nhận định tiếng Việt là một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay, tác giả đã sử dụng kiểu lập luận nào?

A. Giải thích

B. Chứng minh

C. Phân tích

D. Bình luận

b) Thông hiểu:

Câu 116: Trong các câu sau, câu nào nêu lên vấn đề cần nghị luận chính của bài văn?

A. Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay.

B. Tiếng Việt, trong cấu tạo của nó, thật sự có những đặc sắc của một thứ tiếng khá đẹp.

C. Tiếng Việt chúng ta gồm có một hệ thống nguyên âm và phụ âm khá phong phú.

D. Về phương diện này, tiếng Việt có những khả năng dồi dào về phần cấu tạo từ ngữ cũng như hình thức diễn đạt.

Câu 117: Em hiểu được gì về cách lập luận của tác giả trong đoạn văn mở đầu?

A. Cách lập luận rành mạch, ngắn gọn, có sức khái quát cao, đi từ khái quát đến cụ thể.

B. Kết hợp chứng minh, giải thích và bình luận vấn đề.

C. Chứng minh.

D. Giải thích.

Câu 118: Tính chất của dẫn chứng trong bài văn "Sự giàu đẹp của tiếng Việt" là gì?

A. Toàn diện, bao quát

- B. Cụ thể, tỉ mỉ
- C. Phong phú
- D. Tiêu biểu, chính xác

Câu 119: Đoạn “ *Người Việt Nam ngày nay có lí do đầy đủ và vững chắc để tự hào với tiếng nói của mình. Và để tin tưởng hơn nữa vào tương lai của nó.*” Nêu nội dung gì?

- A. Khẳng định vị trí và ý nghĩa của tiếng Việt
- B. Nêu lên lí do về lòng tự hào tiếng Việt của người Việt
- C. Khẳng định lòng tin tưởng của người Việt với tiếng Việt
- D. Nói lên tình cảm của tác giả với tiếng Việt

Câu 120: Em hiểu được gì về nét đặc sắc nghệ thuật mà tác giả sử dụng trong văn bản trên?

- A. Các dẫn chứng khá bao quát, toàn diện. Kết hợp hài hoà giữa giải thích, chứng minh với bình luận, hệ thống lập luận chặt chẽ.
- B. Hệ thống lập luận chặt chẽ
- C. Các dẫn chứng được dẫn ra khá bao quát, toàn diện.
- D. Sử dụng từ ngữ chọn lọc, lập luận chặt chẽ.

Câu 121: Cách nói nào không phải là ưu điểm trong nghệ thuật nghị luận của bài văn?

- A. Sử dụng nhiều loại biện pháp tu từ
- B. Kết hợp giải thích với chứng minh, bình luận
- C. Lập luận chặt chẽ
- D. Các dẫn chứng khá toàn diện, bao quát.

c) Vận dụng:

Câu 122: Văn bản trên nêu lên thông điệp gì?

- A. Cần giữ gìn, phát huy, tự hào sự giàu đẹp của tiếng Việt.
- B. Khẳng định lòng tin tưởng của người Việt với tiếng Việt
- C. Sự phong phú và đa dạng của tiếng Việt.
- D. Nói lên tình cảm của tác giả với tiếng Việt

Câu 123: Bài “Sự giàu đẹp của tiếng Việt” có ý nghĩa:

- A. Tiếng Việt mang trong mình những giá trị văn hóa rất đáng tự hào của người Việt Nam. Là một biểu hiện hùng hồn sức sống của dân tộc.
- B. Sự đa dạng về ngữ pháp
- C. Sự giàu có và đẹp đẽ của tiếng Việt.
- D. Tiếng Việt giàu chất thơ.

Câu 124: Em có nhận xét gì về tình cảm, thái độ của tác giả đối với tiếng Việt Qua văn bản?

- A. Trân trọng, tự hào, tin tưởng
- B. Ca ngợi, quảng bá
- C. Trân trọng, quảng bá

D. Giới thiệu, tin tưởng

Ngữ liệu 3

BỨC THƯ CỦA THỦ LĨNH DA ĐỎ

“Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu bất cứ một cách sống nào khác. Tôi đã chứng kiến cả ngàn con trâu rừng bị chết dần chết mòn trên những cánh đồng trơ trọi vì bị người da trắng bắn mỗi khi có đoàn tàu chạy qua. Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu nổi tại sao một con ngựa sắt nhả khói lại quan trọng hơn nhiều con trâu rừng mà chúng tôi chỉ giết để duy trì cuộc sống. Con người là gì, nếu cuộc sống thiếu những con thú? Và nếu chúng ra đi, thì con người cũng sẽ chết dần chết mòn vì nỗi buồn cô đơn về tinh thần, bởi lẽ điều gì sẽ xảy đến với con thú thì cũng chính xảy ra đối với con người. Mọi vật trên đời đều có sự ràng buộc.

Ngài phải dạy cho con cháu rằng mảnh đất dưới chân chúng là những năm tro tàn của cha ông chúng tôi, và vì thế, chúng phải kính trọng đất đai. Ngài phải bảo chúng rằng đất đai giàu có được là do nhiều mạng sống của chủng tộc chúng tôi bồi đắp nên. Hãy khuyên bảo chúng như chúng tôi thường dạy con cháu mình: Đất là Mẹ. Điều gì xảy ra với đất đai tức là xảy ra đối với những đứa con của đất. Con người chưa biết làm tổ để sống, con người giản đơn là một sợi tơ trong cái tổ sống đó mà thôi. Điều gì con người làm cho tổ sống đó, tức là làm cho chính mình...”

(Theo tài liệu *Quản lí môi trường phục vụ phát triển bền vững - Dự án VIETPRO – 2020, 1995; có đối chiếu và chỉnh sửa theo bản in trong cuốn *Chào năm 2000* NXB Đà Nẵng 1999)*

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 125: Trong đoạn trích trên, tác giả coi mình là:

- A. Kẻ hoang dã.**
- B. Người văn minh.
- C. Người chủ của vùng đất mà người da đỏ đang sống.
- D. Người trung thành với lợi ích của người da đỏ.

Câu 126: Cụm từ "tôi là kẻ hoang dã" được lặp lại mấy lần trong đoạn trích trên?

- A. Hai**
- B. Ba
- C. Bốn

D. năm

Câu 127: “Người da trắng” là danh từ thường chỉ người dân:

A. Châu Âu.

B. Hoa Kỳ.

C. Trung Quốc.

D. Châu Úc.

Câu 128: Trong câu “Tôi đã chứng kiến cả ngàn con trâu rừng bị chết dần chết mòn trên những cánh đồng trơ trọi vì bị người da trắng bắn mỗi khi có đoàn tàu chạy qua.” có mấy từ tượng hình?

A. Một

B. Hai

C. Ba

D. Bốn

Câu 129: Từ nào là từ Hán Việt dưới đây?

A. Tàu hỏa

B. Tàu lửa

C. Con ngựa sắt nhả khói

D. Tàu điện

Câu 130: Đoạn văn “Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu bất cứ một cách sống nào khác. Tôi đã chứng kiến cả ngàn con trâu rừng bị chết dần chết mòn trên những cánh đồng trơ trọi vì bị người da trắng bắn mỗi khi có đoàn tàu chạy qua. Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu nổi tại sao một con ngựa sắt nhả khói lại quan trọng hơn nhiều con trâu rừng mà chúng tôi chỉ giết để duy trì cuộc sống. Con người là gì, nếu cuộc sống thiếu những con thú? Và nếu chúng ra đi, thì con người cũng sẽ chết dần chết mòn vì nỗi buồn cô đơn về tinh thần, bởi lẽ điều gì sẽ xảy đến với con thú thì cũng chính xảy ra đối với con người. Mọi vật trên đời đều có sự ràng buộc.” được trình bày theo kiểu:

A. Đoạn văn quy nạp

B. Đoạn văn diễn dịch

C. Đoạn văn song song

D. Đoạn văn phối hợp

Câu 131: Trong đoạn trích, tác giả đã sử dụng kết hợp các biện pháp tu từ nào?

A. So sánh và điệp ngữ

B. So sánh và nhân hóa

C. Nhân hóa và ẩn dụ

D. Hoán dụ và ẩn dụ

Câu 132: Đoạn văn “Ngài phải dạy cho con cháu rằng mảnh đất dưới chân chúng là những năm tro tàn của cha ông chúng tôi, và vì thế, chúng phải kính trọng đất đai. Ngài phải bảo chúng rằng đất đai giàu có được là do nhiều mạng sống của chúng tộc chúng tôi bồi đắp nên.” sử dụng phép liên kết nào?

A. Phép lặp

- B. Phép thế
- C. Phép nối
- D. Cả A và C

b) Thông hiểu:

Câu 133: Cụm từ “ngựa sắt nhả khói” trong đoạn trích dùng để chỉ:

- A. Tàu hỏa**
- B. Con ngựa do Thánh Gióng cưỡi ra trận tiêu diệt giặc Ân.
- C. Những con ngựa chạy không biết mệt.
- D. Máy hơi nước.

Câu 134: Cụm từ “tôi là kẻ hoang dã” được lặp lại hai lần trong đoạn trích có ý nghĩa gì?

- A. Nhấn mạnh cách sống hòa hợp với thiên nhiên của người viết.**
- B. Chê lối sống của người da trắng.
- C. Phản đối người da trắng giết hại động vật.
- D. Cách sống hiện đại của người da trắng.

Câu 135: Các câu dưới đây, câu nào chứng tỏ người viết đề cao vai trò của động vật đối với cuộc sống con người?

- A. Con người là gì, nếu cuộc sống thiếu những con thú?**
- B. Điều gì sẽ xảy đến với đất đai thì cũng chính xảy ra đối với con thú.
- C. Tôi không hiểu nổi tại sao một con ngựa sắt nhả khói lại quan trọng hơn nhiều con trâu rừng.
- D. Tôi đã chứng kiến cả ngàn con trâu rừng bị chết dần chết mòn trên những cánh đồng trơ trọi vì bị người da trắng bắn mỗi khi có đoàn tàu chạy qua.

Câu 136: Ý chính của đoạn: “Ngài phải dạy cho con cháu rằng mảnh đất dưới chân chúng là những năm tro tàn của cha ông chúng tôi, và vì thế, chúng phải kính trọng đất đai. Ngài phải bảo chúng rằng đất đai giàu có được là do nhiều mạng sống của chúng tộc chúng tôi bồi đắp nên. Hãy khuyên bảo chúng như chúng tôi thường dạy con cháu mình: Đất là Mẹ. Điều gì xảy ra với đất đai tức là xảy ra đối với những đứa con của đất. Con người chưa biết làm tổ để sống, con người giản đơn là một sợi tơ trong cái tổ sống đó mà thôi. Điều gì con người làm cho tổ sống đó, tức là làm cho chính mình...” là:

- A. Khuyên người da trắng bảo vệ đất đai là bảo vệ chính mình.**
- B. Dạy người da trắng cách sử dụng đất.
- C. Phê phán người da trắng.
- D. Đất là vàng.

Câu 137: Cách hiểu nào đúng về câu: “Đất là Mẹ”?

- A. Đất là nguồn sống, sự che chở, bảo vệ con người.**
- B. Đất bảo vệ con người
- C. Con người cần xử dụng đất đai hợp lí.
- D. Đất đem lại sự giàu có cho con người.

c) Vận dụng:

Câu 138: Đoạn trích đã phê phán những hành động và thái độ gì của người da trắng thời đó?

- A. Thờ ơ, tàn nhẫn đối với môi trường sống.
- B. Tàn sát những người da đỏ.
- C. Hủy hoại nền văn hóa của người da đỏ.
- D. Xâm lược các dân tộc khác.

Câu 139: Đoạn trích trên nêu lên thông điệp gì?

- A. Con người phải sống hòa hợp với thiên nhiên, phải chăm lo bảo vệ môi trường và thiên nhiên như bảo vệ mạng sống của chính mình.
- B. Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu bất cứ một cách sống nào khác.
- C. Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu nổi tại sao một con ngựa sắt nhả khói lại quan trọng hơn nhiều con trâu rừng mà chúng tôi chỉ giết để duy trì cuộc sống.
- D. Hãy khuyên bảo chúng tôi như chúng tôi thường dạy con cháu mình: Đất là Mẹ.

BÀI 4: SẮC THÁI CỦA TIẾNG CƯỜI (Truyện cười)

MA TRẬN ĐỀ

TT	Nội dung kiến thức (theo Chương/bài/chủ đề)	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng số câu
1	Ngữ liệu 1: Treo biển	6	6	4	16
2	Ngữ liệu 2: Lợn cưới áo mới	7	6	3	16
3	Ngữ liệu 3: Tam đại con gà	6	5	2	13
Tổng		19	17	9	45

Ngữ liệu 1

TREO BIỂN

Một cửa hàng bán cá làm cái biển đề mấy chữ to tướng: “Ở ĐÂY CÓ BÁN CÁ TƯƠI”

Biển vừa treo lên, có người qua đường xem, cười bảo:

- Nhà này xưa quen bán cá ươn hay sao mà bây giờ phải đề biển là cá “tươi”?

Nhà hàng nghe nói, bỏ ngay chữ “tươi” đi.

Hôm sau, có người khách đến mua cá, cũng nhìn lên biển, cười bảo:

- Người ta chẳng nhẽ ra hàng hoa mua cá hay sao, mà phải đề là “ở đây”?

Nhà hàng nghe nói, bỏ ngay hai chữ “ở đây” đi.

Cách vài hôm, lại có người khách đến mua cá, cũng nhìn lên biển, cười bảo:

- Ở đây chẳng bán cá thì bày cá ra để khoe hay sao mà phải đề là “có bán”? Nhà hàng nghe nói, lại bỏ ngay hai chữ “có bán” đi. Thành ra biển chỉ còn có mỗi một chữ “cá”. Anh ta nghĩ trong bụng chắc từ bây giờ không còn ai bắt bẻ gì nữa.

- Vài hôm sau, người láng giềng sang chơi, nhìn cái biển, nói:

- Chưa đi đến đầu phố đã ngửi mùi tanh, đến gần nhà thấy đầy những cá, ai chẳng biết là bán cá, còn đề biển làm gì nữa?

Thế là nhà hàng cắt nốt cái biển!

Theo Trương Chính (*In trong sách Ngữ văn 6, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017*)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 140: Truyện “Treo biển” thuộc thể loại nào?

A. Truyện cười.

B. Truyện ngụ ngôn.

C. Truyện thần thoại.

D. Truyện cổ tích.

Câu 141: Truyện cười là gì?

A. Là thể loại tự sự dân gian chứa đựng yếu tố gây cười, nhằm mục đích giải trí hoặc phê phán, châm biếm, đả kích những thói hư, tật xấu trong cuộc sống.

B. Truyện cười là truyện kể về những thói hư tật xấu đáng cười trong xã hội.

C. Kể về thói hư, tật xấu cười cho thỏa thích.

D. Đả kích những chuyện đáng cười.

Câu 142: Người bán hàng treo biển để làm gì?

A. Để quảng cáo hàng

B. Để mọi người góp ý

C. Để trang trí cửa hàng

D. Để cửa hàng đỡ trống trải

Câu 143: Tấm biển có những thông tin nào?

A. Địa điểm, mặt hàng, chất lượng hàng

B. Địa điểm, thời gian, cách thức bán hàng

C. Địa điểm, mặt hàng, thời gian bán hàng

D. Địa điểm, mặt hàng, cách thức bán hàng

Câu 144: Từ “ở đây” trong tấm biển có vai trò gì trong tấm biển?

A. Chỉ địa điểm

B. Chỉ hoạt động bán của cửa hàng

C. Chỉ mặt hàng bán ra

D. Chỉ chất lượng mặt hàng

Câu 145: Trong câu “Ở đây có bán cá tươi”, nghĩa nào là nghĩa tường minh?

A. Tại đây có bán cá tươi

B. Tại đây không bán cá khô

- C. Tại đây không bán cá ươn
- D. Tại đây không mua cá

b) Thông hiểu:

Câu 146: Nội dung chính của văn bản *Treo biển* là gì?

- A. Kể chuyện về chiếc biển hiệu.
- B. Kể chuyện về người mua cá
- C. Nêu cảm nghĩ về chiếc biển hiệu
- D. Miêu tả cửa hàng của người bán cá

Câu 147: Kết quả cuối cùng của việc ông chủ luôn lắng nghe khách hàng là gì?

- A. Ông chủ cửa hàng cá tháo tấm biển cất đi.
- B. Tấm biển quảng cáo chỉ còn lại hai chữ cá tươi.
- C. Tấm biển quảng cáo chỉ còn lại hai chữ bán cá.
- D. Tấm biển quảng cáo không còn lại chữ nào.

Câu 148: Ông chủ cửa hàng trong truyện là người như thế nào?

- A. Thiếu tính quyết đoán, làm việc mà không có lập trường.
- B. Có tính quyết đoán và rất kiên định.
- C. Biết lắng nghe ý kiến của người khác, chấp nhận sửa chữa bản thân.
- D. Biết tiếp thu những cái hay, cái đẹp và cái đúng.

Câu 149: Nghệ thuật của thể loại truyện cười dân gian là:

A. Kết cấu ngắn gọn, tình tiết đơn giản, tình huống gây cười đặc sắc, kết thúc đột ngột, bất ngờ.

- B. Tình tiết đơn giản.
- C. Tình huống gây cười đặc sắc.
- D. Kết thúc đột ngột, bất ngờ.

Câu 150: Truyện cười “Treo biển” đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

- A. Xây dựng tình huống gây cười, kết thúc bất ngờ.
- B. Sử dụng yếu tố tưởng tượng kỳ ảo.
- C. Sử dụng nghệ thuật phóng đại.
- D. Xây dựng tình huống gây cười.

Câu 151: Khi nghe lời góp ý, thái độ của chủ cửa hàng là:

- A. Mỗi lần nghe một ý kiến lại bỏ đi một thông tin cần thiết trên biển .
- B. Phân vân, không biết làm gì
- C. Nghe theo và bỏ vài chữ
- D. Vẫn để nguyên tấm biển

c) Vận dụng

Câu 152: Bài học rút ra từ truyện cười “Treo biển” là gì?

- A. Cần có suy nghĩ và tự chủ trong cuộc sống.
- B. Cần nghĩ tới hậu quả khi làm một việc gì đó.
- C. Không cần treo biển khi bán hàng.

D. Cần nghe theo lời khuyên của tất cả mọi người

Câu 153: Truyện “Treo biển” muốn phê phán điều gì?

A. Phê phán những người thiếu chủ kiến khi làm việc, không chịu suy xét kỹ khi lắng nghe ý kiến của người khác.

B. Phê phán những người chủ quan, bảo thủ, không biết tiếp thu ý kiến của người khác.

C. Phê phán những người làm việc không có kế hoạch cụ thể.

D. Phê phán những người thích xen vào chuyện của người khác.

Câu 154: Ý nghĩa của truyện “Treo biển” là:

A. Tạo nên tiếng cười vui vẻ, có ý nghĩa phê phán nhẹ nhàng những người thiếu bản lĩnh, thiếu suy nghĩ độc lập khi làm việc, cũng như khi nghe người khác góp ý, nhận xét.

B. Người làm việc không suy xét kỹ, thiếu chủ kiến khi tiếp thu các ý kiến đóng góp

C. Tốn công, tốn sức nhưng không thu được gì.

D. Là truyện hài hước tạo nên tiếng cười hài hước nhẹ nhàng.

Câu 155: Nếu em cũng là khách ở cửa hàng bán cá em sẽ có lời khuyên gì cho cửa hàng?

A. Không nên quá nghe theo lời người khác để trở thành người luôn chạy theo người ta.

B. Không nên nghe theo những lời chê.

C. Chỉ nên nghe theo lời khen, bỏ qua lời chê.

D. Không cần nghe ai cả.

Ngữ liệu 2

LỢN CƯỚI ÁO MỚI

Anh nọ tính hay khoe của, một hôm may được cái áo mới bèn mặc vào, ra cửa đứng để mong có ai đi qua người ta khen. Nhưng đứng từ sáng đến chiều, chẳng thấy ma nào ngó đến. Đang lúc ấy, bỗng thấy một anh cũng có tính hay khoe của, chạy qua cửa hỏi to lên rằng:

- Tôi có con lợn cưới, bác có thấy nó chạy qua đây không?

Anh ta liền phanh hai vạt áo ra mà trả lời:

- Nay bác có lợn kia ơi! Từ lúc mặc cái áo mới này tôi chẳng thấy có con lợn nào chạy qua đây cả.

(Kho tàng truyện tiếu lâm Việt Nam, Nguyễn Cừ - Phan Trọng Thường biên soạn, sưu tầm, chọn tuyển, NXB Văn học, Hà Nội. 2001, tr.184)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) **Nhận biết:**

Câu 156: Truyện “Lợn cưới, áo mới” thuộc thể loại truyện dân gian nào?

- A. Truyện cười.
- B. Truyện thần thoại.
- C. Truyện cổ tích.
- D. Truyện ngụ ngôn.

Câu 157: Hai nhân vật chính trong truyện đều có điểm nào chung?

- A. Là những người thích khoe khoang.
- B. Là những người giàu có.
- C. Là những người giàu có nhưng bủn xỉn.
- D. Là những người nghèo khó nhưng ham làm giàu.

Câu 158: Yếu tố gây cười trong truyện “ Lợn cưới, áo mới” là:

- A. Lời nói, cử chỉ, điệu bộ của cả hai anh thích khoe của.
- B. Cả hai anh đều khoe được của.
- C. Lời nói, cử chỉ, điệu bộ của anh có áo mới.
- D. Hai anh có tính khoe của gặp nhau.

Câu 159: Đối tượng được đề cập đến trong truyện “Lợn cưới, áo mới” là gì?

- A. Tính cách khoe khoang của hai người.
- B. Con lợn cưới bị sổng chuồng.
- C. Cái áo mới.
- D. Con lợn cưới và cái áo mới.

Câu 160: Mục đích của truyện cười là?

- A. Tạo ra tiếng cười mua vui hoặc phê phán
- B. Nêu những mục đích của con người
- C. Phản ánh hiện thực cuộc sống
- D. Đả kích một vài thói xấu

Câu 161: Trong truyện, khi được hỏi *có thấy con lợn cưới chạy qua đây hay không*, người kia đã trả lời thế nào?

A. Từ lúc mặc chiếc áo cưới mới, anh ta chẳng thấy con lợn chạy nào chạy qua cả.

- B. Không thấy con lợn cưới chạy qua.
- C. Từ lúc mặc chiếc áo cưới mới, anh ta thấy có một con lợn chạy qua.
- D. Anh ta trả lời không rõ ràng.

Câu 162: Anh đi tìm lợn khoe của trong tình huống như thế nào ?

- A. Bị mất lợn.
- B. Có áo mới
- C. Bị mất áo.
- D. Khoe áo mới

b) Thông hiểu:

Câu 163: Tính khoe khoang được hiểu là:

A. Phô trương cho người ta thấy hay người ta nghe những gì mình có, cho mọi người biết mình có của.

- B. Luôn tự cao, tự đại, coi ý kiến bản thân mình là đúng.

- C. Thích thể hiện bản thân
- D. Luôn nói khoác, phóng đại sự việc.

Câu 164: Mục đích của nhân vật trả lời trong truyện “ Lợn cưới, áo mới” là gì?

- A. Để cho mọi người biết rằng mình có cái áo mới.
- B. Để cho người kia xấu hổ vì đã khoe con lợn cưới,
- C. Để cho người kia không tìm ra con lợn cưới.
- D. Để cho người kia không hỏi nữa.

Câu 165: Từ *ngó* trong câu “*Nhưng đứng từ sáng đến chiều, chẳng thấy ma nào ngó đến*” đồng nghĩa với từ nào sau đây?

- A. nhìn
- B. sáng
- C. chiều
- D. đứng

Câu 166: Mục đích của truyện *Lợn cưới áo mới* là gì?

- A. Đả kích thói khoe khoang hợm hĩnh.
- B. Kể chuyện mấy anh hợm của.
- C. Kể lại một chuyện đáng cười.
- D. Cười kẻ không biết làm chủ mình.

Câu 167: Từ địa phương "mãng cầu" của Nam Bộ có nghĩa toàn dân là gì ?

- A. Quả na
- B. Cây cầu
- C. Màu đỏ
- D. Quả cầu

Câu 168: Trong các tác phẩm văn chương, điện ảnh, từ ngữ địa phương được dùng như một phương tiện tu từ với mục đích:

- A. Tô đậm màu sắc địa phương và làm cho nhân vật trở nên chân thật hơn, sinh động hơn.
- B. Để tô đậm màu sắc giai tầng xã hội của ngôn ngữ.
- C. Để tô đậm tính cách nhân vật.
- D. Để thể hiện sự hiểu biết của tác giả về địa phương đó.

c) Vận dụng

Câu 169: Truyện “Lợn cưới, áo mới” phê phán điều gì?

- A. Tính cách khoa trương, khoe của.
- B. Những người thích chưng diện đồ mới.
- C. Những người hỏi nhưng không trả lời cụ thể.
- D. Thái độ thiếu khiêm nhã đối với người khác.

Câu 170: Truyện “Lợn cưới, áo mới” khuyên chúng ta điều gì?

- A. Không nên có tính cách khoe khoang, biến mình thành kẻ lỗ bịch, hợm hĩnh.
- B. Không nên nói năng thô lỗ, nhất là với người lớn tuổi.

C. Cần thể hiện thái độ tôn trọng đối với người khác, nhất là trong lời nói và hành động.

D. Cần nhìn nhận đúng bản thân, không nên khoe khoang quá sự thật.

Câu 171: Bài học nào sau đây đúng với truyện “Lợn cưới áo mới” ?

A. Khiêm tốn, không nên khoe khoang.

B. Chỉ khoe những gì mình có.

C. Không nên khoe một cách hợm hĩnh.

D. Có gì hay nên khoe mọi người cùng biết.

Ngữ liệu 3

TAM ĐẠI CON GÀ

Xưa, có anh học trò học hành dốt nát, nhưng trò đời “xấu hay làm tốt, dốt hay chơi chữ”, đi đâu cũng lên mặt văn hay chữ tốt.

Có người tưởng anh ta hay chữ thật, mới đón về dạy trẻ.

Một hôm, dạy sách Tam thiên tự, sau chữ “tước” là chim sẻ, đến chữ “kê” là gà, thầy thấy mặt chữ nhiều nét rắc rối, không biết chữ gì, học trò lại hỏi gấp, thầy cuống, nói liều: “Dù đi là con dù đi”. Thầy cũng khôn, sợ nhớ sai, người nào biết thì xấu hổ, mới bảo học trò đọc khẽ, tuy vậy, trong lòng thầy vẫn thấp thỏm.

Nhân trong nhà có bàn thờ thổ công, thầy mới đến khẩn thăm xin ba đài âm dương để xem chữ ấy có phải thật là “dù đi” không. Thổ công cho ba đài được cả ba.

Thấy vậy, thầy lấy làm sắc chí lắm, hôm sau bệ vệ ngồi trên giường, bảo trẻ đọc cho to. Trò vâng lời thầy, gân cổ lên gào:

– Dù đi là con dù đi... Dù đi là con dù đi...

Bố chúng đang cuốc đất ngoài vườn, nghe tiếng học, ngạc nhiên bỏ cuốc chạy vào, giở sách ra xem, hỏi thầy:

– Chết chửa! Chữ “kê” là gà, sao thầy lại dạy ra “dù đi” là con “dù đi”?

Bấy giờ thầy mới nghĩ thăm: “Mình đã dốt, thổ công nhà nó cũng dốt nữa”, nhưng nhanh trí thầy vội nói gỡ:

– Tôi vẫn biết chữ ấy là chữ “kê”, mà “kê” nghĩa là “gà”, nhưng tôi dạy cháu thế là dạy cho cháu nó biết tận tam đại con gà kia.

Chủ nhà càng không hiểu, hỏi:

– Tam đại con gà là nghĩa ra làm sao?

– Thế này nhé! Dù đi là con dù đi, dù đi là chị con công, con công là ông con gà!

Câu chuyện Tam đại con gà Theo Trương Chính – Phong Châu, Tiếng cười dân gian Việt Nam, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1986

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 172: Truyện “Tam đại con gà” phương thức biểu đạt chính là gì?

- A. Phương thức biểu đạt tự sự.
- B. Phương thức biểu đạt biểu cảm.
- C. Phương thức biểu đạt miêu tả.
- D. Phương thức biểu đạt nghị luận.

Câu 173: Truyện “Tam đại con gà” thuộc thể loại dân gian nào ?

- A. Truyện cười.
- B. Truyện thần thoại.
- C. Truyện cổ tích.
- D. Truyện ngụ ngôn.

Câu 174: Nhân vật chính trong truyện Tam đại con gà là?

- A. Anh học trò.
- B. Thổ công.
- C. Người cha
- D. Người vợ.

Câu 175: Nhân vật trong truyện cười thường có mấy loại?

- A. Hai loại.
- B. Ba loại.
- C. Bốn loại.
- D. Năm loại.

Câu 176: Nhân vật gây cười trong truyện “Tam đại con gà” là:

- A. Ông thầy dạy trẻ.
- B. Bố bọn trẻ.
- C. Bọn trẻ.
- D. Bố bọn trẻ và bọn trẻ.

Câu 177: Từ “bố” trong câu “*Bố chúng đang cuốc đất ngoài vườn, nghe tiếng học, ngạc nhiên bỏ cuốc chạy vào, giở sách ra xem*” nghĩa là gì theo ngôn ngữ địa phương Nam Bộ?

- A. Tía
- B. Má
- C. Bầm
- D. Mợ

b) Thông hiểu:

Câu 178: Cái gây cười nhất của truyện *Tam đại con gà* là:

- A. Thái giấu dốt, sĩ diện hão của thầy đồ.
- B. Cái dốt của kẻ thất học.
- C. Cái dốt của học trò.
- D. Đã dốt lại cả gan đi dạy trẻ.

Câu 179: Yếu tố bất ngờ trong truyện là gì?

- A. Thầy bị lật tẩy mà vẫn cố chống chế theo kiểu lấu cá vật.
- B. Thầy đắc chí, sai trò đọc to những lời vô nghĩa.
- C. Chủ nhà còn biết nhiều chữ hơn cả thầy.
- D. Thầy đã sai, Thổ công nhà chủ cũng sai.

Câu 180: Dòng nào nêu đúng yếu tố cần và đủ để tạo ra tiếng cười thông qua câu truyện?

- A. Cái đáng cười thể hiện qua nghệ thuật gây cười và được người nghe phát hiện.
- B. Cái đáng cười.
- C. Được thể hiện qua nghệ thuật gây cười.
- D. Người nghe phát hiện được cái đáng cười.

Câu 181: Thầy đồ trong văn bản đáng bị cười ở những điểm nào?

- A. Bị cười bởi hay nói chữ, ra vẻ ta đây uyên bác, ở tội mê tín, cách bịa đặt láo toét.
- B. Bị cười bởi hay nói chữ, làm ra vẻ ta đây uyên bác.
- C. Bị cười ở tội mê tín.
- D. Bị cười ở cách bịa đặt láo toét.

Câu 182: Đây là nghĩa hàm ẩn của câu tục ngữ “Cái nết đánh chết cái đẹp”?

- A. Cái đẹp về đạo đức có giá trị cao hơn hẳn cái đẹp bề ngoài.
- B. Có danh tiếng tốt quan trọng hơn có nhiều của cải, tiền bạc.
- C. Việc làm ra thóc gạo vô cùng vất vả, khó nhọc.
- D. Nhẫn nhịn sẽ giúp tránh được những điều không hay.

c) Vận dụng

Câu 183: Ý nghĩa phê phán của truyện “Tam đại con gà” là gì?

- A. Mang ý nghĩa phê phán, hóm hình, sâu sắc và mang đậm chất dân gian, đánh giá thầy đồ dạy chữ trong xã hội cũ.
- B. Tiếng cười phê phán trong nội bộ nhân dân.
- C. Tiếng cười đả kích các tầng lớp trong xã hội.
- D. Tiếng cười khôi hài có ý nghĩa giáo dục.

Câu 184: Bài học rút ra cho bản thân qua truyện cười “Tam đại con gà” là gì?

- A. Mọi người không nên dẫu dốt mà phải không ngừng học hỏi.
- B. Không nên có tính cách khoe khoang.
- C. Cần thể hiện thái độ tôn trọng đối với người khác, nhất là trong lời nói.
- D. Cần nhìn nhận đúng bản thân, không nên khoe khoang quá sự thật.

Bài 5: NHỮNG TÌNH HUỐNG KHÔI HÀI (Hài kịch)

MA TRẬN

TT	Nội dung kiến thức (theo Chương/bài/chủ đề)	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng số câu

1	Ngữ liệu 1: Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục	11	12	4	27
2	Ngữ liệu 2: Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục	8	9	2	19
Cộng		19	21	6	46

Ngữ liệu 1

ÔNG GIUỐC - ĐANH MẶC LỄ PHỤC

Phó may, Thợ phụ mang bộ lễ phục của ông Giuốc-đanh.

Ông Giuốc-đanh, Gia nhân.

Ông Giuốc-đanh - A! Bác đã tới đây à? Tôi sắp phát khùng lên vì bác đây.

Phó may - Tôi không làm sao đến sớm hơn được, ấy là tôi đã cho hai chục chú thợ phụ xúm lại bộ lễ phục của ngài đấy.

Ông Giuốc-đanh - Đôi bít tất lụa bác gửi đến cho tôi chật quá, tôi khổ sở vô cùng mới xỏ chân vào được và đứt mất hai mắt rồi.

Phó may - Rồi nó dãn ra thì lại rộng quá ấy chứ.

Ông Giuốc-đanh - Phải, nếu tôi cứ làm đứt mãi các mắt thì sẽ rộng thật. Lại đôi giày bác bảo đóng cho tôi làm tôi đau chân ghê gớm.

Phó may - Thưa ngài, đâu có.

Ông Giuốc-đanh - Đâu có là thế nào!

Phó may - Không, đôi giày không làm ngài đau đâu mà.

Ông Giuốc-đanh - Tôi, tôi bảo là nó làm tôi đau.

Phó may - Ngài cứ tưởng tượng ra thế.

Ông Giuốc-đanh - Tôi tưởng tượng ra thế vì tôi thấy thế. Bác này lí luận hay nhỉ!

Phó may - Thưa, đây là bộ lễ phục đẹp nhất triều đình và may vừa mắt nhất. Sáng chế ra được một bộ lễ phục trang nghiêm mà không phải màu đen thật là tuyệt tác. Tôi thách các thợ giỏi nhất mà làm nổi đấy.

Ông Giuốc-đanh - Thế này là thế nào? Bác may hoa ngược mất rồi!

Phó may - Nào ngài có bảo là ngài muốn may hoa xuôi đâu!

Ông Giuốc-đanh - Lại cần phải bảo may hoa xuôi ư?

Phó may - Vâng, phải bảo chứ. Vì những người quý phái đều mặc như thế này cả.

Ông Giuốc-đanh - Những người quý phái mặc áo hoa ngược ư?

Phó may - Thưa ngài, vâng.

Ông Giuốc-đanh - Ồ! Thế thì bộ áo này may được đấy.

Phó may - Nếu ngài muốn thì tôi sẽ may hoa xuôi lại thôi mà.

Ông Giuốc-đanh - Không, không.

Phó may - Xin ngài cứ việc bảo.

Ông Giuốc-đanh - Tôi đã bảo không mà. Bác may thế này được rồi. Bác cho rằng tôi mặc áo này có vừa vặn không?

Phó may - Còn phải nói! Tôi đổ họa sĩ nào lấy bút mà vẽ hầu ngài bộ áo vừa khít hơn được. Ở nhà tôi có một thợ phụ may quần cộc thì tài nhất thiên hạ; và một chú khác là anh hùng của thời đại về may áo chèn đây.

Ông Giuốc-đanh - Bộ tóc giả và lông đính mũ có được chững chạc không?

Phó may - Chững chạc tuốt!

Ông Giuốc-đanh - (*Nhìn áo của bác phó may*) Ô kìa, bác phó! Vải này là thứ hàng tôi đưa bác may bộ lễ phục trước của tôi đây mà. Tôi nhận ra đúng nó rồi.

Phó may - Chẳng là thứ hàng đẹp quá nên tôi đã gạn lại một áo để mặc.

Ông Giuốc-đanh - Đành là đẹp, nhưng đáng lẽ đừng gạn vào áo của tôi mới phải.

Phó may - Mời ngài mặc thử bộ lễ phục chứ ạ?

Ông Giuốc-đanh - Ừ, đưa đây tôi.

Phó may - Khoan đã, không thể mặc như thế được. Thứ áo này phải mặc đúng thể thức, tôi có đem người đến để mặc hầu ngài theo nhịp điệu. Ở này! Vào đây, các chú. Các chú hãy mặc bộ lễ phục này hầu ngài theo cách thức mặc cho các nhà quý phái.

(Trích: “ Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục”. In trong *tuyển tập kịch Mô-li-e*, NXB Sân khấu, 1994).

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 185: Đoạn trích trên được viết theo thể loại gì?

- A. **Hài kịch.**
- B. Chính kịch.
- C. Truyện cười.
- D. Bi kịch.

Câu 186: Các chỗ in nghiêng, đặt trong dấu ngoặc đơn, ở đoạn trích được gọi là:

- A. **Lời chỉ dẫn sân khấu.**
- B. Lời người kể chuyện.
- C. Suy nghĩ trong lòng nhân vật chính.
- D. Bản chất thực sự của tình huống.

Câu 187: Đặc điểm nổi bật của “bộ lễ phục đẹp nhất triều đình” của ông Giuốc - đanh là gì ?

- A. **Hoa ngược**
- B. Màu đen
- C. Trang nhã
- D. Rẻ tiền

Câu 188: Bác phó may đã bào chữa như thế nào khi ông Giuốc-đanh phát hiện áo mình bị may hoa ngược?

- A. Hoa phải may như thế mới là đúng, hợp với phong cách quý phái.
- B. Hoa phải may như thế mới tiết kiệm và phù hợp với phong cách quý phái.
- C. Hoa không phải là điểm quan trọng trên chiếc áo. May như thế là đúng.
- D. Hoa phải may như thế mới nổi bật và hợp thời trang.

Câu 189: Thái độ của ông Giuốc - đanh như thế nào khi nghe bác phó may giải thích những người quý phái đều mặc áo may hoa ngược?

- A. Tán thưởng về sang trọng của chiếc áo may hoa ngược.
- B. Chê chiếc áo may hoa ngược và yêu cầu bác phó may phải may lại.
- C. Không chấp nhận chiếc áo may hoa ngược và tỏ ý không muốn mặc thử nó.
- D. Thắc mắc vì sao những người quý phái lại mặc áo hoa ngược.

Câu 190: Khi nhìn áo của bác phó may, ông Giuốc - đanh phát hiện ra điều gì?

- A. Áo của bác phó may được may từ chỗ vải còn thừa lần trước mà ông Giuốc-đanh đã đưa cho.
- B. Áo của bác phó may chất lượng hơn áo của bản thân mình rất nhiều.
- C. Bác phó may đã lừa dối mình là người quý phái đều mặc áo may hoa ngược.
- D. Áo của bác phó may may ngược hoa cũng giống như bộ lễ phục của mình.

Câu 191: Ông Giuốc - đanh đặt may bộ lễ phục với mong muốn gì?

- A. Mong muốn trở thành một quý ông, để được coi là quý tộc.
- B. Mong muốn trở thành một người giàu có được mọi người tôn trọng.
- C. Mong muốn trở thành một người tri thức để được mọi người kính trọng.
- D. Mong muốn trở thành một người thông thái để được mọi người thán phục.

Câu 192. Từ *nhĩ* trong câu văn sau: “*Bác này lí luận hay **nhĩ!***” thuộc từ loại nào?

- A. Trợ từ
- B. Danh từ
- C. Động từ
- D. Tính từ

Câu 193: Thán từ trong đoạn trích: “*Ô kìa, bác phó! Vải này là thứ hàng tôi đưa bác may bộ lễ phục trước của tôi đây mà. Tôi nhận ra đúng nó rồi.*” là:

- A. *Ô kìa*
- B. *bác phó!*
- C. *đây mà*
- D. *đúng nó rồi.*

Câu 194: Trong đoạn văn: “*Vâng, phải bảo chú. Vì những người quý phái đều mặc như thế cả.*” có mấy trợ từ?

- A. Hai
- B. Ba
- C. Bốn

D. Năm

Câu 195: Từ “A” trong lời thoại: “A! Bác đã tới đấy à? Tôi sắp phát khùng lên vì bác đây.” thuộc từ loại nào dưới đây?

A. Thán từ.

B. Phó từ.

C. Đại từ.

D. Trợ từ.

b) Thông hiểu:

Câu 196: Đây là nghệ thuật nổi bật nhất trong văn bản

A. Khắc họa tính cách nhân vật và cách tạo dựng mâu thuẫn

B. Tạo dựng mâu thuẫn

C. Khắc họa tính cách nhân vật

D. Tạo tiếng cười

Câu 197: Qua thái độ của ông Giuốc - đanh đối với chiếc áo may hoa ngược, em thấy ông ta là người như thế nào ?

A. Dốt nát, kém hiểu biết.

B. Cầu kì trong vấn đề ăn mặc.

C. Thích những cái lạ mắt.

D. Hài hước và hóm hình.

Câu 198: Qua cuộc đối thoại giữa ông Giuốc - đanh và bác phó may về đôi tất và đôi giày, tác giả cho thấy ông Giuốc - đanh là người như thế nào?

A. Người ngốc nghếch.

B. Người am hiểu về thời trang và cả nghề may.

C. Người thuộc tầng lớp quý tộc.

D. Người sang trọng và quý phái.

Câu 199: Cuộc đối thoại giữa bác phó may và ông Giuốc - đanh về bộ lễ phục “may ngược hoa” đã cho thấy tính cách nào của ông Giuốc - đanh?

A. Thích phô trương và sang trọng nhưng thực chất hết sức ngờ nghệch.

B. Tính cách phóng khoáng, yêu thích cái đẹp.

C. Nhạy bén trong việc làm quen với cái đẹp.

D. Thích làm sang và cũng rất thông minh, sắc sảo.

Câu 200: Nội dung **chủ yếu** trong cuộc đối thoại giữa ông Giuốc - đanh và bác phó may là:

A. Bộ lễ phục.

B. Bộ tóc giả.

C. Đôi bít tất.

D. Lòng đĩnh mũ.

Câu 201: Qua đoạn trích, em thấy ông Giuốc - đanh là người như thế nào?

A. Là một người ham hư danh, thiếu hiểu biết, thích khoe khoang, dễ bị lừa.

B. Là một người ngu muội, thể hiện qua việc ông dễ bị lừa.

C. Là một người chừng chạc, có hiểu biết nhưng thích nịnh nọt.

D. Là một người thông thái, sáng suốt, ưa nịch nọt.

Câu 202: Xung đột trong hài kịch đôi khi là mâu thuẫn giữa cái xấu với cái xấu. Điều đó được thể hiện như thế nào trong đoạn trích trên?

A. Mâu thuẫn giữa sự dốt nát của ông Giuốc - đánh và mưu mô lừa lọc của bác phó may.

B. Mâu thuẫn giữa việc nịnh hót của đám thợ phụ và sự lừa lọc của bác phó may.

C. Mâu thuẫn giữa bản chất xấu xa của con người với những điều tâm thường.

D. Mâu thuẫn giữa việc nịnh hót của đám thợ phụ và sự dốt nát của ông Giuốc-đánh.

Câu 203: Màn kịch trên khai thác dạng xung đột nào trong các dạng xung đột dưới đây:

A. Xung đột giữa “cái thấp kém” với “cái thấp kém”

B. Xung đột giữa “cái cao cả” với “cái thấp kém”

C. Xung đột giữa “cái cao cả” với “cái cao cả”

D. Cả A và C đều đúng.

Câu 204: Giá trị nội dung của đoạn trích trên là:

A. Khắc họa tính cách lỗ lã của ông Giuốc - đánh đã dốt nát còn học đòi làm sang, tạo nên tiếng cười cho đọc giả.

B. Ông Giuốc - đánh may mắn phục cho một phó may tuy nhiên bị phó may phát hiện ra nhiều điểm sai nên đã bị đánh đòn.

C. Ông Giuốc - đánh muốn bước chân vào giới quý tộc nhưng không thành bởi ông mặc phải một bộ lễ phục dờm.

D. Ông Giuốc - đánh nhờ phó may tạo ra bộ trang phục đẹp nhất, sang trọng và phù hợp nhất để bước chân vào giới quý tộc.

Câu 205: Từ nào có thể thay thế từ “chững chạc” trong câu: “Bộ tóc giả và lông đính mũ có được chững chạc không?” ?

A. đường hoàng

B. sang trọng

C. đẹp đẽ

D. ngay ngắn

Câu 206: Câu nào dưới đây sử dụng cách nói phóng đại?

A. Tôi không làm sao đến sớm hơn được, ấy là tôi đã cho hai chục chú thợ phụ xúm lại bộ lễ phục của ngài đấy.

B. Phó may, Thợ phụ mang bộ lễ phục của ông Giuốc - đánh đến.

C. Rồi nó dẫn ra thì lại rộng quá ấy chứ.

D. Đôi bít tất lụa bác gửi đến cho tôi chật quá, tôi khổ sở vô cùng mới xỏ chân vào được và đã đứt mất hai mắt rồi.

Câu 207: Câu ca dao nào sau đây nói đúng về những người không có tiền mà có tính cách học đòi làm sang trong xã hội?

- A. Ra đường mũ áo xanh sang
Về nhà hỏi vợ: “Cám rang đâu mà?”
- B. Râu tôm nấu với ruột bầu
Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon.
- C. Tay nâng chén muối đĩa gừng
Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau.
- D. Chồng em áo rách em thương
Chồng người áo gấm xông hương mặc người.

c) Vận dụng:

Câu 208: Theo em, đoạn trích trên **chủ yếu** muốn phê phán điều gì?

- A. Phê phán nhóm người mắc "bệnh sĩ" trong xã hội. Thiếu hiểu biết nhưng thích khoe khoang, thích nịnh bợ.
- B. Phê phán nhóm người nhiều tiền, thông minh, có hiểu biết nhưng thích nghe nịnh nọt nên dễ bị lừa.
- C. Phê phán nhóm người nghèo khó nhưng thích đua đòi, thích nghe nịnh bợ nên dễ bị lừa.
- D. Phê phán nhóm người rất hiểu biết nhưng lại đi lừa người khác, không làm giàu chân chính.

Câu 209: Nhân vật phó may là hiện thân cho nhóm người nào trong xã hội?

- A. Là những kẻ sống tham lam và giả dối. Lợi dụng sự ngu dốt của người khác để mưu cầu lợi ích cho bản thân.
- B. Là những tên thích nịnh nọt, có nỗ lực, có hiểu biết về chuyên môn và luôn nói thật.
- C. Là những người không vì thân phận thấp hèn mà không nỗ lực, không làm giàu chân chính.
- D. Là những người có khiếu thẩm mỹ và hài hước, hiểu biết nhưng lại đi lừa người khác để kiếm chác.

Câu 210: Em rút ra bài học gì về cách lựa chọn trang phục cho mình trong cuộc sống qua đoạn trích trên?

- A. Trang phục phải hài hòa, phù hợp với đối tượng, hoàn cảnh và tùy vào trường hợp giao tiếp.
- B. Trang phục phải cầu kì, màu sắc sặc sỡ mới nổi bật và thể hiện phong cách cá nhân.
- C. Trang phục phải thể hiện được gu thẩm mỹ cũng như phong cách cá nhân.
- D. Trang phục phải độc, lạ và thể hiện được gu thẩm mỹ cá nhân.

Câu 211: Nếu người thân hoặc bạn của em có tính cách như ông Giuốc- đanh, em sẽ khuyên họ như thế nào?

A. Hãy bỏ tính cách đó vì đây là tính xấu. Cần chịu khó học hỏi thêm kiến thức và khiêm tốn hơn trong cuộc sống. Tìm hiểu kỹ điều mình muốn làm để tránh trở thành kẻ lỗ bịch.

B. Hãy sống đúng với bản chất của mình và không nên thay đổi vì thái độ của người khác .

C. Hãy tự hào và không cần quan tâm đến thái độ của người khác vì mình có những thứ mà không phải ai cũng có được.

D. Hãy hành động theo sở thích của bản thân mình, không nên chiều theo ý kiến đánh giá của những người xung quanh.

Ngữ liệu 2

ÔNG GIUỐC - ĐANH MẶC LỄ PHỤC

Bốn chú thợ phụ ra, hai chú cởi tuột quần cộc của ông Giuốc-đanh mặc lúc tập kiếm vừa rồi, hai chú thì lột áo ngắn rồi họ mặc bộ lễ phục mới vào cho ông. Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục xong, đi đi lại lại giữa đám thợ, phô áo mới cho họ xem có được không. Cởi áo, mặc áo, chân bước, miệng nói, tất cả đều theo nhịp của dàn nhạc.

Thợ phụ - Bẩm ông lớn, xin ông lớn ban cho anh em một ít tiền uống rượu.

Ông Giuốc-đanh - Anh gọi ta là gì?

Thợ phụ - Bẩm, ông lớn ạ!

Ông Giuốc-đanh - Ông lớn ư? Ấy đấy, ăn mặc theo lối quý phái thì thế đấy! Còn cứ bo bo giữ kiểu áo quần trường giả thì đời nào được gọi là “ông lớn” đây, ta thường về tiếng “ông lớn” đây này!

Thợ phụ - Bẩm cụ lớn, anh em chúng tôi đội ơn cụ lớn lắm lắm.

Ông Giuốc-đanh - “Cụ lớn”, ồ, ồ, cụ lớn! Chú mày thông thả tí đã, cái tiếng cụ lớn đáng thường lắm. Cụ lớn không phải là một tiếng tầm thường đâu nhé. Này, cụ lớn thường cho các chú đây.

Thợ phụ - Dám bẩm đức ông, anh em chúng tôi sẽ đi uống rượu chúc sức khỏe đức ông.

Ông Giuốc-đanh - Lại “đức ông” nữa! Hà hà! Hà hà! Các chú hãy đợi tí, đừng đi vội. Ta là đức ông kia mà! (*nói riêng*) của đáng tội, nếu nó tôn ta hãnh bậc tướng công, thì nó sẽ được cả túi tiền mất. Đây nữa này, thường cho chú về tiếng “đức ông” đấy nhé.

Thợ phụ - Dạ bẩm đức ông, anh em chúng tôi xin bái tạ ơn người.

Ông Giuốc-đanh - (*nói riêng*) Nó như thế là phải chăng, nếu không ta đến mất tong cả tiền cho nó thôi.

(Trích: “ Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục”. In trong *tuyển tập kịch Mô-li-e*, NXB Sân khấu, 1994).

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 212: Các nhân vật trong đoạn trích trên là hiện thân cho cái gì?

- A. Cái thấp kém.
- B. Cái cao cả.
- C. Cái tự nhiên.
- D. Cái phi tự nhiên.

Câu 213: Chữ “*nói riêng*” được đặt trong dấu ngoặc đơn là lời của ai và có vai trò như thế nào trong văn bản kịch?

- A. Là lời của tác giả. Có vai trò chỉ dẫn sân khấu.
- B. Là lời của ông Giuốc - đanh nói thầm trong đầu, không nói với những người khác.
- C. Là lời của ông Giuốc - đanh vì ông sắp chuẩn bị làm một điều gì đó đặc biệt.
- D. Là lời của các chú thợ phụ vì đã lừa được ông Giuốc - đanh.

Câu 214: Đám thợ phụ đã tôn xưng ông Giuốc - đanh bằng những từ nào?

- A. Bằng những từ: ông lớn, cụ lớn, đức ông.
- B. Bằng những từ: chú, bác, ông.
- C. Bằng những từ: ngài, ông, cụ.
- D. Bằng những từ: quý ông, ngài, bác.

Câu 215: Tính cách học làm sang của ông Giuốc - đanh đã bị các chú thợ phụ lợi dụng như thế nào?

- A. Cho những người thợ phụ giúp ông ta mặc áo theo kiểu quý phái và tôn xưng ông bằng những từ: ông lớn, cụ lớn, đức ông để moi tiền.
- B. May thật nhiều áo cho ông ta để kiếm tiền.
- C. Tận dụng những thớ vải thừa của ông Giuốc - đanh để may cho mình một chiếc áo sang trọng.
- D. Làm cho ông Giuốc - đanh thật sự trở thành người sang trọng.

Câu 216: Sự hài lòng, mãn nguyện của ông Giuốc - đanh khi mặc bộ lễ phục thể hiện ở câu nói nào?

- A. Ấy đấy, ăn mặc theo lối quý phái thì thế đấy! Còn cứ bo bo giữ kiểu áo quần trường giả thì đời nào được coi là “ông lớn”.
- B. Ô! Thế thì bộ áo này may được đấy.
- C. Tôi đã bảo không mà. Bác may thế này được rồi.
- D. Thưa, đây là bộ lễ phục đẹp nhất triều đình và may vừa mắt nhất.

Câu 217: Chi tiết nào chứng tỏ ông Giuốc - đanh thích được nịnh nọt?

- A. Ba lần được gọi là: "ông lớn", "cụ lớn", "đức ông" là ba lần ông Giuốc-đanh đều vui vẻ và thưởng tiền.

- B. Dám bầm đức ông, anh em chúng tôi sẽ đi uống rượu chúc sức khỏe đức ông.
- C. Dạ bầm đức ông, anh em chúng tôi xin bái tạ ơn người.
- D. Ông Giuốc - đanh tiếc tiền khi thưởng cho các chú thợ phụ.

Câu 218: Từ nào trong câu: “*Cụ lớn*”, ồ, ồ, *cụ lớn!*.” là thán từ?

- A. ồ
- B. “*Cụ lớn*”
- C. cụ
- D. lớn

Câu 219: Thủ pháp lặp lại và tăng tiến thể hiện rõ nhất ở những chi tiết nào trong đoạn trích trên ?

A. Ba lần các chú thợ phụ thay đổi cách xưng hô phỉnh nịnh ông Giuốc - đanh là: "ông lớn", "cụ lớn", "đức ông" là ba lần ông thưởng tiền cho họ càng lúc càng hào phóng.

B. Nhiều lần ông Giuốc - đanh phát hiện ra sự bịp bợm của bác phó may và phó may đều có cách đối phó, xoa dịu mọi nghi ngờ.

C. Ông Giuốc - đanh không cam tâm khi phải mất tiền cho các chú thợ phụ mỗi lúc một nhiều.

D. Các chú thợ phụ càng lo sợ khi được ông Giuốc-đanh thưởng tiền càng lúc càng nhiều.

b) Thông hiểu:

Câu 220: Nội dung của đoạn trích trên là gì?

A. Bốn thợ phụ đi theo bác phó may mặc đồ cho ông Giuốc-đanh rồi tung hô ông lớn, cụ lớn, đức ông nên ông Giuốc-đanh rất hài lòng và thưởng cho họ tiền.

B. Ông Giuốc-đanh hối hận vì bị các chú thợ phụ lừa tiền khi các chú tung hô là ông lớn, cụ lớn, đức ông.

C. Các chú thợ phụ hả hê, vui mừng vì đã làm tròn trách nhiệm của mình là mặc bộ lễ phục cho ông Giuốc-đanh.

D. Phó may và các chú thợ phụ nịnh nọt, tung hô, lừa gạt khiến ông Giuốc-đanh phải chi ra rất nhiều tiền để thưởng cho họ.

Câu 221: Mục đích của nhà văn khi khắc hoạ các động tác “ cời áo, mặc áo, chân bước, miệng nói” của ông Giuốc-đanh đều diễn ra theo nhịp của điệu nhạc ?

A. Khắc hoạ sinh động hơn thói học đòi làm sang của ông Giuốc - đanh và tạo nên tiếng cười sáng khoái cho khán giả.

B. Tạo không khí vui nhộn, sinh động cho cảnh mới nhằm thu hút sự chú ý của khán giả.

C. Chế giễu sự kém hiểu biết và quê kệch của ông Giuốc đanh.

D. Diễn tả cụ thể những động tác, cử chỉ nực cười của ông Giuốc đanh.

Câu 222: Vì sao ông Giuốc - đanh thưởng tiền cho các chú thợ phụ ?

- A. Vì họ đã gọi ông ta là: “ông lớn”, “cụ lớn”, “đức ông”.
- B. Vì họ giúp ông ta mặc bộ lễ phục theo đúng thể thức quý phái.
- C. Vì họ đã khen nức nở bộ lễ phục của ông Giuốc-đanh.
- D. Vì họ đã hầu hạ ông ta rất chu đáo.

Câu 223: Thái độ của ông Giuốc - đanh như thế nào trước việc “đến mất tong cả tiền” để thưởng cho các chú thợ phụ?

- A. Có tiếc tiền nhưng vẫn sẵn sàng cho hết để được làm sang.
- B. Không hề tiếc rẻ mà sẵn sàng cho hết để học làm sang.
- C. Không muốn mất tiền vì những việc đó.
- D. Tức giận vì phải mất tiền thưởng cho những chú thợ phụ.

Câu 224: Vì sao ông Giuốc - đanh cho rằng các chú thợ phụ gọi mình là “đức ông là vừa phải” ?

- A. Vì ông sợ mất tong cả tiền để thưởng cho các chú thợ phụ.
- B. Vì ông không hài lòng với những lời tung hô đó.
- C. Vì ông không thích được tâng bốc, nịnh hót.
- D. Vì ông thấy đó là những lời giả dối.

Câu 225: Xung đột trong hài kịch đôi khi là mâu thuẫn giữa cái xấu với cái xấu. Điều đó được thể hiện như thế nào trong đoạn trích trên?

A. Mâu thuẫn giữa việc nịnh hót của đám thợ phụ và sự dốt nát của ông Giuốc - đanh.

B. Mâu thuẫn giữa việc nịnh hót của đám thợ phụ và sự lừa lọc của bác phó may.

C. Mâu thuẫn giữa bản chất xấu xa của con người với những điều tầm thường.

D. Mâu thuẫn giữa sự dốt nát của ông Giuốc-đanh và mưu mô lừa lọc của bác phó may.

Câu 226: Ông Giuốc - đanh sau khi được gọi là “cụ lớn” đã nói: “Cụ lớn”, ồ, ồ, cụ lớn! Chú mày thông thả tí đã. Cái tiếng “cụ lớn” đáng thưởng lắm. “Cụ lớn” không phải là một tiếng tâm thường đâu nhé. Này, cụ lớn thưởng cho các chú đây. Điều này thể hiện đặc điểm nào của hài kịch?

A. Lời thoại là phương tiện biểu đạt quan trọng của kịch, do gắn với nhân vật, giúp nhân vật bộc lộ đặc điểm, tính cách nên lời thoại thường là ngôn ngữ hài hước, gây cười.

B. Lời thoại chỉ có mục đích duy nhất là làm cho vở kịch trở nên hài hước.

C. Sự ngu ngốc là thứ bao trùm toàn bộ một vở hài kịch.

D. Sự mâu thuẫn giữa cái dốt nát của ông Giuốc - đanh với mưu mô lừa lọc của phó may.

Câu 227: Tác dụng của việc sử dụng từ ngữ trong đoạn văn sau: “Bốn chú thợ phụ ra, hai chú cởi tuột quần cộc của ông Giuốc-đanh mặc lúc tập kiểm vừa rồi, hai chú thì lột áo ngắn rồi họ mặc bộ lễ phục mới vào cho ông. Ông Giuốc - đanh mặc

lễ phục xong, đi đi lại lại giữa đám thợ, phô áo mới cho họ xem có được không. Cởi áo, mặc áo, chân bước, miệng nói, tất cả đều theo nhịp của dàn nhạc.” là gì?

A. Như một màn kịch không lời, phô bày một cách tập trung tính cách lối bịch, nhổ nhăng trong hành động của các nhân vật, nhất là của ông Giuốc-đanh.

B. Khắc họa được tính cách đối gian của các nhân vật, nhất là sự nịnh hót, bày trò của các chú thợ phụ để lừa tiền ông Giuốc - đanh.

C. Phơi bày sự túng thiếu mà thích học đòi làm sang của ông Giuốc - đanh nên bị các chú thợ phụ lừa để kiếm chác.

D. Tạo ra không khí vui nhộn và thể hiện được sự quan tâm, chăm sóc chu đáo của các chú thợ phụ đối với ông Giuốc - đanh.

Câu 228: Qua đoạn trích trên, em thấy ông Giuốc - đanh đáng thương hay đáng cười? Vì sao?

A. Đáng cười. Vì nhân vật xuất hiện như một tên hề với ngôn ngữ, hành động và tính cách đáng bị phê phán.

B. Đáng thương. Vì nhân vật bị các tên thợ phụ nịnh hót để lừa một số tiền rất lớn mà bản thân không biết.

C. Đáng cười. Vì nhân vật xuất hiện một cách tự nhiên phù hợp với diễn biến của câu chuyện.

D. Đáng thương. Vì bản chất hiền lành, thật thà, tốt bụng dễ tin người nên bị các chú thợ phụ lừa.

c) Vận dụng:

Câu 229: Em có nhận xét gì về kiểu người như các chú thợ phụ trong xã hội?

A. Là những kẻ nịnh nọt, sống tham lam và giả dối.

B. Là những tên thích nịnh nọt, có hiểu biết và luôn nói thật.

C. Là những người không vì thân phận thấp hèn mà không nỗ lực.

D. Là những người có khiếu thẩm mỹ và hài hước.

Câu 230: Theo em, trong xã hội hiện nay còn có những người thích làm sang giống như ông Giuốc - đanh không? Điều đó được biểu hiện như thế nào?

A. Có. Đó là những người thích khoe khoang, bắt chước, đua đòi, chơi ngông đến mức lối bịch để rồi trở thành trò cười cho thiên hạ.

B. Có. Đó là những người thích làm mình nổi bật hơn so với những người xung quanh nên trở thành lối bịch trong mắt mọi người.

C. Không. Vì những người có tiền họ không cần thiết phải chứng minh sự giàu có của mình cho thiên hạ.

D. Không. Vì cuộc sống hiện đại con người có kiến thức và có hiểu biết nên họ không dễ bị lừa.

BÀI 6: TÌNH YÊU TỔ QUỐC **(Thơ thất ngôn bát cú và Tứ tuyệt luật Đường)**

MA TRẬN ĐỀ

TT	Nội dung kiến thức	Nhận	Thông	Vận	Tổng
----	--------------------	------	-------	-----	------

	(theo Chương/bài/chủ đề)	biết	hiểu	dụng	số câu
1	Ngữ liệu 1: Thiên Trường vãn vọng	5	3	2	10
2	Ngữ liệu 2: Bạn đến chơi nhà	3	3	3	9
3	Ngữ liệu 3: Qua Đèo Ngang	5	4	1	10
4	Ngữ liệu 4: Tức cảnh Pắc Bó	4	5	2	11
Tổng		17	15	8	40

Ngữ liệu 1

THIÊN TRƯỜNG VÃN VỌNG

Trần nhân Tông

Phiên âm:

Thôn hậu, thôn tiền đạm tự yên,
 Bán vô, bán hữu tịch dương biên.
 Mọc đồng địch lý quy ngưu tận,
 Bạch lộ song song phi há điền.

Dịch nghĩa:

Trước thôn, sau thôn, khí trời mờ nhạt như khói,
 Bóng chiều tà nửa không, nửa có.
 Trẻ chăn trâu thổi sáo dẫn trâu về hết,
 Từng hàng cò trắng bay xuống ruộng.

Dịch thơ:

Trước xóm sau thôn tựa khói lồng,
 Bóng chiều man mác có đường không.
 Mọc đồng sáo vắng trâu về hết,
 Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng.

(Ngô Tất Tố dịch, in trong thơ văn Lí- Trần, tập II,
 NXB Khoa học, xã hội, 1989, tr. 464-465)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 231: Bài thơ “Thiên Trường vãn vọng” của Trần Nhân Tông được làm theo thể thơ gì?

- A. Thất ngôn tứ tuyệt
- B. Thất ngôn bát cú
- C. Ngũ ngôn tứ tuyệt
- D. Ngũ ngôn bát cú

Câu 232: Vận được sử dụng trong bài thơ là vận gì?

- A. Vận bằng
- B. Vận trắc

- C. Văn cách
- D. Văn liền

Câu 233: Câu thơ nào trong bài thơ có sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ?

- A. **Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng.**
- B. Trước xóm sau thôn tựa khói lồng,
- C. Bóng chiều man mác có đường không.
- D. Mọc đồng sáo vắng trâu về hết,

Câu 234: Cả bài thơ chỉ gieo một vần thì được gọi là:

- A. **Độc vận**
- B. Nhị vận
- C. Tam vận
- D. Tứ vận

Câu 235: Bài thơ miêu tả cảnh vật vào thời điểm nào trong ngày?

- A. **Cảnh chiều**
- B. Cảnh đêm
- C. Cảnh buổi sớm
- D. Cảnh trưa

b) Thông hiểu:

Câu 236: Cảnh tượng được miêu tả trong bài thơ như thế nào?

- A. **Huyền ảo và thanh bình**
- B. Rực rỡ và diễm lệ
- C. Hùng vĩ và tươi tắn
- D. U ám và buồn bã

Câu 237: Nghĩa của từ “mọc đồng” trong bài thơ là gì?

- A. **Đứa trẻ chăn trâu**
- B. Đứa trẻ thổi sáo
- C. Đứa trẻ mồ côi
- D. Đứa trẻ nhà nông

Câu 238: Qua bức tranh thiên nhiên và cuộc sống được tái hiện trong bài thơ, tác giả đã bộc lộ cảm xúc, tâm trạng gì?

- A. **Tình cảm gắn bó với cảnh sắc thiên nhiên đất nước và cuộc sống của nhân dân**
- B. Tình cảm gắn bó với thiên nhiên, tình yêu làng xóm nhân dân
- C. Tình cảm gia đình gắn với tình yêu thiên nhiên đất nước
- D. Tình yêu làng xóm và cuộc sống của nhân dân, làng xóm

c) Vận dụng:

Câu 239: Qua bài “Thiên trường vãn vọng”, em có suy nghĩ gì về vị vua Trần Nhân Tông?

- A. **Trần Nhân Tông là một vị vua có tâm hồn gắn bó máu thịt với miền quê thôn dã, gần gũi với đời sống sinh hoạt của người dân, đây là điều mà không phải bất cứ ông vua nào cũng làm được.**

B. Trần Nhân Tông là một vị vua thích gắn bó máu thịt với miền quê thôn dã.

C. Trần Nhân Tông là một vị vua thích đi ngắm cảnh quê hương.

D. Trần Nhân Tông là một vị vua chỉ quan tâm đến địa vị của mình.

Câu 240: Từ khung cảnh làng quê thể hiện trong bài thơ, em có cảm xúc gì với quê hương mình.

A. Yêu quý, trân trọng, gắn bó, có ý thức xây dựng quê hương giàu đẹp.

B. Xem quê hương là nơi được sinh ra và lớn lên.

C. Nơi có ông bà cha mẹ và những người thân.

D. Quê hương là chum khế ngọt, cho con trèo hái mỗi ngày.

Ngữ liệu 2

BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ

Nguyễn Khuyến

Đã bấy lâu nay, bác tới nhà

Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.

Ao sâu nước cả, khôn chài cá,

Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.

Cải chửa ra cây, cà mới nụ,

Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.

Đầu trò tiếp khách, trầu không có,

Bác đến chơi đây ta với ta!

(Hợp tuyển thơ văn Việt Nam, tập IV, NXB Văn hóa, Hà Nội, 1963)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) **Nhận biết:**

Câu 241: Bài thơ “*Bạn đến chơi nhà*” thuộc thể thơ gì?

A. Thất ngôn bát cú

B. Thất ngôn tứ tuyệt

C. Lục bát

D. Song thất lục bát

Câu 242: Bài thơ “*Bạn đến chơi nhà*” được gieo vần như thế nào?

A. Vần bằng

B. Vần trắc

C. Độc vận

D. Vần đối

Câu 243: Trong các dòng sau, dòng nào là thành ngữ?

A. Ao sâu nước cả

B. Cải chửa ra cây

C. Bầu vừa rụng rốn

D. Đầu trò tiếp khách

b) Thông hiểu:

Câu 244: Từ nào sau đây đồng nghĩa với từ “cả” trong câu “Ao sâu nước cả khôn chài cá”

A. Lớn

B. To

C. Dồi dào

D. Tràn trề

Câu 245: Từ câu thơ thứ hai đến câu sáu, tác giả nói về sự thiếu thốn về vật chất nhằm mục đích gì?

A. Diễn đạt một cách dí dỏm tình cảm chân thành, sâu sắc

B. Miêu tả cảnh nghèo của mình

C. Giải bày hoàn cảnh thực tế của mình

D. Không muốn tiếp đãi bạn

Câu 246: Cụm từ “ta với ta” trong bài thơ, có ý nghĩa chỉ tác giả với ai?

A. Tác giả với bạn

B. Tác giả với tác giả

C. Tác giả với làng quê

D. Tác giả với căn nhà

c) Vận dụng:

Câu 247: So sánh cụm từ “ta với ta” trong bài “Bạn đến chơi nhà” của Nguyễn Khuyến với cụm từ “ta với ta” trong bài “Qua Đèo Ngang” của Bà Huyện Thanh Quan.

A. Cụm từ “ta với ta” trong bài thơ của Bà Huyện Thanh Quan là chỉ một mình tác giả đối diện với chính mình, còn ở bài thơ của Nguyễn Khuyến cụm từ này dùng để chỉ nhà thơ với bạn mình.

B. Cụm từ “ta với ta” trong bài thơ của Bà Huyện Thanh Quan là chỉ một mình tác giả với mảnh tình riêng. Còn bài thơ của Nguyễn Khuyến cụm từ này dùng để chỉ nhà thơ với những người bạn của mình.

C. Cụm từ “ta với ta” trong bài thơ của Bà Huyện Thanh Quan là diễn tả nỗi cô đơn khi đối diện với chính mình, còn ở bài thơ của Nguyễn Khuyến cụm từ này dùng để diễn tả nỗi buồn khi gặp lại bạn mà không có gì đãi bạn.

D. Cả hai bài đều chỉ nỗi buồn của tác giả khi đối diện với hiện thực xã hội.

Câu 248: Qua bài thơ *Bạn đến chơi nhà*, em đã hiểu thêm được gì về tình bạn?

A. Đó là tình cảm vượt lên trên mọi vật chất, không màng danh lợi.

B. Đó là tình cảm bình thường trong cuộc sống.

C. Đó là tình cảm có sẵn trong mỗi người bạn.

D. Cả ba phương án trên đều đúng.

Câu 249: Bài thơ trên đã gửi đến thông điệp gì?

A. Cần nâng niu, trân trọng tình bạn.

B. Khẳng định lòng tin tưởng vào bạn

- C. Sự phong phú và đa dạng của tình bạn.
- D. Nói lên tình cảm bạn bè.

Ngữ liệu 3

QUA ĐÈO NGANG

Bà Huyện Thanh Quan

Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom khom dưới núi, tiều vài chú,
Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.
Nhớ nước, đau lòng, con quốc quốc,
Thương nhà mỗi miệng, cái gia gia.
Dừng chân đứng lại, trời, non, nước,
Một mảnh tình riêng, ta với ta.

(Ngữ văn 8, tập 2, Chân trời sáng tạo)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 250: “*Qua Đèo Ngang*” là tác phẩm viết theo thể thơ gì?

- A. Thất ngôn bát cú
- B. Lục bát
- C. Ngũ ngôn
- D. Song thất lục bát

Câu 252: Trong bài thơ “*Qua Đèo ngang*”, cảnh vật được miêu tả vào thời điểm nào?

- A. Vào buổi chiều tà
- B. Vào lúc sáng sớm
- C. Vào lúc buổi trưa vắng vẻ
- D. Vào buổi tối

Câu 252: Bài thơ “*Qua Đèo Ngang*” được gieo vần như thế nào?

- A. Vần bằng
- B. Vần trắc
- C. Vần chân
- D. Vần cách

Câu 253: Nghệ thuật nổi bật trong câu thứ ba và thứ tư là gì?

- A. Đảo ngữ
- B. So sánh
- C. Nhân hóa
- D. Điệp ngữ

Câu 254: Những từ nào trong bài thơ gợi lên cảm giác hoang vắng, quạnh hiu của đèo Ngang?

- A. Lác đác
- B. Lom khom
- C. Quốc quốc
- D. Gia gia

b) Thông hiểu:

Câu 255: Hai câu thơ đầu bài thơ diễn tả không gian Đèo Ngang như thế nào?

- A. Hoang sơ, vắng lặng
- B. Hoang sơ, huyền ảo
- D. Hùng vĩ, vắng lặng
- C. Thơ mộng, yên bình

Câu 256: Theo em, Cụm từ “*ta với ta*” trong bài thơ “*Qua đèo Ngang*” nhằm để chỉ ai?

- A. Tác giả với tác giả
- B. Tác giả với bạn
- C. Tác giả với núi rừng
- D. Tác giả với Đèo Ngang

Câu 257: Trong bốn câu đầu của bài thơ khung cảnh được miêu tả như thế nào ?

A. Đèo Ngang rất vắng vẻ, thiên nhiên và con người đều mang sắc thái buồn, hui quạnh

- B. Đèo Ngang rất hùng vĩ, hoang sơ, vắng lặng
- C. Đèo ngang có rất nhiều hoa cỏ, hoang vắng, thưa thớt
- D. Khung cảnh thiên nhiên sống động, nhưng con người thưa thớt

Câu 258: Tâm trạng của bà huyện Thanh Quan khi qua đèo Ngang được thể hiện theo cách thức nào?

- A. Mượn cảnh để thể hiện tình cảm
- B. Trực tiếp tả cảnh
- C. Trực tiếp tả tình
- D. Trực tiếp tả cảnh và tình.

c) Vận dụng:

Câu 259: Qua bài thơ, gợi cho em suy nghĩ gì ?

- A. Yêu thiên nhiên, yêu đất nước.
- B. Yêu cảnh đẹp, yêu con người.
- C. Yêu cảnh đẹp núi non hùng vĩ.
- D. Yêu non sông, gấm vóc.

Ngữ liệu 4

TỨC CẢNH PÁC BÓ

(Hồ Chí Minh)

Sáng ra bờ suối, tối vào hang,
Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng.
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng,
Cuộc đời cách mạng thật là sang.

Tháng 2 năm 1941.
(SGK Ngữ văn 8, tập 2. NXB giáo dục)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 260: Bài thơ “*Tức cảnh Pác Bó*” được viết theo phương thức biểu đạt nào?

- A. Miêu tả và biểu cảm
- B. Miêu tả và tự sự
- C. Trần thuật và tự sự
- D. Tự sự và biểu cảm

Câu 261: Bài thơ “*Tức cảnh Pác Bó*” được viết theo thể thơ gì?

- A. Thất ngôn tứ tuyệt
- B. Thất ngôn bát cú
- C. Lục bát
- D. Song thất lục bát

Câu 262: Văn được sử dụng trong bài thơ là văn gì?

- A. Văn bằng
- B. Văn trắc
- C. văn chân
- D. Văn lưng

Câu 263: Câu thơ “*Sáng ra bờ suối tối vào hang*” ngắt nhịp như thế nào?

- A. Nhịp 4/3
- B. Nhịp 2/2/3
- C. Nhịp 2/2/1/2
- D. Nhịp 4/1/2

b) Thông hiểu:

Câu 264: Ý nào nói đúng nhất hoàn cảnh sáng tác của bài thơ “*Tức cảnh Pác Bó*”?

- A. Sau 30 năm hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Bác Hồ trở về trực tiếp lãnh đạo toàn quốc kháng chiến chống Pháp.
- B. Trong thời gian Bác Hồ hoạt động cách mạng ở Cao Bằng chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa.
- C. Trong thời gian Bác Hồ lãnh đạo toàn quốc kháng chiến chống Mỹ.
- D. Trong thời gian Bác Hồ bốn ba hoạt động cách mạng ở nước ngoài.

Câu 265: Dòng nào nói đúng nhất giọng điệu chung của bài “*Tức cảnh Pác Bó*” ?

- A. Giọng vui đùa, dí dỏm.
- B. Giọng tha thiết, trù mến.

- C. Giọng nghiêm trang, chùng mực.
- D. Giọng buồn thương, phiền muộn.

Câu 266: Nhận định nào nói đúng nhất về con người Bác trong bài thơ “*Tức cảnh Pác Bó*”?

- A. Ung dung, lạc quan trước cuộc sống cách mạng đầy khó khăn.
- B. Bình tĩnh và tự chủ trong mọi hoàn cảnh.
- C. Quyết đoán, tự tin trước mọi tình thế của cách mạng.
- D. Yêu nước thương dân, sẵn sàng cống hiến cả cuộc đời cho Tổ quốc.

Câu 267: Dòng nào diễn tả đúng nhất nghĩa của từ “*chông chênh*” ?

- A. Không vững chãi.
- B. Ở thế không vững, lắc lư nghiêng ngả như chực ngã.
- C. Cao và không có chỗ bầu vịu, luôn đu đưa, nguy hiểm.
- D. Ở trạng thái bất định, khi lên khi xuống, khi nghiêng qua khi ngã lại.

Câu 168: Trong bài thơ, cuộc sống vật chất của Bác Hồ như thế nào?

- A. Bác Hồ sống với cuộc sống thiếu thốn, gian khổ nhưng Bác vẫn cho rằng đó là một cuộc sống sang trọng của người cách mạng.
- B. Bác Hồ được sống một cuộc sống vật chất đầy đủ, sang trọng.
- C. Bác Hồ sống bình dị nhưng không hề thiếu thốn.
- D. Bác Hồ sống một cuộc sống tẻ nhạt, buồn chán, không có ý nghĩa.

c) Vận dụng:

Câu 269: Khi nhận xét về Bác Hồ, nhiều nhà thơ, nhà nghiên cứu đều có chung nhận định: “*Trong người Bác luôn có sẵn cái thú lâm tuyền*”. “*Thú lâm tuyền*” ở đây có nghĩa là:

- A. Bác luôn yêu thích thiên nhiên, sống gần gũi, hòa hợp với thiên nhiên.
- B. Bác Hồ luôn yêu quý và thường hay nuôi dưỡng những con thú để bầu bạn với mình.
- C. Đó là những con vật ở chốn núi rừng.
- D. Sở thích đi săn thú của Bác Hồ.

Câu 270: Qua bài thơ “*Tức cảnh Pác Bó*” em đã học tập thêm được điều gì từ Bác?

- A. Sống giản dị, cống hiến biết đương đầu với bao gian nan, vất vả.
- B. Yêu tự do.
- C. Thích đi nhiều nơi
- D. Thích làm việc thiện.

BÀI 7: YÊU THƯƠNG VÀ HI VỌNG (Truyện)

MA TRẬN ĐỀ

TT	Nội dung kiến thức (theo Chương/bài/chủ đề)	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng số câu
1	Ngữ liệu 1: Chiếc lá cuối cùng	5	8	2	15
2	Ngữ liệu 2: Bức tranh của em gái tôi	6	4	2	12

3	Ngữ liệu 3: Tôi đi học	4	7	2	13
Tổng		15	19	6	40

Ngữ liệu 1

CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG (Trích)

(Xiu và Giôn-xi là hai nữ họa sĩ nghèo, còn trẻ, sống trong một căn hộ thuê ở gần công viên Oa-sinh-tơn. Cụ Bơ-men cũng là một họa sĩ nghèo thuê phòng ở tầng dưới. Bốn chục năm nay cụ mơ ước vẽ một kiệt tác nhưng chưa thực hiện được; cụ thường ngồi làm mẫu vẽ cho các họa sĩ để kiếm tiền. Lúc ấy là vào mùa đông. Giôn-xi bị bệnh sưng phổi. Bệnh tật và nghèo túng khiến cô tuyệt vọng không muốn sống nữa. Cô đếm từng chiếc lá còn lại trên cây thường xuân bám vào bức tường gạch đối diện với cửa sổ, chờ khi nào chiếc lá cuối cùng rụng nốt thì cô cũng buông xuôi, lìa đời...)

Khi hai người lên trên gác thì Giôn-xi đang ngủ. Xiu kéo tấm màn màn xuống che kín cửa sổ và ra hiệu cho cụ Bơ-men sang buồng bên cạnh. Sang đến nơi, họ sợ sệt ngó ra ngoài cửa sổ, nhìn cây thường xuân. Rồi họ nhìn nhau một lát, chẳng nói năng gì. Một cơn mưa lạnh lẽo, dai dẳng vẫn đang rơi, lẫn cùng với tuyết. Cụ Bơ-men mặc chiếc sơ mi cũ màu xanh, ngồi đóng vai một tay thợ mỏ già trên cái ấm đun nước lật úp giả làm tảng đá.

Sáng hôm sau, Xiu tỉnh dậy sau khi chớp mắt được một tiếng đồng hồ thì thấy Giôn-xi đang mở to cặp mắt thẫn thờ nhìn tấm màn màn màu xanh đã kéo xuống.

“Kéo nó lên, em muốn nhìn”, cô thều thào ra lệnh.

Xiu làm theo một cách chán nản.

Nhưng, ô kìa! Sau trận mưa vùi dập và những cơn gió phũ phàng kéo dài suốt cả một đêm, tưởng chừng như không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa lá hình răng cưa đã nhuộm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ.

“Đó là chiếc lá cuối cùng”, Giôn-xi nói, “Em cứ tưởng là nhất định trong đêm vừa qua nó đã rụng. Em nghe thấy gió thổi. Hôm nay nó sẽ rụng thôi và cùng lúc đó thì em sẽ chết.

“Em thân yêu, thân yêu!”, Xiu nói, cúi khuôn mặt hốc hác xuống gần gối, “Em hãy nghĩ đến chị, nếu em không còn muốn nghĩ đến mình nữa. Chị sẽ làm gì đây?”.

Nhưng Giôn-xi không trả lời. Cái cô đơn nhất trong khắp thế gian là một tâm hồn đang chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình. Khi những dây

ràng buộc cô với tình bạn và với thế gian cứ lơ lửng dần từng sợi một, ý nghĩ kì quặc ấy hình như càng choán lấy tâm trí cô mạnh mẽ hơn.

Ngày hôm đó trôi qua và ngay cả trong ánh hoàng hôn, họ vẫn có thể trông thấy chiếc lá thường xuân đơn độc níu vào cái cuống của nó trên tường. Thế rồi, cùng với màn đêm buông xuống, gió bắc lại ào ào, trong khi mưa vẫn đập mạnh vào cửa sổ và rơi lộp độp xuống đất từ mái hiên thấp kiểu Hà Lan.

Khi trời vừa hửng sáng thì Giôn-xi, con người tàn nhẫn, lại ra lệnh kéo màn lên.

Chiếc lá thường xuân vẫn còn đó.

Giôn-xi nằm nhìn chiếc lá hồi lâu. Rồi cô gọi Xiu đang quấy món cháo gà trên lò hơi đốt.

“Em thật là một con bé hư, chị Xiu thân yêu ơi”, Giôn-xi nói, “Có một cái gì đấy đã làm cho chiếc lá cuối cùng vẫn còn đó để cho em thấy rằng mình đã tệ như thế nào. Muốn chết là một tội. Giờ thì chị có thể cho em xin tí cháo và chút sữa pha ít rượu vang đỏ và – khoan – đưa cho em chiếc gương tay trước đã, rồi xếp mấy chiếc gối lại quanh em, để em ngồi dậy xem chị nấu nướng”.

Một tiếng đồng hồ sau, cô nói: “Chị Xiu thân yêu ơi, một ngày nào đó em hi vọng sẽ được vẽ vịnh Na-plơ”.

Buổi chiều, bác sĩ tới và khi ông ra về, Xiu kiếm cớ ra ngoài hành lang.

“Được năm phần mười rồi”, bác sĩ nói và cầm lấy bàn tay mảnh dẻ run rẩy của Xiu, “Chăm sóc chu đáo thì chị sẽ thắng. Và bây giờ tôi phải xuống dưới nhà thăm một bệnh nhân khác, tên là Bơ-men, hình như là một nghệ sĩ thì phải. Cũng lại chứng sưng phổi. Ông cụ là một người già yếu, bệnh tình nguy kịch. Chẳng còn hy vọng gì, nhưng hôm nay ông cụ sẽ vào nằm bệnh viện để được chăm sóc chu đáo hơn”.

Hôm sau, bác sĩ bảo Xiu: “Cô ấy khỏi nguy hiểm rồi, chị đã thắng. Giờ chỉ còn việc bồi dưỡng và chăm nom - thế thôi”.

Và buổi chiều hôm đó, Xiu tới bên giường Giôn-xi nằm, thấy Giôn-xi đang vui vẻ đan một chiếc khăn choàng len màu xanh thẫm rất vô dụng, chị ôm lấy người Giôn-xi lẫn những chiếc gối.

“Chị có chuyện này muốn nói với em, con chuột bạch của chị”, cô nói, “Cụ Bơ-men đã chết vì sưng phổi hôm nay ở bệnh viện rồi. Cụ ốm chỉ có hai ngày. Buổi sáng ngày thứ nhất, bác gác cổng thấy cụ ốm nặng trong căn phòng của cụ ở tầng dưới. Giày và áo quần của cụ ướt sũng và lạnh buốt. Chẳng ai hình dung nổi cụ đã ở đâu trong một đêm khủng khiếp như thế. Nhưng rồi người ta tìm thấy một chiếc đèn bão vẫn còn thắp sáng và một chiếc thang đã bị lôi ra khỏi chỗ để của nó,

và vài chiếc bút lông rơi vung vãi, và một bảng pha màu có màu xanh và màu vàng trộn lẫn với nhau, và - em thân yêu ơi, em hãy nhìn ra ngoài cửa sổ, nhìn chiếc lá thường xuân cuối cùng ở trên tường. Em có lấy làm lạ tại sao chẳng bao giờ nó rung rinh hoặc lay động khi gió thổi không? Ồ, em thân yêu, đó chính là kiệt tác của cụ Bơ-men, - cụ vẽ nó ở đây vào cái đêm mà chiếc lá cuối cùng đã rụng”.

(O Hen-ri, *Chiếc lá cuối cùng*, theo bản dịch của Ngô Vĩnh Viễn)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 271: Văn bản “Chiếc lá cuối cùng” của O Hen-ri thuộc thể loại nào?

- A. Truyện ngắn
- B. Tiểu thuyết
- C. Hài kịch
- D. Hồi ký

Câu 272: Nhân vật chính trong văn bản “Chiếc lá cuối cùng” của O Hen-ri làm nghề gì?

- A. Họa sĩ
- B. Bác sĩ
- C. Nhạc sĩ
- D. Nhà văn

Câu 273: Từ “ơi” trong câu: “Em thật là một con bé hư, chị Xiu thân yêu ơi” thuộc loại từ nào?

- A. Thán từ
- B. Trợ từ
- C. Tình thái từ
- D. Phó từ

Câu 274: Trong văn bản “Chiếc lá cuối cùng” của O Hen-ri, cụ Bơ-men đã vẽ chiếc lá thường xuân lên tường trong hoàn cảnh nào?

- A. Trong đêm mưa gió khủng khiếp.
- B. Trong một đêm trời đầy sao.
- C. Buổi trưa mưa gió khủng khiếp.
- D. Buổi sáng trời trong, gió mát.

Câu 275: Câu: “Có một cái gì đấy đã làm cho chiếc lá cuối cùng vẫn còn đó để cho em thấy rằng mình đã tệ như thế nào.” thuộc kiểu câu gì?

- A. Câu hỏi tu từ
- B. Câu trần thuật
- C. Câu cầu khiến
- D. Câu phủ định

b) Thông hiểu:

Câu 276: Câu văn “Nhưng, ô kìa!” đã thể hiện cảm xúc, tâm trạng gì của nhân vật Giôn-xi ?

- A. Ngạc nhiên
- B. Nghi ngờ
- C. Lo lắng
- D. Sợ hãi

Câu 277: Trong văn bản “Chiếc lá cuối cùng” của O Hen-ri , đối với Giôn-xi, chiếc lá cuối cùng rụng hay không rụng có ý nghĩa như thế nào?

- A. Chiếc lá rụng hay không sẽ quyết định số phận của cô.
- B. Nếu chiếc lá ấy rụng thì cô sẽ không tiếp tục vẽ nữa.
- C. Nếu chiếc lá ấy rụng thì cô sẽ rất đau khổ.
- D. Cô không còn muốn quan tâm đến chiếc lá cuối cùng nữa.

Câu 278: Cụm từ “chuyến đi xa xôi bí ẩn” trong câu: “Cái cô đơn nhất trong khắp thế gian là một tâm hồn đang chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình.” được hiểu theo nghĩa nào?

- A. Nghĩa hàm ẩn – chỉ cái chết.
- B. Nghĩa hàm ẩn – chỉ chuyến đi chơi xa.
- C. Nghĩa tường minh – chỉ cái chết.
- D. Nghĩa tường minh – chỉ chuyến đi chơi xa.

Câu 279: Trong văn bản “Chiếc lá cuối cùng”, điều gì đã giúp Giôn-xi khỏi bệnh?

- A. Nhờ có thuốc, sự chăm sóc của Xiu và nhất là chiếc lá không rụng.
- B. Nhờ mai mắn và nghị lực phi thường của chính bản thân Giôn-xi.
- C. Nhờ sự chăm sóc tận tình của Xiu và nghị lực của Giôn-xi.
- D. Nhờ sự tài giỏi của bác sĩ cùng các loại thuốc đắt tiền.

Câu 280: Đoạn văn: “Khi hai người lên trên gác thì Giôn-xi đang ngủ. Xiu kéo tấm màn màn xuống che kín cửa sổ và ra hiệu cho cụ Bơ-men sang buồng bên cạnh. Sang đến nơi, họ sợ sệt ngó ra ngoài cửa sổ, nhìn cây thường xuân. Rồi họ nhìn nhau một lát, chẳng nói năng gì.” thể hiện điều gì?

- A. Sự yêu thương, lo lắng của cụ Bơ-men và Xiu đối với Giôn-xi.
- B. Sự tuyệt vọng của cụ Bơ-men và Xiu trước bệnh tình của Giôn-xi.
- C. Sự ý tứ của cụ Bơ-men và Xiu khi nhìn thấy Giôn-xi ngủ.
- D. Sự bàn bạc, trao đổi bí mật giữa cụ Bơ-men và Xiu về bệnh tình của Giôn-xi.

Giôn-xi.

Câu 281: Qua câu văn: "Chị Xiu thân yêu ơi, một ngày nào đó em hi vọng sẽ được vẽ vịnh Na-plơ" giúp em hiểu gì về bệnh tình của Giôn-xi lúc bấy giờ?

- A. Trong con người Giôn-xi đang có sự hồi sinh.
- B. Giôn-xi rất thích vẽ vịnh Na-plơ.
- C. Giôn-xi chưa bao giờ vẽ vịnh Na-plơ
- D. Giôn-xi đang có bắt chuyện và làm vui lòng Xiu.

Câu 282: Câu trả lời nào không đúng về nội dung của văn bản “Chiếc lá cuối cùng” của O Hen-ri?

- A. **Phê phán sự bất công và khoảng cách giàu nghèo trong xã hội nước Mĩ.**
- B. Ca ngợi tình yêu thương cao cả giữa những con người nghèo khổ.
- C. Tôn vinh giá trị, sức mạnh của nghệ thuật chân chính mang đến niềm vui và hạnh phúc cho con người.
- D. Là câu chuyện về tình bạn, tình người đáng trân trọng.

Câu 283: Qua văn bản “Chiếc lá cuối cùng” của O Hen-ri, em hiểu như thế nào về một tác phẩm được coi là kiệt tác?

- A. **Tác phẩm đó phải đẹp và có ích cho cuộc sống.**
- B. Tác phẩm đó phải rất độc đáo và đồ sộ.
- C. Tác phẩm đó phải rất đồ sộ và công phu.
- D. Tác phẩm đó phải đẹp và công phu.

c) Vận dụng:

Câu 284: Ý nghĩa của văn bản “Chiếc lá cuối cùng” mang lại là gì?

- A. **Tình yêu thương giữa những người nghèo khổ với nhau.**
- B. Đức tính cao cả và sự hy sinh quên mình của cụ Bơ - men
- C. Sự lo lắng khôn nguôi của Xiu dành cho Giôn - xi.
- D. Nguyên nhân sâu xa quyết định hồi sinh của Giôn – xi.

Câu 285: Suy nghĩ của em về tình yêu thương của con người trong cuộc sống hiện nay.

A. **Là thứ tình cảm thiêng liêng, cao quý mà con người ta dành cho nhau, nó xuất phát từ sự chân thành trong mỗi trái tim, giúp con người trở nên hạnh phúc hơn.**

- B. Là thứ tình cảm thiêng liêng, cao quý mà con người ta dành cho nhau.
- C. Tình thương sự chân thành của mỗi người.
- A. Tình thương giữa con người với con người.

Ngữ liệu 2

BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI

Em gái tôi tên là Kiều Phương, nhưng tôi quen gọi nó là Mèo bởi vì mặt nó luôn bị chính nó bôi bẩn. Nó vui vẻ chấp nhận cái tên tôi tặng cho và hơn thế, còn dùng để xưng hô với bạn bè. Mèo rất hay lục lọi các đồ vật với một sự thích thú đến khó chịu.

- Này, em không để chúng nó yên được à?

Nó vênh mặt:

- Mèo mà lại! Em không phá là được...

Một hôm, tôi bắt gặp nó nhào một thứ bột gì đó đen sì, trông rất sợ, thỉnh thoảng lại bôi ra cổ tay. Trời ạ, thì ra nó chế thuốc vẽ. Thảo nào các đít xoong chảo bị nó cạo trắng cả. Tôi quyết định bí mật theo dõi em gái tôi. Sau khi có vẻ đã hài lòng, nó lôi trong túi ra bốn lọ nhỏ, cái màu đỏ, cái màu vàng, cái màu xanh lục...

đều do nó tự chế. Nó đưa mắt canh chừng rồi lại nhét tất cả vào túi sau khi cho màu đen nhỏ vào một cái lọ còn bỏ không.

Xong, nó vui vẻ chạy đi làm những việc bố mẹ tôi phân công, vừa làm vừa hát, có vẻ vui lắm.

Nhưng mọi bí mật của Mèo cuối cùng cũng bị bại lộ. Hôm đó chú Tiến Lê - họa sĩ, bạn thân của bố tôi - đưa theo bé Quỳnh đến chơi. Vớ được bạn gái, nó mừng quỳnh lên. Hai đứa lôi nhau ra vườn. Tại đây, Mèo đưa toàn bộ những bức tranh nó vẽ giấu ra cho bé Quỳnh xem. Chỉ thấy bé Quỳnh thỉnh thoảng lại reo lên khe khẽ. Lát sau, bé Quỳnh chạy vào thì thầm gì đó với chú Tiến Lê khiến chú phải xin phép bố tôi theo bé Quỳnh ra vườn. Lúc đó, tôi đang mài mê với chiếc điều nên không biết có chuyện gì xảy ra. Chỉ thấy từ ngoài vườn trở vào, mặt chú Tiến Lê rạng rỡ lắm:

- Anh chị có phúc lớn rồi. Anh có biết con gái anh là một thiên tài hội họa không?

Chú trải sáu bức tranh do Mèo vẽ ra trước mặt bố tôi. Đến lượt bố tôi ngây người ra như không tin vào mắt mình.

- Con gái tôi vẽ đây ư? Chẳng lẽ lại đúng là nó, cái con Mèo hay lục lọi ấy!

Và ông không kìm được, ôm thốc Mèo lên:

- Ôi, con đã cho bố một bất ngờ quá lớn.

Mẹ tôi vừa về, kịp nghe và kịp chứng kiến tất cả, cũng không kìm được xúc động. Theo chú Tiến Lê thì những bức tranh của Mèo rất độc đáo, có thể đem đóng khung treo ở bất cứ phòng tranh nào. Bố mẹ tôi rất tin vào thẩm định của chú Tiến Lê. Chú còn hứa sẽ giúp em gái tôi để nó phát huy tài năng.

Kể từ hôm đó, mặc dù mọi chuyện vẫn như cũ trong căn nhà của chúng tôi, nhưng tôi luôn luôn cảm thấy mình bất tài nên bị đẩy ra ngoài. Những lúc ngồi bên bàn học, tôi chỉ muốn gục xuống khóc.

Tôi chẳng tìm thấy ở tôi một năng khiếu gì. Và không hiểu vì sao tôi không thể thân với Mèo như trước kia được nữa. Chỉ cần một lỗi nhỏ ở nó là tôi gắt um lên.

Tôi quyết định làm một việc mà tôi vẫn coi khinh: xem trộm những bức tranh của Mèo. Dường như mọi thứ có trong ngôi nhà của chúng tôi đều được nó đưa vào tranh. Mặc dù nó vẽ bằng những nét to tướng, nhưng ngay cả cái bát múc cám lợn, sứ một miếng cũng trở nên ngộ nghĩnh. Con mèo vẫn vào tranh, to hơn cả con hổ nhưng nét mặt lại vô cùng dễ mến. Có cảm tưởng nó biết mọi việc chúng tôi làm và lơ đi vì không chấp trẻ em.

Gấp lại những bức tranh của Mèo, tôi lén trút ra một tiếng thở dài...

Bố mẹ tôi hào hứng mua sắm cho em gái tôi tất cả những gì cần cho công việc vẽ. Chú Tiến Lê tặng “đồng nghiệp” hẳn một hộp màu ngoại xịn. Chỉ có mặt Mèo là không thay đổi. Lúc nào cũng lem nhem, bị tôi quát thì xù xuống, miệng dẩu ra. Tôi từng thấy nó rất ngộ với vẻ mặt ấy. Nhưng đây là trước kia. Bây giờ tôi cảm thấy nó như chọc tức tôi...

Rồi cả nhà – trừ tôi – vui như tết khi bé Phương, qua giới thiệu của chú Tiến Lê, được mời tham gia trại thi vẽ quốc tế. Luật của cuộc thi là thí sinh phải vẽ một bức tranh theo đề tài tự chọn ngay trước mắt ban giám khảo. Trước khi đi thi, nó có vẻ cứ hay xét nét tôi, khiến tôi rất khó chịu. Nó nhập tâm lời dạy của chú Tiến Lê: “Cháu hãy vẽ cái gì thân thuộc nhất với cháu”. Một tuần sau em gái tôi trở về trong vòng tay dang sẵn của cả bố và mẹ tôi: Bức tranh của nó được trao giải nhất. Nó lao vào ôm cổ tôi, nhưng tôi viện cớ đang dở việc đẩy nhẹ nó ra. Tuy thế, nó vẫn kịp thì thầm vào tai tôi: “Em muốn cả anh cùng đi nhận giải”.

Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường. Bố, mẹ tôi kéo tôi chen qua đám đông để xem bức tranh của Kiều Phương đã được đóng khung, lồng kính. Trong tranh, một chú bé đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh. Mặt chú bé như tỏa ra một thứ ánh sáng rất lạ. Toát lên từ cặp mắt, tư thế ngồi của chú không chỉ sự suy tư mà còn rất mơ mộng nữa. Mẹ hồi hộp thì thầm vào tai tôi:

- Con có nhận ra con không?

Tôi giật mình người. Chẳng hiểu sao tôi phải bám chặt lấy tay mẹ. Thoạt tiên là sự ngỡ ngàng, rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ. Dưới mắt em tôi, tôi hoàn hảo đến thế kia ư? Tôi nhìn như thôi miên vào dòng chữ đề trên bức tranh: “Anh trai tôi”. Vậy mà dưới mắt tôi thì...

- Con đã nhận ra con chưa? – Mẹ vẫn hồi hộp.

Tôi không trả lời mẹ vì tôi muốn khóc quá. Bởi nếu nói được với mẹ, tôi sẽ nói rằng: “Không phải con đâu. Đây là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đấy”.

(Tạ Duy Anh, Bản nhạc con đà điểu, NXB Kim Đồng, Hà

Nội, 2016, tr. 45-50)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 286: Văn bản “Bức tranh của em gái tôi” của nhà văn Tạ Duy Anh được viết theo thể loại nào?

- A. Truyện ngắn
- B. Tiểu thuyết
- C. Hài kịch
- D. Hồi ký

Câu 287. Văn bản *Bức tranh của em gái tôi*, tác giả sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt gì?

- A. Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm
- B. Miêu tả, biểu cảm
- C. Tự sự, thuyết minh
- D. Biểu cảm, thuyết minh

Câu 288: Nhân vật chính trong văn bản “Bức tranh của em gái tôi” là ai?

- A. Người anh trai và bé Kiều Phương.
- B. Người anh trai và mẹ.
- C. Bé Kiều Phương và mẹ.
- D. Bố và chú Tiến Lê.

Câu 289: Nhân vật Kiều Phương trong văn bản “Bức tranh của em gái tôi” có tài năng ở lĩnh vực nào?

- A. Hội họa
- B. Âm nhạc
- C. Tính toán
- D. Thể thao

Câu 290: Câu: “Con gái tôi vẽ đây ư?” thuộc kiểu câu gì?

- A. Câu hỏi tu từ
- B. Câu trần thuật
- C. Câu cầu khiến
- D. Câu phủ định

Câu 291: Từ “ôi” trong câu: “Ôi, con đã cho bố một bất ngờ quá lớn.” thuộc từ loại nào?

- A. Thán từ
- B. Trợ từ
- C. Tình thái từ
- D. Phó từ

b) Thông hiểu:

Câu 292: Qua văn bản “Bức tranh của em gái tôi”, em nhận thấy Kiều Phương là người thế nào?

- A. Có tình cảm hồn nhiên, trong sáng và lòng nhân hậu.
- B. Có tính ích kỉ, thường xuyên ganh đua với người anh.
- C. Siêng năng, chăm chỉ, thường xuyên giúp đỡ bố mẹ.
- D. Lười biếng, suốt ngày chỉ biết chơi bời lêu lổng.

Câu 293: Qua đoạn trích *Bức tranh của em gái tôi*, nhận định đúng nhất về nhân vật người anh khi chưa nhận ra lỗi lầm?

- A. Ích kỉ, nhỏ nhen
- B. Tự tin, dũng cảm
- C. Tự phụ, kiêu căng
- D. Hung hăng, xốc nổi

Câu 294: Vì sao người anh thấy xấu hổ khi nhìn thấy bức tranh em gái vẽ mình?

- A. Vì em gái mình vẽ bằng tâm hồn trong sáng, nhân hậu.
- B. Vì em gái mình vẽ đẹp hơn bình thường.
- C. Vì em gái mình vẽ không đẹp.
- D. Vì em gái vẽ chưa giống ngoại hình của mình.

Câu 295: Nhân vật kể chuyện là người anh trai có tác dụng gì?

- A. Trình bày được rõ nét tư tưởng tình cảm, tâm trạng của người anh
- B. Nói rõ được tình cảm gia đình
- C. Trình bày đầy đủ tài năng của người em gái
- D. Sự đố kỵ đối với em gái

c) Vận dụng:

Câu 296: Qua văn bản “Bức tranh của em gái tôi”, cho thấy sự ghen ghét, đố kỵ của anh em trong nhà sẽ dẫn đến hậu quả gì?

- A. Làm cho bản thân thêm khổ sở, dằn vặt; tình cảm anh em xa cách, con người trở nên nhỏ nhen không đáng tôn trọng.
- B. Làm cho bản thân vui vẻ, hạnh phúc; tình cảm anh em gắn bó, con người trở nên đáng tôn trọng.
- C. Làm cho bản thân yếu đuối; tình cảm anh em không gắn bó, nhân cách của mình được nâng cao.
- D. Làm cho bản thân luôn được chú ý và nhận được sự quan tâm của mọi người nhiều hơn.

Câu 297. Từ nhân vật người anh trong văn bản “Bức tranh của em gái tôi”, em rút ra được bài học gì cho bản thân?

- A. Cần vượt qua lòng tự ti trước tài năng của người khác.
- B. Trân trọng và vui mừng trước những thành công của người khác.
- C. Nhân hậu và độ lượng sẽ giúp mình vượt qua được tính ích kỉ cá nhân.
- D. Biết xấu hổ khi mình thua kém người khác.

Ngữ liệu 3

TÔI ĐI HỌC

Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm mơn man của buổi tựu trường.

Tôi không thể nào quên được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đến trường, lòng tôi lại từng bừng rộn rã.

Buổi sáng mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh. Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên tôi thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: Hôm nay tôi đi học.

Tôi không lội qua sông thả diều như thằng Quý và không ra đồng nô hò như thằng Sơn nữa.

Trong chiếc áo vải dù đen dài tôi cảm thấy mình trang trọng và đứng đắn. Dọc đường tôi thấy mấy cậu nhỏ trạc bằng tôi, áo quần tươm tất, nhí nhảnh gọi tên nhau hay trao sách vở cho nhau xem mà tôi thèm. Hai quyển vở mới đang ở trên tay tôi đã bắt đầu thấy nặng. Tôi bặm tay ghì thật chặt, nhưng một quyển vở cũng xệch ra và chênh đầu chúi xuống đất. Tôi xóc lên và nắm lại cẩn thận. Mấy cậu đi trước sách vở thiệt nhiều lại kèm cả bút thước nữa. Nhưng mấy cậu không để lộ vẻ khó khăn gì hết.

Tôi muốn thử sức mình nên nhìn mẹ tôi:

- Mẹ đưa bút thước cho con cầm.

Mẹ tôi cúi đầu nhìn tôi với cặp mắt thật âu yếm:

- Thôi để mẹ nắm cũng được.

Tôi có ngay cái ý kiến vừa non nớt vừa ngây thơ này: chắc chỉ người thạo mới cầm nổi bút thước.

Ý nghĩ thoáng qua trong trí tôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi.

Trước sân trường làng Mỹ Lý đầy đặc cả người. Người nào áo quần cũng sạch sẽ, gương mặt cũng vui tươi và sáng sủa.

Trước đó mấy hôm, lúc đi ngang làng Hòa An bầy chim quên với thằng Minh, tôi có ghé trường một lần. Lần ấy trường đối với tôi là một nơi xa lạ. Tôi đi chung quanh các lớp để nhìn qua cửa kính mấy bản đồ treo trên tường. Tôi không có cảm tưởng gì khác là nhà trường cao ráo sạch sẽ hơn các nhà trong làng.

Nhưng lần này lại khác. Trước mặt tôi, trường Mỹ Lý vừa xinh xắn vừa oai nghiêm như cái đình Hòa Ấp. Sân nó rộng, mình nó cao hơn những buổi trưa hè đầy vắng lặng. Lòng tôi đâm ra lo sợ vẫn vơ.

Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bỡ ngỡ đứng nép bên người thân, chỉ dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim con đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ. Họ thèm vụng và ước ao thăm được như những học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ.

Sau một hồi trống thúc vang dội cả lòng tôi, mấy người học trò cũ đến sắp hàng dưới hiên rồi đi vào lớp. Chung quanh những cậu bé vụng về lúng túng như tôi cả. Các cậu không đi. Các cậu chỉ theo sức mạnh kéo dui các cậu tới trước. Nói các cậu không đứng lại càng đúng hơn nữa. Vì hai chân các cậu cứ dềnh dàng mãi. Hết co lên một chân, các cậu lại duỗi mạnh như đá một quả ban tưởng tượng. Chính lúc này toàn thân các cậu cũng đang run run theo nhịp bước rộn ràng trong các lớp.

Ông đốc trường Mỹ Lý cho gọi mấy cậu học trò mới đứng lên trước lớp ba. Trường làng nhỏ nên không có phòng riêng của ông đốc. Trong lúc ông đọc tên từng người, tôi cảm thấy như quả tim tôi ngừng đập. Tôi quên cả mẹ tôi đang đứng sau tôi. Nghe gọi đến tên, tôi tự nhiên giật mình và lúng túng.

Sau khi đọc xong mấy mươi tên đã viết sẵn trên mảnh giấy lớn, ông đốc nhìn chúng tôi nói sẽ:

- Thế là các em đã vào lớp năm. Các em phải cố gắng học để thầy mẹ được vui lòng, và để thầy dạy chúng em được sung sướng. Các em đã nghe chưa? (Các em đều nghe nhưng không em nào dám trả lời. Cũng may đã có tiếng dạ rang của phụ huynh đáp lại).

Ông đốc nhìn chúng tôi với cặp mắt hiền từ và cảm động. Mấy cậu học trò lớp ba cũng đua nhau quay đầu nhìn ra. Và ngoài đường cũng có mấy người đứng dừng lại để nhìn vào. Trong những phút giây này chúng tôi được người ta ngắm nhìn nhiều hơn hết. Vì vậy đã lúng túng chúng tôi càng lúng túng hơn.

Ông đốc lấy cặp kính trắng xuống rồi nói:

- Thôi, các em đứng đây sắp hàng để vào lớp học.

Tôi cảm thấy sau lưng tôi có một bàn tay dịu dàng đẩy tôi tới trước. Nhưng người tôi lúc ấy tự nhiên thấy nặng nề một cách lạ. Không giữ được chéo áo hay cánh tay của người thân, vài ba cậu đã từ từ bước lên đứng dưới hiên lớp. Các cậu lúng lẻo nhìn ra sân, nơi mà những người thân đang nhìn các cậu với cặp mắt lưu luyến. Một cậu đứng đầu ôm mặt khóc. Tôi bất giác quay lưng lại rồi dúi đầu vào lòng mẹ tôi nức nở khóc theo. Tôi nghe sau lưng tôi, trong đám học trò mới, vài tiếng thút thít đang ngập ngừng trong cổ. Một bàn tay quen nhẹ vuốt mái tóc tôi.

Ông đốc tươi cười nhẫn nại chờ chúng tôi.

- Các em đừng khóc. Trưa này các em được về nhà cơ mà. Và ngày mai các em lại được nghỉ cả ngày nữa.

Sau khi thấy hai mươi tám cậu học trò sắp hàng đều đặn dưới hiên trường, ông đốc liền ra dấu cho chúng tôi vào lớp năm. Một thầy trẻ tuổi, gương mặt hiền từ, đang đón chúng tôi vào cửa lớp. Trong thời thơ ấu tôi chưa bao giờ xa mẹ tôi như

lần này. Tôi cũng lấy làm lạ vì có những hôm đi chơi suốt cả ngày với chúng bạn ở đồng làng Lệ Xá, lòng tôi vẫn không cảm thấy xa nhà hay xa mẹ tôi chút nào hết.

Một mùi hương lạ xông lên trong lớp. Trông hình gì treo trên tường tôi cũng thấy lạ và hay hay. Tôi nhìn bàn ghế chỗ tôi ngồi rất cẩn thận rồi tự nhiên nhận là vật riêng của mình. Tôi nhìn người bạn tí hon ngồi bên tôi, một người bạn tôi chưa hề biết, nhưng lòng tôi vẫn không cảm thấy sự xa lạ chút nào. Sự quyến luyến ấy tự nhiên và bất ngờ quá đến tôi cũng không dám tin là có thật.

Một con chim con liệng đến đứng trên bờ cửa sổ, hót mấy tiếng rụt rè rồi vỗ cánh bay cao.

Tôi đưa mắt thèm thường nhìn theo cánh chim. Một kỷ niệm cũ đi bầy chim giữa cánh đồng lúa bay trên bờ sông Viêm sống lại đầy dẫy trong trí tôi. Nhưng những tiếng phẩn của thầy tôi gạch mạnh trên bảng đen đã đưa tôi về cảnh thật.

Tôi vòng tay lên bàn chăm chỉ nhìn thầy viết và lẩm nhẩm đánh vần đọc:

Bài tập viết: **Tôi đi học.**

(Thanh Tịnh, trong Tổng tập văn học Việt Nam, tập 29B, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981)

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

<https://www.vnteach.com>

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 298: Văn bản “Tôi đi học” của Thanh Tịnh được viết theo thể loại nào?

A. Truyện ngắn trữ tình

B. Tiểu thuyết

C. Hài kịch

D. Tùy bút

Câu 299: Trong văn bản “Tôi đi học” của Thanh Tịnh nhân vật chính là nhân vật nào?

A. Nhân vật “Tôi”

B. Người thầy giáo

C. Ông đốc

D. Người mẹ

Câu 300: Trong đoạn văn: “*Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bỏ nghề đứng nép bên người thân, chỉ dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim con đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ. Họ thèm vụng và ước ao thắm được như những học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ.*” nhà văn Thanh Tịnh đã sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. So sánh

- B. Nhân hóa
- C. Ẩn dụ
- D. Điệp ngữ

Câu 301: Trong văn bản “Tôi đi học” của Thanh Tịnh mạch truyện diễn biến theo trình tự thời gian nào?

- A. Hiện tại - quá khứ.
- B. Hiện tại - quá khứ - hiện tại.
- C. Hiện tại - tương lai.
- D. Hiện tại - quá khứ - tương lai.

b) Thông hiểu:

Câu 302: Tính cách, phẩm chất của nhân vật ông đốc và thầy giáo trẻ được thể hiện trong văn bản “Tôi đi học” của Thanh Tịnh như thế nào?

- A. Rất vui vẻ, hiền hậu, hết lòng yêu thương và chăm sóc học sinh.
- B. Rất nghiêm khắc với những học sinh chưa ngoan.
- C. Rất vui vẻ, nhưng cũng rất nghiêm khắc với các em học sinh.
- D. Thờ ơ, khó chịu, lạnh lùng đối với các em học sinh.

Câu 303: Câu văn “Tôi bặm tay ghi thật chặt, nhưng một quyển vở cũng xệch ra và chênh đầu chúm xuống đất” trong văn bản “Tôi đi học” của Thanh Tịnh cho ta hiểu điều gì?

- A. Cậu bé quá hồi hộp.
- B. Cậu bé chưa quen với việc cầm vở.
- C. Cậu bé chưa tập trung vào việc.
- D. Cậu bé thấy không đủ sức giữ vở.

Câu 304: Nội dung chính mà tác giả muốn làm nổi bật trong đoạn văn “*Một mùi hương lạ xông lên trong lớp. Trông hình gì treo trên tường tôi cũng thấy lạ và hay hay. Tôi nhìn bàn ghế chỗ tôi ngồi rất cẩn thận rồi tự nhiên nhận là vật riêng của mình. Tôi nhìn người bạn tí hon ngồi bên tôi, một người bạn tôi chưa hề biết, nhưng lòng tôi vẫn không cảm thấy sự xa lạ chút nào. Sự quyến luyến ấy tự nhiên và bất ngờ quá đến tôi cũng không dám tin là có thật.*” là gì?

A. Cảm giác vừa xa lạ, vừa gần gũi với mọi vật trong lớp và với người bạn ngồi cạnh.

B. Sự làm quen nhanh chóng của nhân vật “tôi” với lớp học và người bạn ngồi cạnh.

C. Sự quyến luyến của nhân vật “tôi” với lớp học và người bạn ngồi cạnh.

D. Cảm giác vừa ngỡ ngàng, vừa tự tin của nhân vật “tôi” với lớp và người ngồi cạnh.

Câu 305: Trong câu: “*Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.*” biện pháp tu từ so sánh được sử dụng có tác dụng gì?

A. Cho người đọc thấy được những kỉ niệm trong buổi sáng đến trường đầu tiên luôn được in đậm trong tâm trí nhân vật “tôi”.

B. Tô đậm cảm giác trong trẻo, tươi sáng của nhân vật “tôi” ngay trong ngày đến trường đầu tiên.

C. Nói lên nỗi nhớ thường trực của nhân vật “tôi” về ngày đến trường đầu tiên.

D. Tô đậm vẻ đẹp của những cành hoa tươi nở giữa bầu trời quang đãng.

Câu 306: Nét đặc sắc về nghệ thuật của văn bản “Tôi đi học” là gì?

A. Văn bản được bố cục theo dòng hồi tưởng, cảm nghĩ của nhân vật “tôi”; sự kết hợp hài hòa giữa kể, tả với bộc lộ cảm xúc.

B. Văn bản được bố cục theo dòng hồi tưởng, cảm nghĩ của nhân vật “tôi”; sự kết hợp hài hòa giữa kể, tả với những lập luận sắc bén.

C. Văn bản được bố cục theo dòng hồi tưởng, tưởng tượng của nhân vật “tôi”; sự kết hợp hài hòa giữa kể, tả với những lập luận sắc bén.

D. Văn bản được bố cục theo sự tưởng tượng của nhân vật “tôi”; sự kết hợp hài hòa giữa kể, tả với những lập luận sắc bén.

Câu 307: Hình ảnh “bàn tay” trong đoạn văn: “Tôi cảm thấy sau lưng tôi có một bàn tay dịu dàng đẩy tôi tới trước. Nhưng người tôi lúc ấy tự nhiên thấy nặng nề một cách lạ. Không giữ được chéo áo hay cánh tay của người thân, vài ba cậu đã từ từ bước lên đứng dưới hiên lớp. Các cậu lúng lẻo nhìn ra sân, nơi mà những người thân đang nhìn các cậu với cặp mắt lưu luyến. Một cậu đứng đầu ôm mặt khóc. Tôi bất giác quay lưng lại rồi cúi đầu vào lòng mẹ tôi nức nở khóc theo. Tôi nghe sau lưng tôi, trong đám học trò mới, vài tiếng thút thít đang ngập ngừng trong cổ. Một bàn tay quen nhẹ vuốt mái tóc tôi.” Mang ý nghĩa gì?

A. Tấm lòng mẹ hiền luôn chăm sóc, âu yếm, che chở, nâng đỡ và yêu thương con thơ.

B. Tấm lòng người mẹ thật vĩ đại nhưng rất nghiêm khắc với các con.

C. Tình thương bao la của người mẹ dù con đã trưởng thành.

D. Mỗi khi con vấp ngã mẹ luôn bên cạnh, bảo vệ các con trước mọi sóng gió.

Câu 308: Sức cuốn hút của văn bản “Tôi đi học” là:

A. Tình huống truyện nhẹ nhàng thể hiện được tình cảm ấm áp, trìu mến của những người lớn đối với các em nhỏ lần đầu tiên đến trường, các hình ảnh so sánh giàu sức gợi cảm.

B. Hình ảnh thiên nhiên, ngôi trường và giàu sức gợi cảm của tác giả.

C. Tình huống truyện nhẹ nhàng gây hứng thú cho người đọc.

D. Tình cảm ấm áp, trìu mến của những người lớn đối với các em nhỏ lần đầu tiên đến trường.

c) Vận dụng:

Câu 309: Tôi đi học vừa là nhan đề, vừa là cụm từ nhà văn dùng để khép lại văn bản. Theo em, cụm từ ấy gợi ra ý nghĩa gì?

A. Gọi nhắc cột mốc quan trọng của đời người với sự trân trọng, nâng niu những bước đầu tiên trên cuộc hành trình lĩnh hội tri thức của cuộc đời, thể hiện thái độ trân trọng việc học tập.

B. Gọi nhắc cột mốc quan trọng của đời người.

C. Thể hiện thái độ trân trọng việc học tập.

D. Thể hiện niềm vui khi được đi học.

Câu 310: Hãy nêu cảm nhận của em về ý nghĩa ngày đầu tiên đi học trong cuộc đời mỗi người.

A. Là ngày mà con trưởng thành, tự lập hơn, ngày mà một chân trời tri thức mới mở ra trước mắt mỗi chúng ta.

B. Ngày con được đến trường

C. Ngày con được gặp bạn bè

D. Ngày toàn dân đưa con em đến trường

BÀI 8: CÁNH CỬA MỞ RA THẾ GIỚI (Văn bản thông tin)

MA TRẬN ĐỀ:

TT	Nội dung kiến thức (theo Chương/bài/chủ đề)	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng số câu
1	Ngữ liệu 1: Cuốn sách “Chìa khóa vũ trụ” của Gioóc – giơ.	6	5	3	14
2	Ngữ liệu 2: “Cánh đồng hoang”: Vẻ đẹp trữ tình của điện ảnh cách mạng Việt Nam.	6	5	1	12
3	Ngữ liệu 3: Mẹ vắng nhà-Bộ phim tuyệt đẹp về những đứa trẻ thời chiến tranh.	6	5	3	14
Tổng :		18	15	7	40

Ngữ liệu 1

CUỐN SÁCH “CHÌA KHÓA VŨ TRỤ” CỦA GIOỐC – GIƠ

[...] Là một cuốn sách khoa học nhưng *Chìa khóa vũ trụ* của Gioóc – giơ không khô khan. Kiến thức khoa học được thể hiện qua một cốt truyện phiêu lưu mà đầy gợi mở về những ý tưởng thực tế. Nội dung tri thức được thể hiện ngắn gọn, mạch lạc, ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu, hấp dẫn. Cuốn sách còn có một bộ sưu tập ảnh vũ trụ đủ chinh phục những ai đang nuôi dưỡng ước mơ để tìm hiểu thế giới bao la này. Tác phẩm gieo vào tâm hồn thế hệ trẻ niềm khát khao chinh phục khoa học. Trong bài thuyết trình của mình, Gioóc – giơ đã phát biểu: “Tôi muốn nói với các bạn về những điều này bởi vì khoa học là hết sức quan trọng. Không có

khoa học, chúng ta sẽ không thể hiểu được bất kì điều gì, và như vậy thì làm sao chúng ta có thể làm bất cứ việc gì đúng hay đưa ra bất kì quyết định gì đúng được? Một số người nghĩ khoa học thật là nhàm chán, một số khác lại nghĩ nó thật là nguy hiểm – và nếu chúng ta không say mê khoa học, học để biết nó và vận dụng nó một cách đúng đắn, thì có lẽ đúng là nhàm chán và nguy hiểm thật. Nhưng nếu các bạn thử tìm hiểu nó, các bạn sẽ thấy nó vô cùng lôi cuốn và nó quan trọng đối với chúng ta cũng như tương lai của hành tinh chúng ta...”

(Theo Phúc Yên, vnexpress.net, 24-3-2008)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 311: Đoạn văn trên được viết theo cấu trúc nào?

- A. Diễn dịch.
- B. Quy nạp.
- C. Song song.
- D. Phối hợp.

Câu 312: Đây là câu chủ đề của đoạn văn trên?

- A. Là một cuốn sách khoa học ... không khô khan.
- B. Nhưng nếu các bạn ... của hành tinh chúng ta.
- C. Nội dung tri thức ... giản dị, dễ hiểu, hấp dẫn.
- D. Tác phẩm gieo vào tâm hồn chinh phục khoa học.

Câu 313: Hãy xác định thành phần biệt lập trong câu sau: *Một số người nghĩ khoa học thật là nhàm chán, một số khác lại nghĩ nó thật là nguy hiểm – và nếu chúng ta không say mê khoa học, học để biết nó và vận dụng nó một cách đúng đắn, thì có lẽ đúng là nhàm chán và nguy hiểm thật.*

- A. và nếu chúng ta không say mê khoa học...một cách đúng đắn
- B. một số khác lại nghĩ nó thật là nguy hiểm
- C. và nếu chúng ta không say mê khoa học
- D. học để biết nó và vận dụng nó một cách đúng đắn

Câu 314: Nội dung của đoạn trích chứa đựng thông tin khách quan hay chủ quan của người giới thiệu về cuốn sách?

- A. Thông tin chủ quan.
- B. Thông tin khách quan.
- C. Thông tin vừa chủ quan vừa khách quan.
- D. Thông tin khoa học.

Câu 315: Hình thức thể hiện trong đoạn trích trên như thế nào?

- A. Nội dung ngắn gọn, mạch lạc; ngôn ngữ dễ hiểu, hấp dẫn; hình ảnh vũ trụ sinh động.
- B. Nội dung tri thức được thể hiện một cách ngắn gọn, mạch lạc.
- C. Bộ sưu tập ảnh vũ trụ đủ chinh phục đọc giả.

D. Ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu, hấp dẫn.

Câu 316: Tác giả nhận định “*Chìa khóa vũ trụ*” gieo vào tâm hồn thế hệ trẻ điều gì?

A. Niềm khát khao chinh phục khoa học.

B. Sách viết về khoa học luôn khô khan.

C. Sách viết về khoa học vô cùng hấp dẫn.

D. Niềm đam mê đọc sách.

b) Thông hiểu:

Câu 317: Nội dung của đoạn văn trên là gì?

A. Giới thiệu hình thức thể hiện và thông điệp của cuốn sách.

B. Giới thiệu hình thức thể hiện của cuốn sách.

C. Giới thiệu thông điệp của cuốn sách.

D. Giới thiệu nội dung cuốn sách.

Câu 318: Theo em, chủ đề của cuốn sách “*Chìa khóa vũ trụ*” là gì?

A. Khám phá vũ trụ.

B. Chinh phục đại dương.

C. Khám phá lòng đất.

D. Khám phá đáy biển.

Câu 319: Tác dụng của thành phần biệt lập trong câu: “*Một số người nghĩ khoa học thật là nhàm chán, một số khác lại nghĩ nó thật là nguy hiểm – và nếu chúng ta không say mê khoa học, học để biết nó và vận dụng nó một cách đúng đắn, thì có lẽ đúng là nhàm chán và nguy hiểm thật*” là gì?

A. Bổ sung ý nghĩa cho nội dung chính của câu.

B. Thể hiện cách nhìn của người viết.

C. Bộc lộ tâm lí của người viết.

D. Tạo lập quan hệ giao tiếp.

Câu 320: Vì sao Gioóc – giơ cho rằng khoa học là hết sức quan trọng?

A. Vì không có khoa học, chúng ta sẽ không hiểu, không làm và không ra được quyết định đúng đắn nhất.

B. Vì không có khoa học, chúng ta không thể đưa ra bất kì quyết định đúng.

C. Vì không có khoa học, chúng ta sẽ không thể hiểu được bất kì điều gì.

D. Vì không có khoa học, chúng ta không thể làm bất cứ việc gì đúng.

Câu 321: Nhận định: “*học để biết nó và vận dụng nó một cách đúng đắn*” gợi em nhớ đến câu tục ngữ nào?

A. Học đi đôi với hành.

B. Có công mài sắt có ngày nên kim.

C. Học thầy không tày học bạn.

D. Học hành vất vả kết quả ngọt bùi.

c) Vận dụng:

Câu 322: Theo em, bức thông điệp chính mà Gioóc – giơ muốn gửi qua cuốn sách “*Chìa khóa vũ trụ*” là gì ?

- A. Tìm một hành tinh mới có sự sống chuẩn bị cho loài người mai sau.
- B. Chúng ta nên vận dụng sáng tạo những điều đọc được từ sách.
- C. Chúng ta phải có niềm đam mê đọc sách.
- D. Chúng ta phải bảo vệ hành tinh xanh.

Câu 323: Đọc sách là một cách để chúng ta mở rộng hiểu biết? Vì sao?

- A. Vì sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần của nhân loại.
- B. Vì ngày nay có rất nhiều những cuốn sách hay.
- C. Vì sách cung cấp nhiều thông tin khoa học.
- D. Những cuốn sách tiêu cực nên loại trừ.

Câu 324: Để tích lũy tri thức qua việc đọc sách, ta có cần lưu ý đến tốc độ đọc và số lượng sách được đọc không?

- A. Có cần lưu ý vì như thế thì ta mới có thể tích lũy được những tri thức cần thiết nhằm giải quyết những vấn đề trong đời sống.
- B. Không cần lưu ý vì chất lượng đọc mới là cái cần lưu tâm.
- C. Không cần lưu ý vì ta chỉ nên tập trung đọc để lấy được cái tinh túy của một cuốn sách, không nên quan trọng số lượng.
- D. Tùy từng mục tiêu đọc mà ta xem xét.

Ngữ liệu 2

“CÁNH ĐỒNG HOANG”: VẼ ĐẸP TRỮ TÌNH CỦA ĐIỆN ẢNH CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Cánh đồng hoang là bộ phim của đạo diễn Nguyễn Hồng Sến, công chiếu đúng ngày 30/4/1979. Dự án quy tụ một loạt anh tài thời bấy giờ, gồm diễn viên Lâm Tới, Thúy An, nhà văn Nguyễn Quang Sáng (biên kịch) và nhạc sĩ Trịnh Công Sơn (nhạc phim).

[...] Dựa trên kịch bản gốc, đạo diễn Hồng Sến đã làm nên một tác phẩm thấm đẫm tình người và cuộc sống Nam bộ. Sau những trận chiến, Ba Đô và Sáu Xoa vẫn là những người miền Tây đôn hậu và hào sảng. Đan xen giữa những cảnh bom đạn là giọng hát, tiếng đàn và những lời yêu thương của đôi vợ chồng. Có thể nói, *Cánh đồng hoang* là một trong những phim cách mạng đậm chất trữ tình nhất từ trước đến nay.

[...] Cảnh quay kinh điển của phim là khi hai chiếc trực thăng quần thảo trên không, đôi vợ chồng phải cho con vào bịch ni-lông, cột miệng lại và dìm xuống nước để che giấu. Nhà văn Nguyễn Quang Sáng viết ra tình tiết này từ chuyện có thật ở chiến trường. Trên trường quay, cảnh này cũng được ghi hình thật. Nhà quay phim Đường Tuấn Ba kể rằng ông từng lo lắng đến rơi nước mắt khi thực hiện đoạn này. Ở cảnh khác, cậu bé rớt xuống nước vì với theo chiếc ca nhựa, một lần nữa lại khiến nhà quay phim bật khóc.

[...] *Cánh đồng hoang* còn để lại dư vị về tính nhân văn phổ quát, không phân biệt chiến tuyến. Cuối phim có cảnh một phi công Mỹ chết, tấm ảnh vợ con anh ta rơi khỏi túi áo...

<https://www.phunuonline.com.vn/canh-dong-hoang-ve-dep-tru-tinh-cua-dien-anh-cach-mang-viet-nam-a1462483.html>

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 325: Đoạn văn thứ nhất cung cấp những thông tin gì?

- A. Tên của bộ phim, đạo diễn, diễn viên, nhạc phim
- B. Tên của bộ phim, đạo diễn, người quay phim.
- C. Tên của bộ phim, đạo diễn, nhạc phim.
- D. Tên của bộ phim, đạo diễn, diễn viên.

Câu 326: Đoạn văn thứ hai trình bày theo cấu trúc nào?

- A. Phối hợp
- B. Diễn dịch
- C. Quy nạp
- D. Song song

Câu 327: Đoạn văn có cấu trúc phối hợp, câu chủ đề nằm ở vị trí nào?

- A. Câu đầu và câu cuối đoạn.
- B. Câu đầu của đoạn.
- C. Câu cuối của đoạn.
- D. Các câu có nội dung song song.

Câu 328: Đây là cảnh quay “kinh điển” của bộ phim “*Cánh đồng hoang*”?

A. Hai chiếc trực thăng quần thảo trên không, đôi vợ chồng phải cho con vào bịch ni-lông, cột miệng lại và chìm xuống nước để che giấu.

B. Đôi vợ chồng phải cho con vào bịch ni-lông, cột miệng lại và chìm xuống nước để che giấu.

C. Cậu bé rớt xuống nước vì với theo chiếc ca nhựa.

D. Một phi công Mỹ chết, tấm ảnh vợ con anh ta rơi khỏi túi áo.

Câu 329: *Cánh đồng hoang* của đạo diễn Hồng Sến đạt giải thưởng *Bông sen vàng* tại Liên hoan phim Việt Nam năm 1980 và hai giải thưởng quốc tế quan trọng tại Liên hoan phim Moscow (Nga) và Karlovy Vary (Tiệp Khắc). Thông tin này gợi em nhớ đến bộ phim nào?

- A. Mẹ vắng nhà.
- B. Chị Tư Hậu.
- C. Mùa gió chướng.
- D. Người mẹ cầm súng.

Câu 330: Xác định thành phần biệt lập trong câu: “Có thể nói, *Cánh đồng hoang* là một trong những phim cách mạng đậm chất trữ tình nhất từ trước đến nay.”

- A. Có thể - thành phần tình thái.
- B. Có thể - thành phần cảm thán.
- C. Có thể - thành phần phụ chú.
- D. Có thể - thành phần gọi đáp.

b) Thông hiểu:

Câu 331: Nội dung của đoạn văn thứ hai là gì?

- A. Về đẹp trữ tình và đôn hậu của người dân Nam bộ.
- B. Khẳng định *Cánh đồng hoang* là bộ phim cách mạng đậm chất trữ tình.
- C. *Cánh đồng hoang* là tác phẩm đậm tình người và cuộc sống Nam bộ.
- D. Tác phẩm nói về những người miền Tây đôn hậu và hào sảng.

Câu 332: Đoạn văn thứ ba đã đề cập đến nguyên nhân nào dẫn đến “*Cánh đồng hoang*” trở thành tác phẩm kinh điển?

- A. Chất đời thường và những trải nghiệm thực tế mà ê-kíp đã đưa vào phim.
- B. Đạo diễn Hồng Sến, biên kịch Nguyễn Quang Sáng là những người từng đi qua chiến tranh nên thấu hiểu bối cảnh và tâm lý nhân vật.
- C. Nhạc phim xuất sắc của Trịnh Công Sơn, người luôn mang ưu tư và trăn trở trên con đường truy cầu hòa bình.
- D. Dàn diễn viên Lâm Tới, Thúy An đều là những người từng đi qua chiến tranh nên thấu hiểu bối cảnh và tâm lý nhân vật.

Câu 333: “*Phổ quát*” trong cụm từ “*tính nhân văn phổ quát*” ở đoạn cuối có nghĩa là gì? *Phổ quát* thuộc từ loại nào mà em đã học?

- A. *Phổ quát (tính từ): phổ biến một cách rộng khắp, bao trùm tất cả.*
- B. *Phổ quát (danh từ): phổ biến một cách rộng khắp, bao trùm tất cả.*
- C. *Phổ quát (động từ): phổ biến một cách rộng khắp, bao trùm tất cả.*
- D. *Phổ quát (trạng từ): phổ biến một cách rộng khắp, bao trùm tất cả.*

Câu 334: Để truyền tải thông tin sinh động, hiệu quả, ta có thể kết hợp phương tiện phi ngôn ngữ nào khi giới thiệu một bộ phim dưới hình thức của một văn bản?

- A. Hình ảnh, số liệu, sơ đồ.
- B. Số liệu, sơ đồ.
- C. Áp phích.
- D. Sơ đồ.

Câu 335: Cuối phim có cảnh một phi công Mỹ chết, tấm ảnh vợ con anh ta rơi khỏi túi áo nói đến điều gì về những người lính Mỹ?

- A. Họ cũng là những con người bình thường bị đẩy vào bi kịch.
- B. Phim có kết thúc mở khiến khán giả phải trăn trở.
- C. Vì chiến tranh, họ phải rời xa gia đình.
- D. Đau thương không phân biệt chiến tuyến.

c) Vận dụng:

Câu 336: Để tiếp thu tác phẩm nhanh hơn, chúng ta nên xem phim hay đọc sách?

A. Xem phim hay đọc sách đều có thể tiếp thu nhanh nếu có phương pháp tiếp nhận hợp lý.

B. Xem phim. Vì có thể kết hợp nhiều giác quan cùng lúc.

C. Đọc sách. Vì có thể đọc lướt một cách khoa học.

D. Xem phim hay đọc sách không nhanh bằng được nghe người kể tóm tắt.

Ngữ liệu 3

MẸ VẮNG NHÀ-BỘ PHIM TUYỆT ĐẸP VỀ NHỮNG ĐỨA TRẺ THỜI CHIẾN TRANH

[...] *Mẹ vắng nhà* kể về cuộc sống của chị Út Tịch và năm đứa con thơ trong bối cảnh chiến tranh Việt Nam giữa những ngày tháng khốc liệt nhất. Bộ phim mở đầu với hình ảnh hạnh phúc của chị Út đang quay quần cạnh đàn con thơ bên một chái nhà tranh đơn sơ nằm sát bến sông. Niềm hạnh phúc bình dị ấy chẳng kéo dài được bao lâu. Là một chiến sĩ cách mạng của Mặt trận giải phóng miền Nam, người mẹ trẻ phải để các con thơ ở lại nhà để làm nhiệm vụ tải lương, tải đạn cho bộ đội. Năm đứa con tự chăm sóc nhau, trong đó Bé – cô chị cả, chưa đến mười tuổi – thay mẹ chăm lo cho những đứa em nhỏ. Chị Bé thay mẹ làm những việc lớn, chèo thuyền đi mò ốc ra chợ bán rồi mua quà bánh về cho các em và dạy dỗ chúng như một người mẹ trẻ; leo lên cây ngấm mẹ đi đánh giặc, rồi kể cho những đứa em nheo nhóc đứng dưới gốc cây hóng chuyện....

(In trong *101 bộ phim Việt Nam hay nhất*, Nhã Nam và NXB Thế giới, 2018)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 337: Đoạn văn trên được viết theo cấu trúc nào?

A. Diễn dịch

B. Quy nạp

C. Song song

D. Phối hợp

Câu 338: Câu chủ đề nằm ở vị trí nào trong đoạn văn trên?

A. Đầu đoạn

B. Cuối đoạn

C. Các câu phối hợp song song.

D. Đầu đoạn và cuối đoạn.

Câu 339: Đây là thông tin cơ bản của đoạn văn trên?

A. Mẹ vắng nhà kể về cuộc sống của chị Út Tịch và năm đứa con thơ trong bối cảnh chiến tranh Việt Nam giữa những ngày tháng khốc liệt nhất.

B. Bộ phim mở đầu với hình ảnh hạnh phúc của chị Út đang quây quần cạnh đàn con thơ bên một chái nhà tranh đơn sơ nằm sát bến sông.

C. Là một chiến sĩ cách mạng của Mặt trận giải phóng miền Nam, người mẹ trẻ phải để các con thơ ở lại nhà để làm nhiệm vụ tải lương, tải đạn cho bộ đội.

D. Năm đứa con tự chăm sóc nhau, trong đó Bé – cô chị cả, chưa đến mười tuổi – thay mẹ chăm lo cho những đứa em nhỏ.

Câu 340: Là một chiến sĩ cách mạng, chị Út Tịch làm nhiệm vụ gì?

A. Chị tải lương, tải đạn cho bộ đội.

B. Chị là chiến sĩ cách mạng của Mặt trận giải phóng miền Nam.

C. Chị chăm sóc cho năm đứa con thơ.

D. Chị vừa chăm sóc con vừa tải đạn cho bộ đội.

Câu 341: Đứa con gái lớn của chị Út Tịch làm gì khi mẹ vắng nhà?

A. Thay mẹ chăm lo cho những đứa em nhỏ.

B. Chèo thuyền đi mò ốc ra chợ bán rồi mua quà bánh về cho các em.

C. Dạy dỗ những đứa em như một người mẹ trẻ.

D. Leo lên cây ngắm mẹ đi đánh giặc, rồi kể cho những đứa em nghe.

Câu 342: Xác định thành phần biệt lập trong câu sau: “*Năm đứa con tự chăm sóc nhau, trong đó Bé – cô chị cả, chưa đến mười tuổi – thay mẹ chăm lo cho những đứa em nhỏ.*”

A. cô chị cả, chưa đến mười tuổi

B. cô chị cả

C. chưa đến mười tuổi

D. trong đó Bé – cô chị cả, chưa đến mười tuổi

b) Thông hiểu:

Câu 343: Hình ảnh chị Út Tịch gợi nhớ đến câu tục ngữ, thành ngữ nào? Câu tục ngữ, thành ngữ đó nói lên phẩm chất gì của người phụ nữ Việt Nam?

A. Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh (dũng cảm, kiên cường, yêu nước)

B. Chỗ ướm mẹ nằm, chỗ ráo con lăn (thương con và giàu đức hi sinh)

C. Nhà khó cậy vợ hiền, nước loạn nhờ tướng giỏi (vun vén cho gia đình)

D. Chịu thương chịu khó (cần mẫn, tận tảo, không ngại khó)

Câu 344: Tác dụng của thành phần biệt lập trong câu: “*Năm đứa con tự chăm sóc nhau, trong đó Bé – cô chị cả, chưa đến mười tuổi – thay mẹ chăm lo cho những đứa em nhỏ.*” là gì?

A. Bổ sung thông tin về nhân vật Bé.

B. Bổ sung chi tiết cho nội dung chính của câu.

C. Thể hiện nhận định của người nói đối với nhân vật Bé.

D. Diễn tả cảm xúc của người nói đối với nhân vật Bé.

Câu 345: Em nhận xét như thế nào về vẻ đẹp của nhân vật Bé qua đoạn văn trên?

- A. Vẻ đẹp của sự đảm đang, chu toàn mọi việc.
- B. Vẻ đẹp của sự hồn nhiên, trong sáng.
- C. Vẻ đẹp của người con gái trưởng thành.
- D. Vẻ đẹp sự thông minh, khéo léo.

Câu 346: Lấy bối cảnh nguy hiểm dưới bom đạn của quân đội Mỹ nhưng *Mẹ vắng nhà* không mô tả sự mất mát, đau thương. Vì sao?

- A. Vì tác phẩm tập trung ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn và phẩm giá con người.
- B. Vì tác phẩm tập trung miêu tả vẻ đẹp tâm hồn của chị Út Tịch.
- C. Vì tác phẩm tập trung miêu tả vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật Bé.
- D. Vì chủ đề mất mát, đau thương đã có trong nhiều tác phẩm khác.

Câu 347: Nghĩa của từ “nheo nhóc” trong cụm từ “những đứa em nheo nhóc” là gì? *Nheo nhóc* thuộc từ loại nào mà em đã học?

- A. Nheo nhóc (tính từ): đông em, thiếu sự chăm sóc.
- B. Nheo nhóc (động từ): đông em, thiếu sự chăm sóc.
- C. Nheo nhóc (danh từ): đông em, thiếu sự chăm sóc.
- D. Nheo nhóc (trạng từ): đông em, thiếu sự chăm sóc.

c) Vận dụng:

Câu 348: Nhân vật Bé chưa đầy mười tuổi lại có thể đảm đang và tháo vát đến bất ngờ. Đây là nguyên nhân cơ bản nhất?

- A. Sự trưởng thành về mặt nhận thức của nhân vật Bé.
- B. Thừa hưởng những phẩm chất tốt đẹp từ mẹ.
- C. Chiến tranh khiến con người trưởng thành hơn số tuổi.
- D. Mẹ vắng nhà, chăm sóc em là nhiệm vụ của chị lớn.

Câu 349: Em học được những điều gì từ nhân vật Bé?

- A. Biết tự lập, biết yêu thương, biết chia sẻ, giúp đỡ người khác.
- B. Biết chăm sóc các em khi mẹ vắng nhà.
- C. Biết làm việc nhà khi mẹ vắng nhà.
- D. Không ỷ lại vào người khác.

Câu 350: Trẻ em ngày nay có ít người trưởng thành như “chị Bé” trong văn bản. Em có đồng ý với ý kiến trên không? Vì sao?

- A. Em không đồng ý. Vì ngày nay có rất nhiều trẻ em giỏi giang, tháo vát.
- B. Em không đồng ý. Vì không có chiến tranh nên không cần như “Bé”.
- C. Em đồng ý. Vì trẻ em ngày nay có điều kiện sống tốt hơn ngày xưa.
- D. Em đồng ý. Vì trẻ em cần được chăm sóc và yêu thương.

BÀI 9: ÂM VANG CỦA LỊCH SỬ (Truyện lịch sử)

MA TRẬN ĐỀ

TT	Nội dung kiến thức	Nhận	Thông	Vận	Tổng
----	--------------------	------	-------	-----	------

	(theo Chương/bài/chủ đề)	biết	hiểu	dụng	số câu
1	Ngữ liệu 1: Hoàng Lê Nhất Thống Chí	8	5	2	15
2	Ngữ liệu 2: Lá cờ thêu sáu chữ vàng	10	5	1	16
Tổng		18	10	3	31

Ngữ liệu 1

HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ

Ngô Gia Văn Phái

[...] Vua Quang Trung bèn sai mở tiệc khao quân, chia quân sĩ ra làm năm đạo, hôm đó là ngày 30 tháng chạp. Rồi nhà vua bảo kín với các tướng rằng:

- Ta với các người hãy tạm sửa lễ cúng Tết trước đã. Đến tối 30 Tết lập tức lên đường, hẹn đến ngày mùng 7 năm mới thì vào thành Thăng Long mở tiệc ăn mừng. Các người nhớ lấy, đừng cho là ta nói khoác!

[...] Cả năm đạo quân đều lạy vâng mệnh lệnh, đúng ngày, gióng trống lên đường ra Bắc.

Khi quân đến sông Gián, nghĩa binh trấn thủ ở đó tan vỡ chạy trước. Lúc đến sông Thanh quyết, toán quân Thanh đi do thám từ đằng xa trông thấy bóng cũng chạy nốt. Vua Quang Trung liền thúc quân đuổi theo, tới huyện Phú Xuyên thì bắt sống được hết, không để tên nào trốn thoát. Bởi vậy, không hề có ai chạy về báo tin, nên những đạo quân thanh đóng ở Hà Hồi và Ngọc Hồi đều không biết gì cả.

Nửa đêm mùng 3 tháng giêng, năm Kỷ Dậu (1789), vua Quang Trung tới làng Hà Hồi, huyện Thượng Phúc, lặn lẽ vây kín làng ấy, rồi bắc loa truyền gọi, tiếng quân lính luân phiên nhau dạ ran để hưởng ứng, nghe như có hơn vài vạn người. Trong đồn lúc ấy mới biết, ai nấy rụng rời sợ hãi, liền xin ra hàng, lương thực khí giới đều bị quân Nam lấy hết.

Vua Quang Trung lại truyền lấy sáu chục tấm ván, cứ ghép liền ba tấm làm một bức, bên ngoài lấy rơm dấp nước phủ kín, tất cả là hai mươi bức. Đoạn kén hạng lính khỏe mạnh, cứ mười người khiêng một bức, lưng giắt dao ngắn, hai mươi người khác đều cầm binh khí theo sau, dàn thành trận chữ “nhất”, vua Quang Trung cưỡi voi đi đốc thúc, mờ sáng ngày mùng 5 tiến sát đồn Ngọc Hồi. Quân Thanh nổ súng bắn ra, chẳng trúng người nào cả. Nhân có gió bắc, quân Thanh bèn dùng ống

phun khói lửa ra, khói toả mù trời, cách gang tấc không thấy gì, hòng làm cho quân Nam rối loạn. Không ngờ trong chốc lát trời bỗng trở gió nam, thành ra quân Thanh lại tự làm hại mình.

Vua Quang Trung liền gấp rút sai đội khiêng ván vừa che vừa xông thẳng lên trước. Khi gươm giáo của hai bên đã chạm nhau thì quăng ván xuống đất, ai nấy cầm dao ngắn chém bừa, những người cầm binh khí theo sau cũng nhất tề xông tới mà đánh.

Quân Thanh chống không nổi, bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết. Tên thái thú Điền Châu là Sầm Nghi Đống tự thắt cổ chết. [...] Quân Thanh đại bại.

Trước đó, vua Quang Trung đã sai một toán quân theo bờ đê Yên Duyên kéo lên, mở cờ gióng trống để làm nghi binh ở phía đông. Đến lúc ấy, quân Thanh chạy về trông thấy, càng thêm hoảng sợ, bèn tìm lối tắt theo đường Vịnh Kiều mà trốn. Chợt lại thấy quân voi từ Đại Áng tới, quân Thanh đều hết hồn hết vía, vội trốn xuống đầm Mực, làng Quỳnh Đô, quân tây Sơn lừa voi cho giày đạp, chết đến hàng vạn người.

Giữa trưa hôm ấy, vua Quang Trung tiến binh đến Thăng Long, rồi kéo vào thành.

Nguyên trước đó, Đô đốc Long đốc suất hữu quân đã đem binh đến đóng ở làng Nhân Mục huyện Thanh Trì. Lúc Vua Quang đang đánh với quân Thanh ở Ngọc Hồi, thì sáng hôm ấy Long đã đánh tên Thái Thú Điền Châu ở trại Khương Thượng thuộc huyện Quảng Đức. Quân Thanh tan vỡ bỏ chạy. Long liền tiến trước vào thành.

(In trong Hoàng Lê Nhất Thống Chí, Ngô Gia Văn Phái, bản dịch của Nguyễn Đức Vân- Kiều Thu Hoạch, NXB Văn học, 1987)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 351: Phương thức biểu đạt của ngữ liệu trên là gì ?

- A. Tự sự, miêu tả
- B. Thuyết minh, biểu cảm
- C. Nghị luận, biểu cảm
- D. Nghị luận, thuyết minh

Câu 352: Cuộc chiến của vua Quang Trung với giặc ngoại xâm nào?

- A. Giặc Thanh.
- B. Giặc Minh.
- C. Giặc Ngô.
- D. Giặc Hán.

Câu 353: Vua Quang Trung mở tiệc khao quân vào thời gian nào?

- A. Ngày 30 tháng Chạp.
- B. Ngày 29 tháng Chạp.
- C. Ngày 25 tháng Chạp.
- D. Mồng 3 tháng Giêng.

Câu 354: Tên tướng giặc nào phải thắt cổ tự vẫn?

- A. Sầm Nghi Đống
- B. Tôn Sĩ Nghị
- C. Thoát Hoan
- D. Tô Định

Câu 355: Câu: “*Các người nhớ lấy, đừng cho là ta nói khoác!*” là kiểu câu gì?

- A. Câu cầu khiến
- B. Câu hỏi
- C. Câu cảm
- D. Câu kể

Câu 356: “ - *Ta với các người hãy tạm sửa lễ cúng tết trước đã. Đến tối 30 Tết lập tức lên đường, hẹn đến ngày mồng 7 năm mới thì vào thành Thăng Long mở tiệc ăn mừng. Các người nhớ lấy, đừng cho là ta nói khoác!*” lời của ai nói với ai?

- A. Quang Trung nói với các tướng
- B. Quang Trung nói với tất cả quân lính
- C. Quang Trung nói với dân làng
- D. Quang Trung nói với Đại đô đốc Lộc

Câu 357: Hình ảnh quân tướng nhà Thanh thua trận được miêu tả như thế nào?

- A. Bỏ chạy tán loạn.
- B. Đầu hàng vô điều kiện
- C. Kêu thêm viện binh
- D. Tất cả đều sai

Câu 358: Khi nói về cảnh vua Quang Trung cầm quân ra trận và trực tiếp chiến đấu, tác giả chủ yếu dùng những kiểu câu nào?

- A. Câu kể (trần thuật)
- B. Câu cảm thán
- C. Câu cầu khiến
- D. Câu nghi vấn

b) Thông hiểu:

Câu 359: Vua Quang Trung mở tiệc khao quân nhằm mục đích gì?

- A. Cổ vũ động viên tinh thần quân sĩ.
- B. Để quân sĩ khỏi lo sợ.
- C. Để quân lính bớt nhớ nhà.
- D. Làm cho quân giặc khiếp sợ

Câu 360: Ý nói đúng nhất nội dung của phần trích trên?

- A. Ca ngợi hình tượng người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ
- B. Nói lên việc mở tiệc ăn mừng của quân lính

- C. Nói lên sự hung hãn của quân Thanh
- D. Vui mừng của quân ta khi chiến thắng

Câu 361: Tại sao tác giả trung thành với nhà Lê (hưởng bổng lộc của nhà Lê) nhưng viết chân thực về Quang Trung như vậy?

- A. Vì họ tôn trọng lịch sử và ý thức dân tộc.
- B. Vì họ luôn ủng hộ kẻ mạnh.
- C. Vì họ không yêu nước.
- D. Vì họ không có ý thức dân tộc.

Câu 362: Nghệ thuật nổi bật của ngữ liệu là gì?

- A. Lối văn trần thuật kết hợp với miêu tả chân thực, sinh động.
- B. Ước lệ tượng trưng.
- C. Tả cảnh ngụ tình.
- D. Tất cả các đáp án trên đều sai.

Câu 363: Em hãy giải thích nghĩa của từ “nhất” trong câu “*hai mươi người khác đều cầm binh khí theo sau, dàn thành trận chữ “nhất”.*”

- A. dàn hàng ngang
- B. dàn hàng dọc
- C. thành vòng tròn
- D. thành hình chữ A

c) Vận dụng:

Câu 364: Qua phần trích trên em cảm nhận được điều gì về hình ảnh vua Quang Trung?

- A. Trí tuệ hơn người, chiến lược thiên tài, lắm liệt trong chiến trận.
- B. Lòng yêu nước, tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta.
- C. Sự thảm bại nhục nhã của quân, tướng nhà Thanh khi xâm lược nước ta.
- D. Sự kiêu ngạo của quân, tướng nhà Thanh khi kéo quân vào xâm lược nước ta.

Câu 365: Đoạn trích trên giúp em hiểu thêm được điều gì về lịch sử dân tộc?

- A. Kháng chiến chống quân Thanh và anh hùng Nguyễn Huệ.
- B. Kháng chiến chống quân Minh và anh hùng Nguyễn Huệ.
- C. Kháng chiến chống quân Nguyên và anh hùng Nguyễn Huệ.
- D. Kháng chiến chống quân Nam Hán và anh hùng Nguyễn Huệ.

Ngữ liệu 2

LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG

Trích, Nguyễn Huy Tưởng

Hoài Văn nắn nì thế nào quân Thánh Dực cũng không cho chàng xuống bến.
Hầu đứng trên bờ, thần thờ nhìn bến Bình Than. Hai cây đa cổ thụ rủ bóng râm mát che kín cả một khúc sông.

Dưới bến, những thuyền lớn của các vương hầu về hội sư, đậu dài san sát, sơn đủ các màu. Trên mũi thuyền, phát phối những lá cờ hiệu của các vương hầu. Hiệu cờ của Chiêu Minh Vương, của Chiêu Quốc Vương, của Chiêu Văn Vương, của Hưng Đạo Vương, của Chiêu Thành Vương, chú ruột mình. Thuyền của các vị đại vương chức trọng quyền cao nhất của triều đình đều ở gần thuyền ngự. Thuyền ngự cao lớn hơn cả, chạm thành hình một con rồng lớn rực rỡ sơn vàng, hai bên mạn dàn bày cờ quạt, tàn vàng, tán tía và đồ nghi trượng của đấng thiên tử. Hết thuyền của các đại vương là thuyền của các tước vương bậc dưới, rồi đến thuyền của các tước hầu, cuối cùng là thuyền của các tướng sĩ đi hộ vệ. Mắt Hoài Văn dăm dăm nhìn thuyền của Hưng Võ Vương, Hưng Trí Vương, Hưng Hiếu Vương... Thì ra các con trai của Hưng Đạo Vương đều đủ mặt. Những người em họ ấy, chẳng qua chỉ hơn Hoài Văn dăm sáu tuổi! Cha ta mất sớm, nên ta mới phải đứng rìa nhục nhã thế này! Mắt Hoài Văn giương to đến rách, nhìn những lá cờ bay múa trên những đoàn thuyền đẹp như gấm như hoa.

Qua các cửa sổ có chấn song triện và rủ màn幔 hoa của thuyền rồng, Hoài Văn thấy các vương hầu đang ngồi bàn việc nước với quan gia. Hoài Văn chẳng biết các vị đang nói gì. Nhưng bàn gì thì bàn, Hoài Văn dám chắc cũng chẳng ngoài cái việc lớn là cho quân Nguyên mượn đường vào đánh Chiêm Thành hay chống cự lại mà thôi. Dã tâm của quân giặc đã hai năm rõ mười rồi. Nó giả tiếng mượn đường, kì thực là để cướp sống lấy nước Nam. Chỉ có việc đánh, làm gì phải kéo ra tận đây mà bàn đi bàn lại? Chao ôi! Lúc này mà Hoài Văn được xuống thuyền rồng và được bàn việc nước! Chàng sẽ quỳ trước mặt quan gia, và xin quan gia cho đánh! Thuyền rồng im lặng. Tàn tán, cờ quạt và các đồ nghi trượng in màu vàng son trên mặt nước sông trong vắt. Chốc chốc lại thấy những người nội thị quỳ ngoài mũi, dâng trà cau, dâng thuốc. Hoài Văn muốn xô mấy người lính Thánh Dực để chạy xuống bến nhưng lại sợ tội chém đầu.

Chàng muốn thét to: "Xin quan gia cho đánh", nhưng lại e phạm thượng!

Mấy tháng ở kinh, thấy sứ Nguyên hạch sách đủ điều, Hoài Văn chỉ có một ý nghĩ là đánh, đánh để giữ lấy quốc thể. Rồi lại đến cái ngày quan gia mời các bô lão khắp bàn dân thiên hạ về kinh để nhà vua hỏi ý dân xem nên cho giặc mượn đường hay nên đánh lại. Các bô lão là những người quê mùa chất phác, chưa bao giờ được bước chân vào nơi lầu son, gác tía, chưa bao giờ được bàn việc nước, thế mà nghe quan gia hỏi, họ đều nắm tay, gân mặt, khăng khái tâu lên: "Xin đánh", trăm miệng một lời, rung chuyển cả tòa điện Diên Hồng. Những người áo vải ấy còn biết đường phải trái, huống chi ta là bậc tôn thất há lại không nghĩ được như họ

hay sao? Đến họ mà quan gia còn hỏi kè, sao ta là người gần gũi, quan gia chẳng hỏi một lời ?

Suốt ngày hôm qua, Hoài Văn ruổi ngựa đi tìm vua, quên không ăn uống. Hôm nay, đợi mãi từ sớm đến trưa, Hoài Văn thấy đói cồn cào, mắt hoa lên, đầu choáng váng, chân tay buồn bã. Hoài Văn không chịu được nữa. Đứng mãi đây cho đến bao giờ? Thôi thì liều một chết vậy. Ta cứ xuống, chỉ nói hai tiếng xin đánh, rồi mặc cho triều đình luận tội. Hoài Văn xô mấy người lính Thánh Dực ngã chúi, xăm xăm xuống bến. Một viên tướng hốt hoảng chạy tới, níu áo Hoài Văn lại. Quốc Toản tuốt gươm, mắt trừng lên một cách điên dại:

- Không buông ra, ta chém !

Lính ập đến giữ lấy Hoài Văn. Thực ra, vì nể chàng là một vương hầu, nên họ đã để cho chàng đứng đấy từ sáng.

(Nguyễn Huy Tưởng, Lá cờ thêu sáu chữ vàng, NXB Văn học, Hà Nội, 1997)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 366: Nhân vật chính trong ngữ liệu trên là ai?

- A. Trần Quốc Toản
- B. Trần Quốc Tuấn.
- C. Hưng Đạo Vương.
- D. Chiêu Quốc Vương.

Câu 367: Giặc Nguyên có dã tâm gì đối với nước ta?

- A. Để cướp sống lấy nước Nam.
- B. Giúp đỡ nước ta.
- C. Thông thương với nước ta.
- D. Liên kết với nước ta xâm chiếm nước khác.

Câu 368: Hoài Văn xin gặp vua để làm gì?

- A. Để xin vua ra lệnh đánh giặc.
- B. Để xin vua ra lệnh hòa hoãn.
- C. Để xin vua ra lệnh đầu hàng.
- D. Để xin vua ra lệnh rút lui.

Câu 369: Hưng Võ Vương, Hưng Trí Vương, Hưng Hiếu Vương – các con trai của Hưng Đạo Vương hơn Hoài Văn bao nhiêu tuổi?

- A. Dăm sáu tuổi.
- B. 3 tuổi.
- C. 4 tuổi.
- D. 5 tuổi

Câu 370: Máy tháng ở kinh, thấy sứ Nguyên hạch sách đủ điều, Hoài Văn chỉ có một ý nghĩ là:

- A. đánh, đánh để giữ lấy quốc thể
- B. nên hòa với giặc
- C. được ngắm bến Bình Than
- D. xin được rút lui

Câu 371: Suốt ngày hôm qua, Hoài Văn ruổi ngựa đi tìm vua đã quên điều gì ?

- A. quên không ăn uống.
- B. quên đem theo gươm
- C. quên đem theo quân lính
- D. quên báo cho mẹ biết

Câu 372: Hoài Văn Hầu - Trần Quốc Toản có tâm trạng như thế nào khi phải đứng trên bờ nhìn quang cảnh một sự kiện đặc biệt đang diễn ra ở bến Bình Than?

- A. Thẫn thờ nhìn bến Bình Than
- B. Vô cùng ấm ức, vừa hờn vừa tủi.
- C. Vui mừng, hạnh phúc.
- D. Buồn bã, do dự.

Câu 373: Quang cảnh, không khí ở bến Bình Than – nơi diễn ra hội nghị quan trọng như thế nào?

- A. Đầy những thuyền lớn của các vương hầu về hội sư, các vị vương chức quyền cao nhất của triều đình, thuyền ngự, không khí trang nghiêm, tĩnh mịch.
- B. Đầy những thuyền lớn nhỏ, cờ, hoa và biểu ngữ, không khí vui tươi, hân hoan.
- C. Tấp nập người qua lại, nhộn nhịp, không khí mới lạ đầy thú vị.
- D. Đầy những thuyền lớn của vua quan, không khí vui vẻ.

Câu 374: Hoài Văn có hành động gì khi không chịu được cảnh chờ đợi?

- A. Liều mạng xô mấy người lính Thánh Dực ngã chúi, xăm xăm xuống bến.
- B. Nhờ Trần Hưng Đạo xin.
- C. Đánh lạc hướng quân lính
- D. Đứng ở trên bờ kêu lớn cho mọi người nghe.

Câu 375: Câu chuyện dựa trên bối cảnh lịch sử nào?

- A. Cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên xâm lược.
- B. Cuộc kháng chiến chống quân Thanh xâm lược.
- C. Cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược.
- D. Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán xâm lược.

b) Thông hiểu:

Câu 376: Tại sao binh lính lại để cho Hoài Văn đứng ở bến Bình Than từ sáng?

- A. Vì họ nể Hoài Văn là một vương hầu.
- B. Vì họ sợ Hoài Văn.
- C. Vì họ không quan tâm đến Hoài Văn.
- D. Vì họ sợ vua chém đầu.

Câu 377: Thái độ của Trần Quốc Toản đối với quân Nguyên ra sao trước âm mưu xâm chiếm đất nước?

- A. Vô cùng căm giận.
- B. Vô cùng xấu hổ.
- C. Vô cùng sợ hãi.
- D. Vô cùng tủ nhục.

Câu 378: Chàng muốn thét to: "Xin quan gia cho đánh", nhưng lại e phạm thượng! Từ "phạm thượng" trong câu trên có nghĩa

- A. phạm tội với Vua
- B. danh dự của một quốc gia
- C. gặp nhau bàn việc quân
- D. lệnh của bề trên

Câu 379: Nét tính cách nào của Trần Quốc Toản được thể hiện qua suy nghĩ "Chàng muốn thét to: "Xin quan gia cho đánh", nhưng lại e phạm thượng! " với vua?

- A. Dũng cảm, giàu lòng yêu nước, căm thù giặc.
- B. Ham học hỏi, trọng tình nghĩa.
- C. Tủi hờn của một thanh niên mới lớn.
- D. Thể hiện người có sức mạnh vô cùng to lớn

Câu 380: "Mắt Hoài Văn giương to đến rách, nhìn những lá cờ bay múa trên những đoàn thuyền đẹp như gấm như hoa." Theo em tâm trạng đó thể hiện Hoài Văn là người như thế nào?

- A. quyết tâm được xuống thuyền gặp vua để trình bày ý kiến đánh giặc của mình
- B. là tính cách của một thanh niên mới lớn: tự ái, hờn tủi
- C. phản ứng bột phát, bất chấp phép tắc và sự can ngăn của mọi người
- D. thể hiện chàng là một người có sức mạnh vô cùng to lớn.

c) Vận dụng:

Câu 381: Ngữ liệu trên mang lại cho em những cảm xúc gì?

- A. Biết ơn, tự hào về truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta.
- B. Biết được nhiều các nhân vật lịch sử.
- C. Hiểu thêm về Hoài Văn.
- D. Lo sợ Hoài Văn bị chém đầu.

BÀI 10: CƯỜI MÌNH, CƯỜI NGƯỜI **(Thơ trào phúng)**

MA TRẬN

TT	Nội dung kiến thức (theo Chương/bài/chủ đề)	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng số câu
1	Ngữ liệu 1: Mời trầu	4	3	2	9
2	Ngữ liệu 2: Cái cò lặn lội bờ ao	5	3	2	10
3	Ngữ liệu 3: Vịnh khoa thi hương	3	5	2	10
4	Ngữ liệu 4: Thương vợ	4	5	1	10
Tổng		16	16	7	39

Ngữ liệu 1

MỜI TRẦU

Hồ Xuân Hương

Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi
 Này của Xuân Hương mới quệt rồi
 Có phải duyên nhau thì thăm lại
 Đùng xanh như lá, bạc như vôi

(*Thơ Hồ Xuân Hương*, NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 382: Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Thất ngôn tứ tuyệt
- B. Ngũ ngôn tứ tuyệt
- C. Ngũ ngôn bát cú
- D. Thất ngôn bát cú

Câu 383: Bài thơ sử dụng thủ pháp trào phúng nào?

- A. Ẩn dụ.
- B. Giễu nhại.
- C. Phóng đại.
- D. Lối nói nghịch lí.

Câu 384: Chỉ ra cách gieo vần trong bài thơ?

- A. Gieo ở cuối câu thơ đầu và cuối các câu chẵn.
- B. Gieo ở cuối câu đầu và câu hai
- C. Gieo ở cuối câu đầu và câu bốn.
- D. Gieo ở cuối cả bốn dòng thơ.

Câu 385: Chỉ ra thành ngữ được sử dụng trong bài thơ?

- A. xanh như lá, bạc như vôi.
- B. quả cau nho nhỏ.
- C. miếng trầu hôi.
- D. có phải duyên nhau.

b) Thông hiểu:

Câu 386: Hai câu thơ đầu giúp em hình dung điều gì?

- A. Sự chân thật, giản dị, khéo léo của người phụ nữ.
- B. Vẻ đẹp của hình ảnh quả cau.
- C. Vẻ đẹp của hình ảnh miếng trầu.
- D. Sự kết hợp độc đáo của hình ảnh quả cau và miếng trầu.

Câu 387: Tác dụng của thủ pháp trào phúng thể hiện trong hai câu thơ cuối?

- A. Lời nhắc khéo dành cho các bậc quan tử.
- B. Lời tự nhủ của riêng người phụ nữ.
- C. Lời trách móc xã hội bất công, tàn bạo.
- D. Lời tố cáo những lễ giáo phong kiến.

Câu 388: Hiệu quả biểu đạt của việc tác giả tự xưng tên mình trong câu thơ “*Này của Xuân Hương mới quệt rồi*” ?

- A. Khẳng định quyền bình đẳng
- B. Khẳng định quyền tự chủ.
- C. Khẳng định quyền phát biểu.
- D. Khẳng định quyền tự do.

c) Vận dụng:

Câu 389: Bài thơ muốn gửi đến người đọc thông điệp gì?

- A. Tấm lòng rộng mở và khát khao hạnh phúc của người phụ nữ.
- B. Sự tin tưởng vào một cuộc đời tươi đẹp ở phía trước.
- C. Nỗi buồn cho thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến.
- D. Sự đồng cảm, chia sẻ đối với thân phận người phụ nữ.

Câu 390: Qua bài thơ em cảm nhận thêm được điều gì về người phụ nữ trong xã hội phong kiến?

- A. Tinh thần đấu tranh đòi hạnh phúc của người phụ nữ.
- B. Vẻ đẹp hình thức của người phụ nữ.
- C. Vẻ đẹp bên trong của người phụ nữ.
- D. Vẻ đẹp hình thức và tâm hồn của người phụ nữ.

Ngữ liệu 2

CÁI CÒ LẶN LỘI BỜ AO...

Cái cò lặn lội bờ ao
Hỡi cô yếm đào lấy chú tôi chăng?
Chú tôi hay từu hay tắm

Hay nước chè đặc, hay năm ngũ trưa
Ngày thì ước những ngày mưa
Đêm thì ước những đêm thừa trống canh
(Ca dao Việt Nam)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 391: Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Lục bát
- B. Song thất lục bát
- C. Ngũ ngôn
- D. Tự do

Câu 392: Văn bản trên sử dụng thủ pháp trào phúng nào?

- A. Giễu nhại.
- B. Phóng đại.
- C. Ẩn dụ.
- D. Lối nói nghịch lí.

Câu 393: “Chú tôi” được khắc họa trong văn bản là người như thế nào?

- A. Lười biếng, nghiện rượu chè, không muốn làm việc.
- B. Giàu sang, lễ phép, có học thức.
- C. Thông minh, đa tài, hiểu chuyện.
- D. Nghèo túng, lam lũ, vất vả.

Câu 394: Hình ảnh “cô yếm đào” ý chỉ ai?

- A. Người phụ nữ đẹp.
- B. Người phụ nữ giàu có.
- C. Người phụ nữ thông minh.
- D. Người phụ nữ có học thức.

Câu 395: Câu tục ngữ nào sau đây đề cao giá trị của người lao động ?

- A. Canh một chưa năm, canh năm đã dậy.
- B. Có thực mới vực được đạo.
- C. Nhất canh trì, nhị canh viên, tam canh điền.
- D. Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống.

b) Thông hiểu:

Câu 396: Em hiểu từ “hay” trong bài văn bản theo nghĩa nào?

- A. Giỏi về một lĩnh vực nào đó (nói ngược).
- B. Giỏi về tất cả mọi lĩnh vực.
- C. Giỏi về khả năng giao tiếp.
- D. Giỏi về khả năng lao động.

Câu 397: Hình ảnh “cái cò lặn lội bờ ao” khắc họa hình ảnh người phụ nữ như thế nào?

A. Cần cù, chịu khó, giàu đức hi sinh.

B. Xinh đẹp, giỏi giang, hiền thực.

C. Cao sang, quý phái, đài các.

D. Tiều tụy, cực khổ, lam lũ.

Câu 398: Tác dụng của việc sử dụng thủ pháp giễu nhại trong văn bản trên?

A. Phê phán những kẻ lười biếng, thích hưởng thụ.

B. Phê phán những kẻ hay học đòi, thích hưởng thụ.

C. Phê phán những kẻ lười biếng, thích thể hiện bản thân.

D. Phê phán những kẻ cơ hội, gió chiều nào xuôi chiều ấy.

c) Vận dụng

Câu 399: Qua bài ca dao, người xưa muốn khẳng định điều gì ?

A. Khẳng định giá trị của người lao động.

B. Khẳng định giá trị của lao động.

C. Khẳng định giá trị của tài năng.

D. Khẳng định giá trị của học vấn.

Câu 400: Bài ca dao phê phán, châm biếm hạng người nào trong xã hội?

A. Lười biếng, ham chơi, thích hưởng thụ.

B. Ba hoa, khoác lác, thích thể hiện bản thân.

C. Chân thành, giản dị, không giấu giếm sự thật.

D. Hiếu thặng, ham chơi, cầu toàn trong mọi chuyện.

Ngữ liệu 3

VỊNH KHOA THI HƯƠNG

Trần Tế Xương

Nhà nước ba năm mở một khoa,
Trường Nam thi lẫn với trường Hà.
Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ,
Ậm ọe quan trường miệng thét loa.
Lọng cặp rợp trời quan sứ đến,
Váy lê quết đất mục đầm ra.
Nhân tài đất Bắc nào ai đó,
Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà.

(*Thơ văn Trần Tế Xương*, NXB Giáo dục, 1984)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 401: Văn bản trên được viết theo thể loại nào?

A. Thơ trào phúng

- B. Thơ ngụ ngôn
- C. Thơ văn xuôi
- D. Thơ kháng chiến

Câu 402: Văn bản sử dụng thủ pháp trào phúng nào?

- A. Giễu nhại.
- B. Phóng đại.
- C. Ẩn dụ.
- D. Lối nói nghịch lí.

Câu 403: Xác định những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thơ “Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ/Âm ọe quan trường miệng hét loa” ?

- A. Đảo ngữ, từ láy, phép đối
- B. Điệp ngữ, liệt kê, so sánh
- C. Ẩn dụ, hoán dụ, chơi chữ
- D. So sánh, ẩn dụ, nói quá

b) Thông hiểu

Câu 404: Nghĩa của từ **lôi thôi** trong văn bản trên là gì ?

- A. Nhếch nhác, luộm thuộm
- B. Lố lăng, lộn xộn
- C. Nhếch nhác, lố lăng
- D. Lôi thôi, lố lăng

Câu 405: Việc sử dụng phép đối trong hai câu thơ “Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ/ Âm ọe quan trường miệng hét loa” có tác dụng gì?

- A. Phản ánh sự bất nháo của kì thi, sự sa sút của chất lượng thi cử.
- B. Phản ánh sự tấp nập, đông vui của các sĩ tử đến từ nhiều vùng khác nhau.
- C. Phản ánh sự hưng thịnh, phát triển của một nền học vấn dưới chế độ cũ.
- D. Phản ánh tài năng, khí chất của các sĩ tử và quan trường trước kì thi.

Câu 406: Từ “mụ đầm” trong bài thơ hiểu theo sắc thái nghĩa như thế nào?

- A. Mĩa mai, châm biếm
- B. Đề cao, xem trọng
- C. Ca ngợi, đề cao
- D. Cười cợt, khoa trương

Câu 407: Tác giả đã thể hiện tình cảm, cảm xúc gì trong hai câu thơ cuối?

- A. Ngao ngán, xót xa trước sự sa sút của đất nước.
- B. Buồn chán, tuyệt vọng về những hình thức thi cử.
- C. Vui sướng, tự hào về những đổi mới của hình thức thi cử.
- D. Tin tưởng, lạc quan về sự phát triển nền giáo dục nước nhà.

Câu 408: Sắc thái tiếng cười trong bài thơ trên thể hiện như thế nào ?

- A. Tiếng cười châm biếm pha lẫn nỗi đau của tác giả.
- B. Tiếng cười châm biếm, đả kích mạnh mẽ.
- C. Tiếng cười hài hước, vui thích, hả hê.
- D. Tiếng cười đồng cảm, đau đớn, xót xa.

c) Vận dụng

Câu 409: Bài thơ trên muốn gửi đến người đọc thông điệp gì ?

- A. Nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm của kẻ sĩ (nhân tài) trước hiện tình đất nước.
- B. Nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm của tất cả sĩ tử trước hiện tình đất nước.
- C. Nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm của quan sứ, mục đầm trong các kì thi.
- D. Nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm của toàn thể nhân dân trước hiện tình đất nước.

Câu 410: Qua bài thơ em cảm nhận thêm được điều gì về cảnh thi cử trong xã hội xưa?

- A. Nhốn nháo, thiếu nghiêm túc.
- B. Nhộn nhịp, nghiêm túc.
- C. Nghiêm túc, hài ươc.
- D. Nghiêm túc, hiệu quả.

Ngữ liệu 4

THƯƠNG VỢ

Trần Tế Xương

Quanh năm buôn bán ở mom sông,
Nuôi đủ năm con với một chồng.
Lặn lội thân cò khi quãng vắng,
Eo sèo mặt nước buổi đò đông.
Một duyên, hai nợ, âu đành phận,
Năm nắng, mười mưa, dám quản công.
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc:
Có chồng hờ hững cũng như không!

(*Thơ văn Trần Tế Xương*, NXB Giáo dục, 1984)

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

a) Nhận biết:

Câu 411: Văn bản trên được viết theo thể loại nào?

- A. Thơ trào phúng
- B. Thơ ngụ ngôn
- C. Thơ văn xuôi
- D. Thơ kháng chiến

Câu 412: Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Thất ngôn bát cú.
- B. Thất ngôn tứ tuyệt.

- C. Ngũ ngôn bát cú.
- D. Ngũ ngôn tứ tuyệt.

Câu 413: “Thân cò” trong bài thơ ý chỉ ai?

- A. Bà Tú (người vợ)
- B. Ông Tú (người chồng)
- C. Con ông Tú
- D. Con bà Tú

Câu 414: Xác định biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thơ “*Lặn lội thân cò khi quãng vắng/Eo sèo mặt nước buổi đò đông*” ?

- A. Đảo ngữ, từ láy, phép đối, ẩn dụ
- B. Điệp ngữ, liệt kê, so sánh, nói quá
- C. Ẩn dụ, hoán dụ, chơi chữ, so sánh
- D. So sánh, ẩn dụ, nói quá, liệt kê

b) Thông hiểu

Câu 415: Hai câu thơ đầu gợi ra công việc và hoàn cảnh của bà Tú như thế nào?

- A. Hoàn cảnh khổ cực, làm ăn vất vả, ngược xuôi.
- B. Hoàn cảnh éo le, trở trêu, không nơi nương tựa.
- C. Hoàn cảnh túng thiếu, nợ nần, lo lắng nhiều bề.
- D. Hoàn cảnh bi đát, thê lương, khó khăn chồng chất.

Câu 416: Cách dùng từ tăng tiến “một”, “hai”, “năm”, “mười” trong bài thơ có tác dụng gì?

- A. Gợi sự gian khổ, cực nhọc tăng lên gấp bội.
- B. Gợi sự đau buồn, bế tắc của số phận người vợ.
- C. Gợi sự khắc nghiệt, khó khăn của thời tiết.
- D. Gợi sự bế bàng, trở trêu trong tình cảm vợ chồng.

Câu 417: Hai câu cuối nhà thơ chửi ai? Chửi điều gì?

- A. Chửi chính mình hờ hững, chửi thói đời đen bạc.
- B. Chửi bản thân mình hờ hững, vô tâm với vợ.
- C. Chửi bản thân mình chỉ biết là gánh nặng cho gia đình.
- D. Chửi thói đời với cuộc sống quan trường, xu nịnh.

Câu 418: Qua bài thơ, tác giả muốn bày tỏ tình cảm gì?

- A. Tấm lòng yêu thương, đồng cảm sâu sắc với vợ.
- B. Tấm lòng thủy chung, sắt son với vợ.
- C. Tình cảm đa sầu, đa cảm trước cuộc sống.
- D. Tình cảm chán ngán, thất vọng trước thực tại.

Câu 419: Câu ca dao nào sau đây phù hợp với nội dung của văn bản trên ?

- A. *Cái cò lặn lội bờ sông
Gánh gạo nuôi chồng tiếng khóc nỉ non.*
- B. *Con cò bay lá bay la
Bay từ cống phủ bay ra cánh đồng.*
- C. *Con cò mà đi ăn đêm*

Đậu phải canh mềm lộn cổ xuống ao.

D. *Cái cò đi đón cơn mưa*

Tối tăm mù mịt ai đưa cò về.

c) Vận dụng

Câu 420: Bài thơ trên gợi ra những phẩm chất cao đẹp nào của người phụ nữ ?

A. **Đảm đang, chịu thương, chịu khó, giàu đức hi sinh.**

B. Chăm chỉ, vất vả, siêng năng, thương người.

C. Thủy chung, son sắt, chịu đựng, lam lũ.

D. Hiền từ, nhân hậu, vị tha, yêu thương.

Tổng: 10 bài – 420 câu.

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

<https://www.vnnteach.com>

Ban biên soạn, thẩm định